

MẠU THÂN 1968 VÀ CUỘC THẨM SÁT TẠI HUẾ

(Tài liệu và Chứng từ)

Tập 4

*Xin dâng một nén hương lòng,
Đôi dòng huyết lệ khóc đồng bào tôi!
nhân kỷ niệm 40 năm Biên cố đau thương*

**Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
03-2009**

MỤC LỤC

I- TRÌNH BÀY + NHẬN ĐỊNH	trang 5
- 1968, Năm Mậu Thân (<i>Stephen B. Young</i>)	5
- Vụ Tết MT, bóng tối lịch sử đã sáng dần? (<i>Ng. Đức Cung</i>)	41
- Đi Nhận Xác Thầy (<i>Tôn Thất Sang</i>)	79
- Từ Xuân Kỷ Sửu 2009 nhìn về trận MT (<i>Trần Bình Nam</i>)	84
II- NHỮNG VÀN THƠ TUỞNG NIỆM	96
- Bốn mươi năm Mậu Thân (<i>Ly Hương</i>)	96
- Mậu Thân, Anh nhớ gì không? (<i>Ý Nga</i>)	97
- Đưa em đi đào xác (<i>Vô Danh</i>)	98
- Tôi không tin (<i>Hải Triều</i>)	99
- Mậu Thân vết thương thế kỷ (<i>Ngô Minh Hằng</i>)	100
- Hãy sám hối đi, hối người Cộng sản! (<i>Chu Tất Tiến</i>)	101



Liên lạc với
Khởi 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
<http://khoid8406vn.blogspot.com/>
vanphong8406@gmail.com

I- TRÌNH BÀY + NHẬN ĐỊNH

1968, Năm Mậu Thân

Stephen B. Young

Đối với người Việt Nam và cả những người Á Châu dùng âm lịch, ngày Tết là một chỉ dấu báo hiệu khởi đầu cho một năm mới mà mọi việc trong vũ trụ đều đổi thay. Vào đúng lúc giao thừa, bắt đầu chu kỳ của 12 tháng mới, sinh khí Âm và Dương lại bắt đầu. Dương khí đã bị Âm khí lấn át làm cho ngày tối thêm và lạnh thêm vào mấy tháng trước ở mùa Đông, mau chóng trở dậy, cho khí trời sinh động, người ta đã gọi là mùa Xuân.

Mỗi năm, sự tuần hoàn trong vũ trụ có sắc thái riêng rẽ, ảnh hưởng đến vận mệnh của từng cá nhân về những chuyển biến hệ trọng xảy ra trong năm. Mỗi năm mang một tên riêng, không phải là một chuỗi những con số tiếp nối như Tây phương, mà là những biểu tượng của tạo hóa. Tại Việt Nam, những nhà chiêm tinh thường hay đoán vận mệnh căn cứ vào ngày tháng năm sinh theo Âm lịch bởi vì sinh lực của năm sinh là điều tiên định ở sinh mệnh của mỗi con người.

Năm Thân là năm dương thịnh, năm của phái Nam làm nên đại cuộc. Năm Thân 1788, một Tướng lãnh Việt Nam đã đánh bại đạo quân xâm lược của Trung Hoa nhằm chiếm Việt Nam để thiết lập chế độ bù nhìn của họ. Sau chiến thắng đó, vị Tướng đã lên ngôi Vua để đưa Quốc gia đến tự chủ. Cũng năm Mậu Thân 1428, một nhà lãnh đạo quân sự khác của Việt Nam đã chiến thắng sau 10 năm kháng chiến chống lại sự xâm lược và đô hộ của triều đại vua Nhà Minh bên Tàu.

Lợi dụng sự kiện lịch sử ấy, năm Mậu Thân 1968 bắt đầu từ nửa đêm 30-01-1968 Hà Nội đã đưa cuộc chiến Việt Nam vào biển máu bằng cách mở các cuộc tấn công ồ ạt vào các Thành phố, Thị trấn Miền Nam Việt Nam vào thời điểm mà Hà Nội tin là Miền Nam không phòng thủ, bảo vệ. Cả Ellsworth Bunker cũng kinh ngạc ở cuộc tấn công này.

Áp dụng đúng quy luật chiến tranh, lợi dụng yếu tố bất ngờ, khi các mục tiêu quân sự chủ quan và thiếu cảnh giác, Hà Nội đã mở ra cuộc tổng công kích vào dịp Tết nhằm nâng cuộc chiến tranh du kích lên một bước cao hơn. Hà Nội đã đưa các đơn vị bộ binh của họ vào nhà và các đường phố ở Thị trấn cũng như ở Thành phố.

Sau Tết MT 1968, tình huống đã thay đổi. Cuộc leo thang chiến tranh vào dịp Tết trước đó làm cho các đơn vị chính quy Hà Nội bị thiệt hại nặng nề. Miền Nam VN đã tìm thấy niềm tin mới. Nghịch lý thay, trong khi ấy thì công luận tại Mỹ ủng hộ cuộc chiến tranh này nhanh chóng giảm sút. Xuất phát từ những quan điểm chủ bại của một số trong tầng lớp có ảnh hưởng đến quần chúng, thành phần e ngại và sợ hãi Hoa Kỳ sẽ bị thất bại và yêu cầu phải chấm dứt cuộc chiến VN ngay tức khắc với bất cứ giá nào, đã lan rộng khắp cả đường phố.

Ngày thứ hai trước Tết, một tín hiệu buồn cười đã đến với Bunker. Trong giờ ăn trưa và đang có những trao đổi quan trọng với Tướng Westmoreland và Robert Komer thì một tiếng nổ khá lớn xảy ra bên ngoài của tư thất Bunker. Sợ những điều bất trắc, người lính Thủy quân Lục chiến gác tư dinh Đại Sứ liền bấm còi báo động lập tức, chung quanh tư dinh đầy lính bảo vệ. Bunker vẫn tiếp tục cuộc họp. Liền sau đó, viên Chỉ huy toán Thủy quân Lục chiến có nhiệm vụ bảo vệ tư dinh bước lên tầng lầu, nơi mà Bunker và các vị khách đang dùng bữa ăn trưa, báo cho ông ta biết tiếng nổ vừa rồi xuất phát từ một chiếc pháo do một người lính Miền Nam làm và đốt để mừng ngày Tết sắp đến.

Những giờ phút mở đầu cho một năm mới tại Việt Nam thường được cả nước -qua những tràng pháo nổ- coi như một chỉ dấu cho mỗi gia đình sẽ được gặp nhiều may mắn, hạnh phúc và an lành trong năm sắp đến. Suốt những ngày Tết, người Việt Nam quây quần trong gia đình của họ. Đàn bà thì thường xuyên trong nhà bếp để chuẩn bị nấu nướng những món ăn ngon đãi họ hàng thân hữu. Đàn ông chơi bài, uống rượu. Còn trẻ con thì kéo nhau đến chúc tuổi ông bà. Trên bàn thờ tổ tiên đầy hoa và trái cây. Dù có đi xa hay bận rộn quanh năm, vào ba ngày Tết, người Việt Nam nào cũng phải cố gắng trở về gia đình của họ. Chuyện đất nước họ gác lại, không mấy quan tâm. An ninh xã hội cũng lơ là.

Chính quyền của ông Thiệu vừa mới đắc cử nên muốn tạo cho dân chúng Việt Nam những cuộc vui trong những ngày Tết trọng đại này. Lần đầu tiên trong nhiều năm bị cấm đoán, dân chúng được đốt pháo trong mấy ngày Xuân. Quân đội và viên chức chánh quyền luân phiên được nghỉ phép để về ăn Tết với gia đình. Dưới cái nhìn của chính phủ Thiệu, cuộc chiến được tạm ngưng vài ngày. Phía cộng sản Hà Nội cũng tuyên bố ngưng chiến trong ngày Tết của dân tộc như phía Miền Nam Việt Nam và Đồng minh. Thiệu cũng rời Sài Gòn để về ăn Tết bên phía quê vợ ông ở Mỹ Tho thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Chủ quan vì tin vào những điều đối phương tuyên bố, chính quyền Miền Nam đã buông thả mọi việc không đề phòng.

Đúng vào lúc chính quyền sơ hở nhất, cộng quân đã phát động cuộc tổng công kích. Phần Bunker, ông ta đã dự đoán qua những chuyển động và chuẩn bị của đối phương trong năm 1967, cộng quân sẽ mở những cuộc tấn công vào dịp Tết.

Chẳng hạn, Hà Nội đã tăng cường lực lượng quân chính quy của họ ở phía Bắc dọc vùng Phi Quân sự, và cả ở vùng biên giới tại Lào. Vùng này trước đó chỉ có hai sư đoàn Bắc Việt nay đã tăng lên tới 4 sư đoàn. Hoa Kỳ đã tăng cường quân về phía Bắc và Westy đã nói với Bunker là quân của ông đã sẵn sàng để đối phó với Bắc Việt. Tin tức khai thác từ những tù hàng binh cộng quân cũng đã xác định là họ đã được lệnh chuẩn bị cuộc tấn công.

Westmoreland tin rằng những trận tấn công lớn sắp sửa xảy ra tới trước mắt, chung quanh Sài Gòn, thành ra một số các đơn vị Hoa Kỳ đóng quân tại vùng rừng núi đã được lệnh di chuyển về đóng quân chung quanh khu dân cư. Những cuộc chuyển quân này chỉ xảy ra trước Tết vài ngày theo yêu cầu của Tư lệnh vùng của Westmoreland và cũng theo những nguồn tin tình báo mà Westmoreland thu thập được. Westmoreland cũng đã hoãn thi hành kế hoạch mở các cuộc càn quét về phía Bắc Sài Gòn mà ông đã dự trù.

Kể từ cuối mùa Thu năm 1967, mức độ tăng cường quân Bắc Việt vào Miền Nam Việt Nam có những chỉ dấu cho thấy chậm lại. Thế nhưng khi nào, nơi nào, và đâu là mục tiêu chính trong cuộc tấn công này thì chưa biết rõ. Nguồn tin tình báo cũng chỉ cho biết là sắp có những cuộc tổng công kích, thế thôi.

Đầu tháng 10 năm 1967, Bunker đã gọi cho Tổng thống Johnson lưu ý về một tiểu luận do viên tướng Hà Nội là Võ nguyên Giáp vừa mới in ra. Bunker đặc biệt lưu ý đến điều mà Giáp gọi là “sáng tạo”, tập trung nỗ lực để pháo kích và đặt chất nổ vào các mục tiêu đã chọn lựa song song với việc tấn kích các cứ điểm khác, rồi rút quân.

Và rồi suốt tháng 1-1968 đã có 42 vụ tấn kích vào các Thị trấn và Thành phố. Tuần lễ trước Tết, một nơi cất giấu vũ khí AK47 do Hà Nội chuyển vào Sài Gòn đã bị Cảnh Sát khám phá. Lệnh báo động được ban hành. Sáng ngày 30 tháng 1, Tư lệnh Trưởng, Tư lệnh Sư Đoàn 1 đóng tại Huế đã ban hành lệnh cắm trại. Tư lệnh Trưởng nghi ngờ là cộng quân sẽ mở các cuộc tấn công tại các tỉnh vùng Cao Nguyên.

Và Việt cộng đã bắt đầu tấn công. Hoa Kỳ liền hủy bỏ lệnh ngưng chiến trong dịp Tết. Tư lệnh Westmoreland thông báo cho các đơn vị Hoa Kỳ biết là chiến dịch tấn kích của cộng quân đã bắt đầu. Nhưng cả Westmoreland và Bunker đều không dự đoán là mục tiêu của cộng quân nhằm vào các khu đông dân cư. Cả hai ông đều cho rằng những nhà quân sự của cộng quân không ngu xuẩn đến độ muốn có một kết

quả về chính trị, họ lại xua quân của họ tàn sát và hủy diệt sinh mệnh và của cải của dân chúng Miền Nam Việt Nam và đồng thời đưa quân của họ vào các nơi tỵ sát.

Trong đêm 30-01-1968, Bunker tham dự một bữa tiệc theo lời mời của hai nhân viên trẻ trong Tòa Đại Sứ, ăn mừng ngôi nhà khang trang mà họ vừa thuê được. Bữa tiệc ấy cũng còn có ý nghĩa là để ăn mừng Tết. Trong thiệp mời với dòng chữ ghi rõ để đón mừng “Ánh sáng đã thấy được ở cuối đường hầm”. Ellsworth Bunker không thể ngờ rằng những xáo trộn to lớn về mặt quân sự mà cả đời nghiệp vụ của ông chưa hề trải qua, sẽ xảy đến vào giờ sau đó. Trong lúc tiếp tân, Bunker vẫn thanh thản dự trù sẽ đọc lại một số sách báo, tài liệu đang chờ ông vào những ngày Tết này.

Cùng đêm ấy, Hồ Chí Minh đã đưa lệnh tấn công, qua bài thơ đọc trên đài phát thanh Hà Nội: “Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua...”. Hà Nội hy vọng rằng với cú đấm bất thần về mặt tâm lý ấy, họ sẽ loại Hoa Kỳ ra khỏi vòng chiến, điều mà trên lãnh vực quân sự họ không thể thực hiện được. Cũng giống như khi chiếm được Điện Biên Phủ năm 1954, họ đã chấm dứt được sự đô hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Vào mùa Hè 1967, khi kế hoạch tổng công kích vào dịp Tết đã được đặt ra do chiến lược gia hàng đầu của Hà Nội là Võ nguyên Giáp, thì nỗ lực mà Lyndon Johnson thực hiện để ứng phó vào cuộc chiến đã lên đến tột đỉnh. Bộ túc cho nhận định này, Giáp viết thêm, Hoa Kỳ đã cạn khả năng để leo thang chiến tranh. Xuất phát từ nhận định đó, Hà Nội cho rằng thời điểm đã chín mùi để họ giải quyết cuộc chiến VN.

Khoảng trước 3 giờ sáng đêm 31 tháng giêng, một tiểu đội thuộc tiểu đoàn C10 đặc công cộng quân đã rời một nhà để xe cùng con đường mà Bunker vừa tham dự buổi tiệc “Ánh sáng cuối đường hầm” vào lúc tối để tiến về khu vực 4 mẫu của Tòa Đại Sứ nằm ngay Trung Tâm Sài Gòn.

Sau khi đặt chất nổ phá thủng một lỗ lớn bức tường, toán đặc công tiến vào khuôn viên bao quanh một cao ốc nhiều tầng vừa mới xây bao gồm văn phòng chính của Tòa Đại Sứ, bắn chết 4 Quân cảnh Mỹ. Họ bắn vài quả lựu đạn vào tòa nhà, ngay lối đi ở tầng một, tạo vài nơi loang lỗ. Thế nhưng đội cảm tử đã không vào được bên trong tòa cao ốc và lần lượt họ bị giết hoặc bị bắt. Thoạt đầu Toán Quân cảnh và Thủy quân Lục chiến Mỹ có nhiệm vụ bảo vệ Tòa Đại Sứ cũng lúng túng. Họ không ngờ.

Sống trong căn nhà khá sang trọng và lộng lẫy thuộc khuôn viên của Tòa Đại Sứ là George “Jake” Jacobson, một điều hợp viên của Bunker, đặc trách giải quyết những tổ chức bất đồng quan điểm về chính sách của Hoa Kỳ. Jake hiểu rõ những phức tạp về Việt Nam và

đã giải quyết rất khôn khéo. Ông ta chạy đến Bunker và báo cho biết là đang có cuộc tấn công vào khu vực Tòa Đại Sứ. Ellsworth Bunker bình tĩnh, hơi ngạc nhiên hỏi: “Việc gì đang xảy ra? Tình huống ra sao?”.

Sau khi nói cho Bunker biết là có vài Việt cộng đã đột nhập vào bên trong khuôn viên và đang chống trả với các lực lượng an ninh, Jake tiếp: “Mẹ kiếp! Nếu có súng tiểu liên, tôi sẽ hạ chúng từng thằng”.

Khi tấn công Tòa Đại Sứ, tư thất của Bunker là nơi bị đạn nhiều nhất. Căn nhà nằm ở cuối một con đường ngắn. Dọc theo lối đi từ đường vào nhà là bức tường dài, cao và dày đứng sừng sững của nghĩa trang, tăng thêm phần an ninh cho khu này. Đường này ít xe cộ lưu thông nên cũng dễ kiểm soát. Hai anh em ông Diệm và Nhu sau khi bị sát hại cũng mai táng tại nghĩa trang đó. Thế nhưng trong những giờ cao điểm của đêm 31 tháng 1, cộng quân đã đột nhập vào phía bên kia bức tường nơi có nghĩa địa để bắn vào nhà Bunker và bức tường trở thành bia chắn khi họ bị bắn trả.

Ngay khi phát súng nổ đầu tiên, Toán Thủy quân Lục chiến bảo vệ tư thất Bunker liền đánh thức ông ta. Chưa kịp thay quần áo, ông đã được họ vội vàng đưa đến một ngôi nhà khác an toàn trong bộ áo ngủ. Nhà này dành cho Trưởng phòng An ninh bảo vệ Sứ Quán, được trang bị đầy đủ phương tiện truyền tin. Người giúp việc đã nghỉ Tết và khách cũng không có.

Vừa vào trong nhà, Bunker liền gọi điện thoại cho Westmoreland và được báo là cuộc tổng công kích của Hà Nội bắt đầu triển khai. Cộng quân đã lần lượt tấn công vào 5 trong 6 Đô thị lớn của Miền Nam, 36 trong 44 Tỉnh lỵ và 64 trong 242 Quận lỵ. Một cách chung, tất cả các mục tiêu phần lớn nằm trong khu vực dân chúng đang sinh sống. Ngoại trừ Long Bình, căn cứ tiếp liệu của Hoa Kỳ nằm về phía Bắc Sài Gòn bị bỏ trống, vì các đơn vị đã bị điều động theo lệnh của Westmoreland, tăng cường phòng thủ ở các Thành phố. Vì các đơn vị cộng quân đã lộ diện xa những vùng rừng núi ẩn giấu của họ nên họ đã bị các đơn vị Hoa Kỳ tấn công và gây thiệt hại nặng nề.

Vào hừng sáng, Thủy quân Lục chiến Mỹ đã có mặt đầy tư thất của Bunker. Dùng hơi gas bắn vào các nơi tình nghi là còn VC đang ẩn náu. Ellsworth Bunker chờ hết hơi gas mới trở lại nhà, thay quần áo và lên văn phòng Tòa Đại Sứ làm việc. Trên đường đến nơi Bunker đã thấy được những thiệt hại do Cộng quân gây ra và cũng nhìn thấy xác những đặc công Việt cộng chết còn nằm trong khu vườn Tòa Đại Sứ.

Jake đã có mặt tại văn phòng để chờ Bunker đến. Đêm ấy, Jake đã ẩn trốn trên tầng lầu hai của nhà ông trong khi lính Việt cộng cuối cùng theo hướng dẫn đã khám phá ra nhà ông. Một Quân cảnh trẻ Mỹ liền quát cho Jake khẩu súng và chính Jake phải hạ bắt đấng dĩ người

lính Việt cộng khi hắn ta xuất hiện trên tầng lầu. Khi Bunker đến, Jake đã trở lại trạng thái bình tĩnh, rất biết ơn người Quân cảnh Mỹ mà ông ta không thấy mặt vì đêm tối đã quăng cho ông ta khẩu súng vừa đúng lúc.

Rồi Westmoreland cũng tới và nói về trận chiến. Cùng lúc ấy, các phóng viên báo chí Hoa Kỳ trú ngụ tại các khách sạn cách đó không xa cũng hối hả chạy đến. Tướng Westmoreland đành phải mở cuộc họp báo bất thường ngay tại sân cỏ trước tiền đình Tòa Đại sứ. Westy đã tỏ ra tự tin và lạc quan về sự giáng trả chính xác cho dù tình huống xảy ra trong một trường hợp thật căng thẳng. Ông ta nhấn mạnh, khắp Miền Nam Việt Nam, quân đội của Hà Nội đã lộ diện nguyên hình và chính Hà Nội đã đẩy quân lính của họ vào chỗ tự nguyện để chết trước hỏa lực của Quân đội Miền Nam Việt Nam cũng như Quân đội Hoa Kỳ và Đồng Minh. Cuộc tấn công bất ngờ của Hà Nội đã bị đánh bại. Westmoreland kết luận, không cần phải chờ đến kiểm chứng và dù cuộc tổng công kích chỉ mới xảy ra ngày đầu, ông ta vẫn dự đoán rằng Hà Nội vẫn tiếp tục tung vào cuộc chiến những đại đơn vị của họ đang nằm bên kia vùng giới tuyến phi quân sự.

Đứng đằng sau Westy, yên lặng quan sát các phóng viên, Bunker thấy rõ thái độ e ngại và nghi ngờ của họ lộ hẳn trên nét mặt khi họ lơ đãng nghe những nhận xét của vị Tướng Tư Lệnh Hoa Kỳ. Ellsworth Bunker liền nói với Jake: “Những gì Westy vừa nói là sự thật. Nhưng Việt cộng cũng giành được phần thắng to lớn ở mặt trận tuyên truyền”. Những phóng viên trẻ và từng nhiều năm thiếu hiểu biết về cuộc chiến này không mấy khả tin khi nghe lực lượng địch quân bị phản công. Nơi nào mà Tướng Westmoreland thông báo là lực lượng Cộng quân đã bị chặn đứng thì hầu như những nhà báo có mặt đều bày tỏ thái độ nghi ngờ. Bởi vì họ chẳng bao giờ được cảnh giác trước một tình huống tồi tệ như thế này có thể xảy ra. Đối với họ lúc này, Westmoreland là con người tệ hại, trốn tránh trách nhiệm và trước mắt là Tướng Westmoreland phải chịu trách nhiệm đã không chặn đứng được một cuộc tổng tấn công. Họ cảm thấy vì tính chủ quan và khinh địch, Westmoreland đã đưa Hoa Kỳ đến bờ vực của sự thất bại, cuộc tổng công kích Mậu Thân sẽ chẳng thể xảy ra (theo họ) như Westmoreland và Bunker nhận định và dân chúng Hoa Kỳ đã tin, là cuộc chiến thắng đang trên đà tiến triển. Bunker đã không có một lời bình luận nào trong cuộc họp báo và liền trở về phòng làm việc của ông ở lầu ba. Ông ta gọi điện thoại cho vợ, đang là Đại sứ Hoa Kỳ tại Nepal, báo tin ông bình an, và nói cảm nghĩ đầu tiên của ông về cuộc tấn công này là cộng sản muốn tác động về mặt tâm lý hơn là cố tìm một chiến thắng về quân sự. Quân đội Miền Nam Việt Nam, tổng quát, đã chặn đứng có kết quả cuộc tổng tấn công này

và dân chúng Miền Nam Việt Nam rất căm phẫn vì CS Hà Nội đã sát hại gia đình họ trong lúc sum vầy ở ngày Tết thiêng liêng của dân tộc họ.

Bunker ra lệnh triệu tập “Hội đồng Đặc nhiệm” bao gồm cấp chỉ huy của mỗi cơ quan Hoa Kỳ được chỉ định phục vụ tại Việt Nam. Ellsworth Bunker lạc quan vì cảm thấy chính nghĩa giả tạo mà kẻ thù đã từng hô hào đưa ra để bảo vệ cuộc chiến của họ đã bị lộ trần.

Những người cộng sản Hà Nội đã vừa phơi bày cho chính phủ Sài Gòn thấy rằng dân chúng Miền Nam Việt Nam đã không nổi dậy để đón đợi họ như điều họ đã lượng giá. Và dân chúng Miền Nam đã ủng hộ những người lãnh đạo họ hiện nay. Bất ngờ Giáp dường như đã bỏ rơi chiến cuộc của ông và bị mất chức. Bunker nghiên cứu diễn biến này. Trừ phi một tướng lãnh không còn tìm thấy thuận điểm về một chiến lược, mới dùng chiến thuật tấn công như trên. Điển hình như Napoleon ở trận Waterloo, Hitler ở trận Bulge, Lee ở trận Gettysburg và Mc Arthur ở Incho. Giáp đã tung toàn lực quân đội của ông ta và lộ diện khi tấn công vào những nơi mà lực lượng đối phương mạnh nhất, hẳn nhiên họ phải trả một giá thiệt hại nhân mạng nặng nề.

Những năm về sau, tháng 8-1981, vào một buổi chiều tại nông trại của Bunker trên những dãy đồi ở Vermont, một nhân vật cao cấp trong hàng ngũ Cộng sản thời chiến tranh, đã xác định với Bunker rằng, cuộc tổng công kích vào tết Mậu Thân phải tung ra bởi vì vào giữa năm 1967, những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam nhận định rằng họ không thể tìm thấy cuộc chiến thắng bằng quân sự được nữa. Quân đội Hoa Kỳ đã cắt đứt mọi kiểm soát của họ với dân chúng nông thôn và cán binh cộng sản đã mất niềm tin vào trận chiến của họ. Những chiến dịch Junction City và Cedar Falls đã cắt đứt mọi hoạt động giữa những nhà lãnh đạo tại Hà Nội và bên trong lãnh thổ Miền Nam Việt Nam bởi vì những căn cứ đầu não tại Miền Nam đã bị phá hủy. Ngay cả Trương Như Tảng trong Mặt trận Giải phóng miền nam phải trốn dưới hầm ba ngày và uống nước tiểu của chính ông ta để sống sót trong đợt hành quân ấy.

Cho dù có lạc quan cách mấy, dưới mắt Bunker, để cho cuộc tổng công kích xảy ra, vẫn là một điều tồi tệ. Thực tiễn, cộng quân bị tổn thất nặng nề sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân, nhưng họ đã có mặt tại nhiều Thành phố và Thị trấn. Đang khi Quân đội và Cảnh sát Miền Nam về ăn Tết với gia đình, trong bước đầu, Hà Nội đã chủ động được ở nhiều nơi.

Tại Bến Tre, Tỉnh lỵ Kiến Hòa, tỷ lệ tổn thất nhân mạng giữa Miền Nam và cộng quân là 6 trên 1. Tại Vĩnh Long, những nhân viên dân chính và Nhân dân Tự vệ đã giúp trong việc bảo vệ cơ quan Cảnh sát và Tòa Hành chánh tỉnh trong khi Việt cộng tràn ngập ngoài phố. Tại Huế, khoảng 16 tiểu đoàn cộng quân hoàn toàn chiếm giữ Thành phố này. Phải sau một tháng với những trận đánh cận chiến, 11 Tiểu đoàn

Việt Nam và 3 Tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, cuối cùng mới đánh bật Việt cộng ra khỏi Thành phố và lấy lại quyền chủ động.

Trong suốt thời gian làm chủ tình hình tại Huế, những người Cộng sản Việt Nam đã phơi trần bản chất phi nhân của họ và đó cũng là điều để xác định tại sao chúng ta phải giúp cho người dân Miền Nam Việt Nam có cơ hội để tự bảo vệ giá trị nhân phẩm theo truyền thống của dân tộc này.

Tại Huế, đã có hơn 3000 thường dân bị cán bộ Cộng sản Hà Nội bắt đi và thủ tiêu. **Tờ Newsweek đã tường thuật, một cán bộ đi theo cộng sản đã quay về với gia đình, đã không chút ngần ngại đưa súng bóp cò giết ông bà nội, chú, cô và 10 người khác trong họ hàng anh ta. Chỉ còn một người chị sống sót nhờ nhanh chân trốn thoát.** Những thường dân Hoa Kỳ cũng bị bắt và bị giết. Các Bác sĩ người Tây Đức và các Linh mục người Pháp cũng chung số phận tương tự. Sự bắt bớ, trại tập trung và những vụ hành quyết lại được tái diễn tại Miền Nam VN sau năm 1975, khi CS cưỡng chiếm Miền Nam này.

Nhưng điều tệ hại, những chiếc máy ảnh, máy quay phim của giới truyền thông Hoa Kỳ không ghi lại những cảnh thảm sát ở Huế. Người Mỹ tại quê nhà chỉ thấy những Tết Mậu Thân qua hình ảnh khổ sở của những Thủy quân Lục chiến phải chiến đấu để chiếm từng căn phố, nhà cửa bị tiêu hủy và bốc cháy, những người dân lành cố trốn thoát khỏi nơi đang xảy ra trận chiến. Và Tướng Loan lạnh lùng đưa tay bóp cò, bắn một sĩ quan Việt cộng đang mặc quần áo dân sự vừa bị bắt.

Sau đó, Loan nói với Thiệu, và Thiệu kể lại với Bunker khi Bunker chỉ trích hành động thiếu đạo đức và không tự chủ của Loan, rằng khi bắn tên Việt cộng kia, Loan không nghĩ rằng chính ông cũng đã nhúng tay vào sự sát hại và hủy diệt nhiều người vô tội. George Carver thuộc Cơ quan Tình báo CIA viết rằng: Người mà Loan đã bắn chết là trưởng toán đặc công tại SG, đã từng ám sát nhiều gia đình Quân nhân và Cảnh sát. Loan biết điều này nên mới hành động như vậy.

Mô tả bản chất của cuộc chiến với một bên là một rừng báo chí ngoại quốc tự do và phía bên kia là một guồng máy khổng lồ để tuyên truyền, Hoa Kỳ đã gánh chịu bao điều bất lợi về mặt chính trị và cộng sản Hà Nội thì không hề một chút e ngại về những tội ác to lớn mà họ đã gây ra.

Thảm cảnh về chiến tranh đã trở thành câu chuyện đầu môi tranh luận tại quê nhà nhằm chỉ trích những nỗ lực của Ellsworth Bunker hỗ trợ Miền Nam Việt Nam tự vệ. Bao nhiêu lần lập lại với lối bêu riếu, ngạo báng câu nói của một sĩ quan Mỹ: “Chúng ta đã hủy diệt Thành phố để cứu lấy nó”. Và xem câu nói ngây ngô như khuôn mặt của anh ta, như thể đó là lý do chính đáng khiến chúng ta can dự. Thế nhưng

một sinh viên Việt Nam tại Huế, sau cái Tết Mậu Thân hoang tàn đã xác tín: “Chúng ta phải hy sinh nếu muốn Việt cộng không còn nữa. Tại Miền Nam VN, quyết định chiến đấu, chấp nhận hy sinh nếu muốn Việt cộng không còn nữa. Tại Miền Nam Việt Nam, quyết định chiến đấu, chấp nhận hy sinh và mất mát thuộc quyền quyết định của dân chúng, những con người không muốn sống dưới chế độ Cộng sản thống trị. Dân chúng Sài Gòn không xuống đường khi những bộ đội Việt cộng có mặt trên đường phố bắc loa kêu gọi “Chúng tôi là giải phóng quân miền nam Việt Nam. Nhân dân hãy cùng chúng tôi giải phóng Sài Gòn”.

Trên bình diện tổng quát, Quân đội chính phủ Miền Nam đã chiến đấu can trường để bảo vệ trong cuộc tổng công kích Tết. Nhiều đơn vị đã rất xuất sắc. Điều đó đã giúp cho Tổng thống Thiệu, vừa đắc cử không lâu, thay thế một số vị chỉ huy quân sự cao cấp và các Tỉnh trưởng mà phần lớn được Kỳ bổ nhiệm trước khi có hiến pháp ra đời.

Kể từ khi Hà Nội mang cuộc tấn công vào các Thị trấn và Thành phố, sự hủy diệt về nhân mạng và nhà cửa tăng lên nghiêm trọng. Bao nhiêu kẻ vô tội bị giết hoặc bị thương trong lúc trận chiến xảy ra. Khoảng 800.000 dân chúng cần sự cứu trợ về nhà ở và thực phẩm.

Tối thiểu Hà Nội đã tung 84.000 quân chính quy và du kích vào trận tổng công kích Tết Mậu Thân. Một tháng sau đêm khởi đầu, phân nửa trong số ấy đã bị giết hoặc bị bắt và Hà Nội chẳng chiếm được gì tại Miền Nam Việt Nam để đổi lại sự mất mát to lớn của họ. Thế nhưng Bunker lại rút ra được bài học cay đắng, nghiệt ngã khác ngay tại Hoa Kỳ chẳng bao lâu sau đó.

BỊ ĐÁNH BẠI TRÊN QUÊ NHÀ

Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân đã đưa tiến trình chính trị của Tổng thống Hoa Kỳ vào chỗ thiếu tự tin. Những tinh hoa cốt lõi của Thanh Giáo vẫn bám sâu vào nền văn hóa người Mỹ, được chuyển đổi trở thành kẻ tự hủy diệt khi đối đầu với một viễn ảnh cảm thấy bị thất bại. Theo lý luận của Cựu Ước và trở thành Mỹ hóa, sự thành công chỉ xảy đến với một việc làm mang tính đạo đức. Thiếu xác định và trung dẫn những căn cứ về mặt đạo đức, hành động nào cũng mặc nhiên đưa đến sự thất bại không thể biện minh. Ai ai cũng đều có kinh nghiệm rằng những việc làm bị thất bại được xem như vì nó thiếu chính nghĩa. Trận chiến Tết Mậu Thân được nhìn như hậu quả tất yếu của sự thất bại về mặt chính trị đối ngoại của Hoa Kỳ, sự lồi kéo sai lệch của những chính trị gia và những thành phần trí thức là những kẻ bàng quan với đất nước họ trong trận chiến này.

Eugene Mc Carthy khi tranh cử với Tổng thống Johnson trong cuộc tranh chức ứng cử viên Tổng thống vòng đầu của đảng Dân Chủ

tại New Hampshire, nói rằng, vị thế của chúng ta tại Miền Nam Việt Nam bây giờ tồi tệ hơn là vào đầu năm 1966. George Romney vận động để trở thành ứng viên của đảng Cộng Hòa thì lại nói, vụ Tết Mậu Thân đã chứng tỏ một điều là dân chúng Miền Nam VN đã “ủng hộ” Cộng sản.

Trong ngày 8-2-1968, Robert Kennedy đã ồn ào lớn giọng chống lại cuộc chiến. Ông ta cho rằng đã đến lúc Hoa Kỳ phải đối diện với sự thật rằng một cuộc chiến thắng bằng quân sự chẳng bao giờ tìm thấy được và chẳng bao giờ sẽ xảy ra. Robert Kennedy cũng kết án chính phủ Miền Nam Việt Nam là thiếu khả năng, tham nhũng và kêu gọi cần có một sự thỏa thuận để tạo cho Việt cộng có cơ hội tham dự đời sống chính trị vào đất nước này. Ông ta hỏi Arthur Schlesinger: “Anh nghĩ sao nếu 10 năm sau, tất cả chúng ta quay nhìn lại quá khứ và tự hỏi, tại sao dân chúng Hoa Kỳ lại đi quá xa vào sự tồi tệ như thế?”. Rồi kết luận: “Chúng ta phải bắt buộc thoát ra khỏi cuộc chiến này. Bởi vì nó đang hủy diệt xứ sở đó”.

Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân được tường thuật trên hầu hết báo chí ở Hoa Kỳ và xem biến cố ấy chẳng khác nào một bụi bông hồng vừa mới nảy lộc đã bị bật tung gốc lên. Bụi hồng vừa mới do Westmoreland trồng tại Washington vào tháng 11-1967 khi Tổng thống Johnson triệu hồi ông ta về nước để phúc trình tình hình chiến cuộc. Trong bài nói chuyện tại Câu Lạc Bộ Báo Chí tại Washington, Tướng Westmoreland đã xác định rằng địch đang thua và ngày mà Quân đội Hoa Kỳ trở về nước “tùy thuộc nơi quyết định của chúng ta bởi vì những gì mà đối phương hy vọng đã bị phá sản”.

Nhưng rồi sau Tết, sự tiên đoán Quân đội Hoa Kỳ sẽ rút về trong năm 1969 bây giờ được một tờ tạp chí mới xuất bản dè dặt: “Một sự đối trá hay một tính toán sai lầm?”. Bất cứ ai còn tin rằng, cuộc chiến đang chuyển sang một khúc quanh khác sáng sủa hơn, đều bị gọi là “đần độn”. Tờ báo ấy kêu gọi cần phải có một sách lược mới. Còn tờ Newsweek viết: “Cơ hội một Miền Nam Việt Nam không cộng sản chắc chắn dần dần biến mất trước hai con quỷ”. Viện thăm dò dư luận Harris đưa ra một con số mỉa mai khôi hài là Nixon dẫn đầu 20 Tiểu bang, George Romney 5 Tiểu bang, số còn lại là Việt cộng dẫn đầu.

Người bạn láng giềng vào mùa Hè của Bunker tại Vermont là kinh tế gia tốt nghiệp tại Harvard, tên là John Kenneth Galbraith, viết rằng chính quyền Miền Nam Việt Nam sẽ đổ sụp trong vài tuần lễ sắp tới, và Quân đội Việt Nam Cộng hòa sẽ tan rã. Và ông ta không phải là người duy nhất đưa ra những lời tiên đoán như thế. Tờ tạp chí Time cho rằng cuộc chiến thắng này có lẽ và chẳng xảy ra lần thứ hai, một sự sắp xếp ngoạn mục vượt ra ngoài vòng kiểm soát của các siêu cường”.

Walter Cronkite đến Sài Gòn ngày 11 tháng 2, lưu lại vài hôm. Khi trở về Mỹ, ông ta đã tường thuật trên đài CBS rằng Hoa Kỳ đã “lún sâu vào chỗ không có lối thoát”. Tướng Westmoreland yêu cầu viên Tư lệnh vùng của ông ta thuyết trình về những kết quả mà phía Quân đội Miền Nam đã đẩy lui các cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân của cộng quân. Tất cả Chỉ Huy trưởng các đơn vị đã được báo động vào đêm trước khi có cuộc tấn công xảy ra.

Sau khi lắng nghe vị Tướng lãnh Vùng trình bày việc chuẩn bị của ông để đối phó với vụ tấn công, sự tổn thất nặng nề của cộng quân, sự thất bại của Hà Nội đã không được dân chúng Miền Nam Việt Nam ủng hộ theo lời kêu gọi của họ, Cronkite đáp lại, mặc dù vị Tướng lãnh vừa rồi đã nêu ra những sự kiện đáng khích lệ, nhưng ông ta không tường thuật bản tin ấy trên đài CBS.

Sau đó, Cronkite đã ra Huế, đã nhìn thấy những quan tài chưa đóng nắp, chứa hàng trăm thi hài của những người dân vô tội đã bị Việt cộng sát hại trong trận chiến. Đó là hậu quả của một cuộc chiến bi thảm. Cronkite nói như thế, và ông ta sẽ làm mọi thứ có thể làm được để đưa cuộc chiến đến chỗ chấm dứt.

Tinh thần chủ bại không chỉ thể hiện qua các chính trị gia và những nhà báo bên ngoài chính phủ. Ngày 26-02-1968 Cơ quan Tình báo CIA tại Washington đã đệ nạp chính phủ một bản nghiên cứu tổng hợp nhằm tái lập chính sách tại Miền Nam Việt Nam từ A tới Z. Bản báo cáo này đưa ra nhận định rằng chính quyền Miền Nam Việt Nam quá yếu kém, vì vậy trong tương lai không thể nào đủ khả năng để đương đầu với cộng sản Hà Nội.

Một bản phúc trình thứ ba, cũng tương tự loại như thế, CIA cho rằng, “trong vài tháng sắp tới, tình hình nguy khốn sẽ xảy ra cả về mặt Quân đội lẫn chính quyền Miền Nam Việt Nam, vô phương cứu vãn” (Tập II, trang 551-553)

Các chuyên gia dân sự trong văn phòng phân tích thuộc Ngũ Giác Đài nói, kể từ khi lực lượng Đồng Minh có mặt tại Việt Nam, với con số cao nhất trước tháng 8-1965, Hoa Kỳ đã thực hiện được mỗi một việc là rơi vào sự bế tắc toàn diện, cho nên cần phải có một chiến lược mới. Clark Clifford, người đảm nhận chức Bộ Trưởng Quốc Phòng sau vụ Tết, ngày 1-3-1968 đã được phúc trình là phải thay đổi toàn bộ, nếu không thì không thể thực hiện kế hoạch chấm dứt chiến tranh”.

Trong cuộc Nội chiến, trận đánh đầu tiên của Bull Rum cũng đã làm quan điểm của Washington chao đảo. Sách vở đã ghi lại, mọi người ngồi buồn thảm, rã rời, hoàn toàn tuyệt vọng. Một số người sẵn sàng chờ đợi bị bắt. Horace Greeley, nhà bình bút lừng danh đã viết về Lincoln: “Có thể nào, sau khi kẻ nổi loạn bị thất bại, lại xảy ra một điều

kỳ lạ, cảm tưởng của quần chúng nhìn chúng ta như thế, nguyên do kẻ phản loạn bị dẹp tan là vì ta chưa đến lúc thua trận?” (Sandberg). Những con tim yếu hèn ấy không bao giờ tìm thấy trong những người luôn ở tuyến đầu.

Peter Braestrup, phóng viên của tờ Washington Post có mặt tại Sài Gòn suốt trong thời kỳ Tết Mậu Thân đã phân tích việc được tin của báo chí trong vụ này (Big Story). Có đoạn ông ta viết: “Thái độ chững chạc của người làm báo và cả của viên chức chánh quyền là phải chờ đợi những chứng cứ hiển nhiên. Thế nhưng, dựa trên nhận định chủ quan và phân tích những sự kiện xảy ra ngắn hạn trong ngày, hậu quả là giới truyền thông đã tường trình sai lạc một cách nghiêm trọng”.

Sự tường thuật không chính xác về cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân này đã đưa dân chúng Hoa Kỳ vào cơn sốt thiếu niềm tin một cách không cần thiết. Đã 20 năm trôi qua, bây giờ là năm 1989, với những bộ óc tỉnh táo, với những nhận định khách quan và kể cả những người đã một thời là thù địch với chúng ta, đều dần dần chấp nhận, cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân là một thất bại to lớn về phía Hà Nội. Với phán đoán riêng tôi, các phóng viên Hoa Kỳ làm việc cho các hãng truyền hình đã gửi về đài những thước phim hầu hết phóng đại về cuộc chiến. Những đoạn phim tồ tề qua truyền hình đã tác động đến quan điểm của dân chúng Hoa Kỳ. Phần lớn các nhà báo Mỹ chỉ có mặt tại Việt Nam một thời gian ngắn, sau đó họ được bổ nhiệm đến một nhiệm sở mới. Theo dõi cuộc chiến Việt Nam chỉ trong một giai đoạn rất ngắn trong nghiệp vụ của họ. Nếu các phóng viên làm cho các đài truyền hình thu thập được những thước phim hấp dẫn, họ không những được đài thưởng bằng cách tăng lương mà còn có thể chỉ định đến một cơ sở khác tốt hơn. Trái lại, khi Giám đốc một chi nhánh truyền hình tại Sài Gòn cung cấp thiếu, họ liền bị chuyển đi nơi khác còn xấu hơn.

Các phóng viên truyền hình đâu có nhiều lợi nhuận trong mỗi câu chuyện. Khi họ gửi về New York, nghiệp vụ của họ được sáng láng, để ý. Tiền thưởng tăng dần. Họ luôn bị sức ép từ các Chủ nhiệm ở New York sáng tạo ra những thước phim để dùng trong bản tin buổi tối. New York muốn có những thước phim và hình ảnh hấp dẫn chứ không cần những thước phim mang tính chất đúng đắn nhằm cung cấp sự hiểu biết toàn diện về cuộc chiến cho khán thính giả.

Chính vì để thỏa mãn thị hiếu của khán thính giả truyền hình Mỹ mà nhiều phóng viên truyền hình đã không đưa hình ảnh Quân đội Miền Nam Việt Nam vào những thước phim của họ. Phó Chủ tịch của hãng truyền hình NBC đã có lần nói: “Đây không phải là cuộc chiến tranh của người Việt Nam. Đây là cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ tại Á Châu và vì thế, chỉ có những vấn đề liên quan đến người Mỹ mới được đón nhận”.

(Epstein, trang 250). Theo Frank: “Sức mạnh lớn nhất của ngành báo chí, truyền hình không phải để chuyển đạt những tin tức mà là chuyển đạt những kinh nghiệm vui buồn, hốt hoảng, sợ hãi, những vỡ vụn của tin tức”. (Epsten, trang 39)

Trận Tết Mậu Thân là một kho vàng cho những ký giả truyền hình loại này. Những mẫu chuyện được thêu dệt, thêm thắt, những cuộc tấn công đột xuất và những bất cẩn của lực lượng Đồng Minh đủ gây những xúc động tuyệt vời cho khán thính giả truyền hình tại Hoa Kỳ. Đáp ứng đúng nhu cầu của quần chúng Mỹ về vấn đề Việt Nam, truyền hình đã cũng cấp một chiều, thỏa mãn những giận dữ và những bất trắc theo thị hiếu. Những loại nhà báo như thế đã vô trách nhiệm vị họ làm soi mòn niềm tin của công luận.

Người Thư ký của Bunker, trong một lần về phép Hoa Kỳ, xem truyền hình nhìn thấy hình ảnh cuộc chiến Việt Nam đã bị phản bội qua tin tức. Khi trở lại Sài Gòn, ông ta đã nói với Bunker: “Nếu Việt Nam giống như những điều họ nói trên truyền hình thì chính tôi là người chống lại cuộc chiến tranh này”.

Một phần do chỉ thị từ các công ty báo chí nơi đang làm việc đặt họ vào thái độ thụ động khi thực hiện những sự kiện liên quan đến chiến tranh, nhưng phần khác, các phóng viên đã không tìm thấy niềm tin. Chính vì thế, các phóng viên Mỹ bị đẩy vào tình huống không mấy thiện cảm với chính quyền Miền Nam Việt Nam và ngay cả chính quyền Hoa Kỳ. Bunker nghĩ rằng, bất kể, những phóng viên cố tình làm sai lệch sự thật hoặc sự thật dưới mắt họ là như thế, thì tại sao họ lại từ bỏ chức năng nghiệp vụ của phóng viên để xuyên tạc những nỗ lực hiển nhiên của ông ta, đó vẫn là điều mà Bunker không thể nào hiểu nổi.

Bunker chấp nhận đương đầu với những nguồn thông tin mang đầy tính bi quan bằng thái độ lạc quan và niềm tin ở việc làm của ông. Ellsworth Bunker đã nêu vấn đề đó với nhà báo Stewart Alsop và gọi những người phóng viên đó là loại “vi khuẩn thứ 10”, thứ vi khuẩn tệ hại đang đục phá giới thanh niên trẻ Hoa Kỳ đã thâm nhập vào một tâm lý làm sứt mẻ niềm tin của quần chúng.

ĐÁP ỨNG TRẬN TỔNG CÔNG KÍCH

Ở những nơi nào mà báo chí nhằm công kích, như trường hợp biến động ở Tết MT, thì Bunker không lùi bước và bằng mọi cách, phải chiến thắng. Vừa đi qua sân cỏ, nhìn thấy cảnh đổ nát đổ vào phòng làm việc của Tòa Đại Sứ, Bunker liền triệu tập một phiên họp với Bộ Tham mưu của ông. Mỗi người trong Hội đồng Đặc nhiệm được ông yêu cầu trình bày phương thức và kế hoạch cần thiết nhằm tái ổn định

tức khắc những xáo trộn vừa mới xảy đến. Bunker đã tiên liệu và muốn chặn đứng đám “vi khuẩn thứ 10” báo chí đục phá về mặt đạo đức.

Ngày hôm sau, Bunker đã nói chuyện với ông Thiệu và trình bày đây là thời điểm mà vị Nguyên thủ Quốc Gia phải bày tỏ và kêu gọi tinh thần đoàn kết quốc gia. Vị Đại Sứ Hoa Kỳ đã thúc đẩy vị Tổng thống Miền Nam Việt Nam nên gặp các lãnh tụ Quốc Hội để cùng soạn thảo và đặt ra kế hoạch nhằm cứu trợ và phục hồi tinh thần dân chúng.

Bunker đề nghị Thiệu, vì vấn đề tâm lý, nên đưa ra chương trình cụ thể cho mọi người yên tâm, và thành lập một Hội đồng bao gồm những thành phần dân sự có uy tín với dân chúng, đảm trách phần cố vấn, để lập tức làm giảm sự tàn phá do trận tổng công kích vừa xảy ra tạo nên. Trận tổng công kích đã đánh vào Washington qua những bàn tay vấy máu nhưng không thể làm chùn bước tinh thần làm việc của vị Đại sứ Hoa Kỳ cao tuổi này ở Sài Gòn.

Vào ngày 2-2-1968 ông Thiệu họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, bao gồm những nhân vật lãnh đạo của Quốc Hội đương nhiệm. Cũng vào thời gian ấy, Hội đồng Đặc nhiệm của Tòa Đại Sứ đã đề nghị với Thiệu là hình thành ngay một tổ chức hỗn hợp bao gồm các nhân vật cao cấp trong chính phủ Miền Nam Việt Nam cùng với những nhân vật của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, để trực tiếp giải quyết những khó khăn về mặt xã hội lẫn kinh tế tại các Thành phố do hậu quả của trận chiến vừa rồi gây ra: Tất cả những thương dân tỵ nạn kể cả những người bị thương đều được cấp phát nhà ở và thực phẩm, hàng hóa tái chuyển vận về các Thành phố, chợ búa tái hoạt động, và niềm tin của người dân phải được ổn định.

Tướng Westmoreland và Bunker gặp Thiệu đưa ra kế hoạch để thực hiện chương trình trên. Ngày hôm sau, hai bên lại họp tiếp. Westy phải sử dụng một số những vật liệu và thực phẩm có sẵn trong Quân đội và Tiếp liệu để chuyển sang chương trình này. Ngày 3-2, ông Thiệu đã thành lập một Ủy ban, đứng đầu là Phó Tổng thống Kỳ. Vai trò này đúng sở năng của ông ta và ông Kỳ bắt tay ngay vào công việc. Ủy Ban lao vào hành động.

Theo dõi và quan sát tình hình vài ngày sau cuộc tổng tấn công, Bunker có nhận định, dân chúng Miền Nam Việt Nam đã rơi vào trạng thái sợ hãi. Niềm tin của họ vào sự bảo vệ của các lực lượng Đồng Minh đã giảm thiểu. Họ e ngại sự chiến thắng của cộng quân nếu trở thành thực tiễn, mạng sống của họ sẽ có nhiều đổi thay.

Phát động một cuộc tổng công kích đầy tàn phá và hủy diệt như thế để đổi lấy một uy tín về mặt chính trị, Hà Nội rõ ràng, dưới mắt của dân chúng Miền Nam Việt Nam, đã chứng tỏ họ không quan tâm gì đến mặt đạo đức. Miền Nam Việt Nam đang do ông Thiệu lãnh đạo thì khác,

người dân không biểu lộ sự sợ hãi trên nét mặt như họ từng sợ hãi cộng sản. Họ cũng không cảm phần chế độ Sài Gòn như cảm phần chế độ Hà Nội.

Một tuần sau cuộc tổng tấn công, sự xáo trộn về mặt tinh thần của dân chúng đã bắt đầu giảm dần. Bunker vẫn tiếp tục hỗ trợ Thiệu bằng cách thúc đẩy ông cùng Nội các thường xuyên xuất hiện trên các hệ thống truyền hình và truyền thanh để tăng thêm niềm tin của dân chúng. Ủy ban Đặc nhiệm do Kỳ đứng đầu họp ngày 4 tháng 2, và qua hệ thống truyền hình, đã đưa ra một chương trình nhằm phục hồi sự tàn phá. Hơn 2400 Cán bộ Xây dựng Nông thôn được chuyển từ Trung tâm Huấn luyện đi khắp nơi để phục vụ vấn đề thực phẩm và nơi tạm trú cho những người tỵ nạn.

Về phía Hoa Kỳ, Bunker đã chỉ định Bob Komer phối hợp với chính phủ Miền Nam để thực hiện chương trình này. Giống như Kỳ, Komer là con người năng nổ, có tinh thần trách nhiệm. Ngoài việc lo cứu trợ, Bunker còn yêu cầu Komer sử dụng cơ quan CORDS hoàn tất công tác xây dựng và tái cấu trúc niềm tin về mặt xã hội của người dân Miền Nam Việt Nam vốn đã bị tổn thương trong những ngày xảy ra trận chiến. Sài Gòn và các Thành phố nhờ Ủy ban Đặc nhiệm hỗn hợp đó do Kỳ và Komer trực tiếp lãnh đạo, đã dần dần ổn định.

Thiệu đã xuất hiện trên đài truyền hình Hoa Kỳ qua chương trình "Face The Natino" và sau đó đã nói với Bunker: "Họ đã tấn công tôi dồn dập với những câu hỏi hóc búa. Thế nhưng tôi từng là một Quân nhân nên sẵn sàng giáng trả lại...". Ellsworth Bunker cũng đã xem chương trình ấy qua đài truyền hình Quân đội Hoa Kỳ, và ngoại trừ Bob Shaplan còn giữ được phong cách lịch sự, những người khác đều có thái độ hằn học khi chất vấn ông ta. Với những câu hỏi đầy ác ý kèm theo các dẫn chứng thổi phồng dường như để buộc tội hơn là để tìm biết sự thật, họ đã chứng tỏ thiếu tinh thần tự trọng, đứng đắn, trong các mối tương quan giữa người và người chứ đừng nói gì, người họ đang chất vấn lại là một Nguyên thủ Quốc gia. Thế nhưng với những dẫn chứng xác đáng, bằng Anh ngữ, Thiệu đã trả lời trôi chảy mọi vấn đề. Ông ta luôn luôn chủ động, trầm tĩnh và lịch sự.

Trong ngày 9-2, Thiệu đã đọc một bài diễn văn trước Quốc Hội, kêu gọi ban hành nhanh chóng Luật Tổng động viên, điều chỉnh nhanh chóng ngân sách quốc gia và đặc biệt yêu cầu Quốc Hội ủy quyền thêm cho ông việc khẩn cấp giải quyết những vấn đề kinh tế và tài chánh. Bài diễn văn của Thiệu đã tác động mạnh mẽ dân chúng Việt Nam mà theo Bunker, cũng chẳng khác bài diễn văn của Franklin Roosevelt đọc sau khi Nhật Bản tấn công Trân Châu cảng.

Sau bài diễn văn của Thiệu trước Quốc Hội ấy, mặc dù không phải toàn thể dân chúng Miền Nam ủng hộ vị Tổng thống của họ, thế nhưng về mặt chính trị, họ đã đáp lại lời kêu gọi của Thiệu. Hơn 10.000 thanh niên trong tháng 2 đã trình diện nhập ngũ, gấp hai lần so với tháng 2 năm 1967. Lần đầu tiên dân chúng Miền Nam Việt Nam đã đặt niềm tin của họ vào Quân đội, mặc dù chưa hẳn nơi nào Quân đội cũng tỏ ra có tác phong và kỷ luật. Tất cả mọi sự phân hóa, chia rẽ, mà theo Bunker tưởng chừng như không thể hàn gắn, bỗng được thay đổi, họ đã đoàn kết để cùng Thiệu thực hiện những điều tốt hơn bao giờ, ngoài sự ước tính của mọi người.

Nói một cách khác, Miền Nam Việt Nam đã đẩy Hà Nội ra khỏi vùng đất này và gây cho Cộng sản một sự thiệt hại to lớn về quân sự kể từ lần Giáp đã bị tổn thất nặng nề vào năm 1951 khi mở chiến dịch phản công chống Pháp. Các Dân biểu Quốc Hội đã hủy bỏ thời gian nghỉ trong dịp Tết để quay về Thủ đô nhóm họp. Thượng Viện đã ban hành tình trạng khẩn trương và kiểm duyệt báo chí dựa trên những điều mà hiến pháp quy định.

Sài Gòn sau trận tổng tấn công của Việt cộng có nhiều thay đổi. Cuộc sống buông thả tự giới hạn. Bunker hồi tưởng lại: có lần làm việc đến quá khuya, đã đến giờ giới nghiêm nên người tài xế Việt Nam cho một nhân viên cao cấp trong Tòa Đại sứ không thể trở về nhà được. Bunker phải dùng chiếc xe của ông đích thân lái đưa người tài xế này về nhà cùng với đoàn xe hộ tống võ trang. Và cũng vì thế, Bunker cảm nhận được cái rợn người khi đi qua những đường phố Sài Gòn vắng lặng. Chẳng thấy Thành phố có một chuyển động nào ngoài chiếc xe của ông đang chạy với người Cảnh sát dẫn đường và chiếc xe jeep hộ tống phía sau. Nhà cửa chìm trong đêm đen với ánh đèn đường vàng nhạt và đâu đó vài ánh hỏa châu bay vút lên cao, vang vọng tiếng đại bác từ xa dội về. Sài Gòn, cả Thành phố đang ngủ.

Sài Gòn giới nghiêm đã trở thành đề tài bàn cãi ở những viên chức Hoa Kỳ tại đây, đặc biệt là các bà khi phải tự giam mình tại các chung cư hay khách sạn từ 7 giờ tối. Với những tràng đạn dồn dập ban đêm, một cuộc tấn công mới lại được dự phóng và những câu chuyện lại bắt đầu. Và ngay cả Komer cũng thần thờ thất vọng, e ngại kế hoạch Bình định của ông khó có thể tái phục hồi như trước, đến nỗi Bunker phải dành cho ông hai tuần lễ về nhà nghỉ phép.

Có lẽ không ai chịu đựng một sức ép nặng nề và căng thẳng như Bunker. Ellsworth Bunker đến tham dự buổi lễ tiễn đưa phục vụ lần cuối cùng của vị Mục sư tại Thánh đường Christopher, nơi mà ông ta thường dự lễ vào cuối tuần. Quyết định rời khỏi Việt Nam của vị Mục sư này đến thật bất chợt. Sau vụ tấn công Tết Mậu Thân, vị Mục sư này trở nên

khủng hoảng tinh thần và rồi quyết định rời khỏi nơi đây. Nhìn thái độ buồn nản của ông ta khi đọc lời giã biệt, Bunker vẫn không sao chia sẻ được nỗi đau đớn ấy với vị Mục sư này. Thái độ từ bỏ là thái độ đã được chọn lựa và Bunker kính trọng sự chọn lựa của tu sĩ đó.

Sau đó Bunker thăm viếng Giám đốc của hai Trung tâm Tin Lành Quakers, một trụ sở chính tại Quảng Ngãi, Miền Trung Việt Nam và một tại Sài Gòn. Các vị Giám đốc này thông báo cho Bunker biết là sẽ rút toàn bộ nhân viên về trở lại Hoa Kỳ vì không chấp nhận chiến tranh. Theo họ, tất cả mọi cuộc chiến đều tồi tệ và cách hay nhất là tránh xa khỏi nơi ấy. Những tổn thất về nhân mạng trong trận chiến vừa rồi đã để lại trong họ một chứng tích thê thảm. Vị Giám đốc Trung tâm tại Quảng Ngãi đã khóc khi mô tả cuộc chiến tại đây.

Ellsworth Bunker đáp lại, chính ông cũng ghê rợn cuộc chiến, cũng kinh tởm những chém giết, tàn phá và những trò chơi man rợ, chính ông cũng như giáo phái Quakers muốn chấm dứt cuộc chiến, thế nhưng vấn đề đặt ra, ảnh hưởng trực tiếp đến hiện tại và cả những thế hệ mai sau, là Hà Nội đã dựng nên cuộc chiến và đưa cuộc chiến vào Miền Nam này.

Cơ quan Thiện nguyện Quốc tế, một tổ chức hòa bình của những người trẻ Hoa Kỳ, tất cả đều muốn giảm mức hoạt động. Bunker nhận ra rằng trận chiến Tết Mậu Thân là nguyên nhân chính tạo ấn tượng cho các cơ quan thiện nguyện này cảm thấy bất ổn khi họ hoạt động tại đây. Trở lại Washington để học thêm về ngôn ngữ Việt Nam, 8 giờ mỗi ngày, nhưng tôi không bao giờ ngưng theo dõi những bản tường trình về Việt Nam qua vụ Tết Mậu Thân. Đặc biệt là những tin tức liên quan đến việc dân chúng và Quân đội Miền Nam Việt Nam phản ứng về cuộc tấn công này. Thấy họ trực diện đương đầu với kẻ thù, tinh thần tôi sáng khoái. Những hiểu biết căn bản trong vấn đề lịch sử, và định hướng của người gốc Thanh giáo Tân Anh Cát Lợi đã giúp tôi nhận ra sự hy sinh to lớn để từng bước Miền Nam Việt Nam đã đạt được sự thành công trong biến cố Tết Mậu Thân.

Sự mạo hiểm đầy khó khăn và rộng lớn của cộng quân đã bị đẩy lui, điều mà họ tưởng cuộc chiến thắng đã nằm trong tầm tay của họ đã bị chặn đường, và còn chẳng chỉ là những kinh hoàng và thất vọng. Những trận bị tấn công bất ngờ trong thời nội chiến tại Valley Forge, Burning of Washington năm 1814 và trận Trân Châu Cảng vào thời Đế Nhị Thế Chiến không phải là những bài học vô ích.

Điều mà tôi đã nhìn thấy ở trận chiến Tết Mậu Thân không có gì khác biệt so với những lần thất bại trong những trận mang tính lịch sử nói trên. Thế nhưng điều mà tôi không nhìn thấy là thế hệ của chúng tôi

đã thiếu cứu mang tinh thần trách nhiệm và ràng buộc theo truyền thống của các thế hệ trước.

Thế hệ tôi, năm 1968, thời điểm anh hùng tính đã đi vào quên lãng. Còn lại là nghiện ngập, gái, nhạc điên cuồng, và không màng đến trách nhiệm. Hỗ trợ cho người Miền Nam Việt Nam chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản Hà Nội, trong suy nghĩ của tôi, là một sự hy sinh cao cả, nhưng đó lại là điều nghịch lý dưới cái nhìn của nhiều thanh niên cùng thế hệ, bởi vì, chẳng có gì quan trọng hơn là phải lo toan đời sống thường ngày cho chính họ.

Chính phủ của Thiệu đã phục hồi nhanh chóng Miền Nam Việt Nam sau vụ tấn công Tết Mậu Thân. Chính sự phục hồi này đưa Kỳ gần gũi với Thiệu, điều mà Tổng thống Thiệu và Phó Tổng thống Kỳ chưa hề có được để tạo sự đoàn kết trước khi trận Mậu Thân xảy ra. Với vai trò Chủ tịch Hội đồng Cứu trợ kiêm Chủ tịch Ủy ban Hỗn hợp Việt-Mỹ, Kỳ vừa lo điều hành công việc, vừa phải bay ra Huế để nghiên cứu những nhu cầu về tài chánh cần cung cấp để tái thiết cho Tỉnh này, đồng thời phải bảo vệ an ninh cho việc chuyển vận lúa gạo từ Đồng bằng sông Cửu Long về Sài Gòn, lại phải lo nơi cư trú cho dân chúng tỵ nạn, chẳng bao lâu thì Kỳ đã đuối sức. Kỳ đề nghị giao cho vị Thủ tướng đảm nhiệm vai trò Chủ tịch của ông.

Do đề nghị và hỗ trợ của Kỳ, Cựu Tướng Trần Văn Đôn, một khuôn mặt nòng cốt trong vụ đảo chánh Tổng thống Ngô Đình Diệm vào năm 1963 và hiện là Nghị sĩ Thượng viện, đứng ra tổ chức Mặt trận Cứu quốc nhằm kết hợp tất cả những lực lượng chống cộng.

Cùng lúc ấy, Thiệu đã âm thầm riêng rẽ tiếp xúc với những vị lãnh đạo các tôn giáo để tìm hiểu những âm mưu của cộng sản trong những đợt tấn công mới và bàn thảo phương thức đối phó. Thiệu nói với Bunker, trường hợp ở Việt Nam, những tổ chức có tính cách mặt nổi như tổ chức của Đôn khó có thể thực hiện được điều gì. Một tổ chức kết hợp nhiều thành phần như thế có nghĩa là chẳng ai làm gì cả. Tốt hơn hết là gặp và vận động riêng rẽ từng nhóm.

Chính một cố vấn dân sự của Thiệu, một người quốc gia lão thành, sinh trưởng tại Miền Nam Việt Nam, đã từng chống Pháp năm 1945, là người đã kết hợp một nhóm để nghiên cứu và đưa ra kế hoạch làm thế nào để chấm dứt cuộc chiến qua bàn thương thuyết và Hoa Kỳ vẫn có thể rút quân ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Cuộc khủng hoảng vào dịp Tết đã làm cho vị Thủ tướng giảm đi hiệu năng. Những phiên họp của Hội đồng Nội các đã kéo dài ngoài thời biểu ba hay bốn giờ liền. Trên bàn giấy ông ta đầy những hồ sơ chờ ông ta giải quyết. Theo Kỳ đề nghị, thúc giục, Bunker cảm thấy đã đến lúc Thiệu phải chọn một nhân vật khác làm Thủ tướng. Vào thời điểm

đó, nhân vật này cần phải có uy tín về lãnh đạo, không những chỉ đưa ra những quyết định mà còn phải năng nổ, hoạt động.

Bạn của Kỳ phần lớn đều nắm những quyền lực trong chính quyền. Do đó, Bunker đã khuyến cáo Thiệu hãy tìm một vai trò nào để Kỳ có thể huy động những tài năng ấy vào những chức vụ chính thức mà không e ngại họ có thể không ché Thiệu. Thiệu đã từng yêu cầu Kỳ tiếp tục vai trò Chủ tịch trong Ủy ban Hỗn hợp Việt-Mỹ thêm một thời gian nữa. Nhưng Kỳ, theo đề nghị của những thân cận, lại muốn tu chính hiến pháp để Kỳ có thể kiêm nhiệm chức Thủ tướng.

Bunker tán đồng quan điểm của Kỳ, vì với chức vụ như thế, Kỳ chứng tỏ Quân đội vẫn còn nắm giữ vai trò quan trọng. Theo Bunker, điều thiết yếu là tạo điều kiện để Thiệu và Kỳ cùng hợp tác với nhau. Mỗi người, tuy riêng rẽ, nhưng thành phần Quân đội luôn luôn hậu thuẫn mạnh mẽ cho họ, một yếu tố cần thiết trong thời chiến tranh. Ở mỗi người, giữa Thiệu và Kỳ, không ai tìm cách nuốt chửng lẫn nhau. Chính nhìn thấy điều đó nên nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã tìm cách để chứng tỏ sự kết hợp giữa hai người là điều cần thiết.

Bunker luôn luôn ngay thẳng với hai người, không bao giờ nói chuyện với người này mà không thông báo với người kia biết những gì đã thảo luận. Bunker hoàn toàn tin tưởng cả hai ông Thiệu và Kỳ hơn bất cứ một nhà lãnh đạo Việt Nam nào khác.

Đối với Bunker, niềm tin cần là yếu tố cơ bản được áp dụng trong mọi trường hợp, đặc biệt là trong lúc thương thuyết. Trực diện với Thiệu, Kỳ và những người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam khác, Bunker chỉ chứng tỏ mỗi một điều là thảo luận và thương thuyết hơn là phớt bầy quyền lực Đại sứ của một siêu cường. Đôi lúc Bunker cũng rơi vào trạng huống kẻ cả của một Đồng Minh nhưng đó là những lúc thuộc hạ của ông có mặt hoặc đôi lúc xuất phát từ thái độ của chính những người lãnh đạo Miền Nam.

Bunker thường tâm sự với tôi: thiếu sự tin cần, chúng ta không thể nào đạt được sự thành công trong vấn đề thương thuyết cũng như trong vấn đề quan hệ giữa hai phía. Tạo được lòng tin là điều kiện thương thuyết trong bất cứ mọi vấn đề cần giải quyết.

Niềm tin là khởi đầu và ngôn ngữ của một nhà ngoại giao đòi hỏi một sự ngay thẳng. Không bao giờ, Bunker thường lập lại, tìm cách thuyết phục kẻ đối diện bằng những lời gian dối. Bunker không thích có một lớp đường ngọt ngào bọc ngoài một viên thuốc đắng. Ông ta không gian trá, khoác lác, hay nói những điều để tạo nên ngộ nhận. Có những điều ông đưa ra kẻ đối diện không hài lòng, không muốn lắng nghe, nhưng Bunker nghĩ, kẻ đối diện phải suy nghĩ và trả lời những vấn đề mà ông đã đặt ra.

Để tránh những ấn tượng ngộ nhận về việc ông đã dính dáng vào công việc điều hành của chính phủ Miền Nam, nên thay vì trao đổi qua điện thoại, Bunker thường thu xếp để gặp Thiệu, Kỳ tại văn phòng làm việc hay tại tư thất của mỗi người. Tư thất của Kỳ nằm trong Căn cứ Không quân Tân Sơn Nhất được trưng bày nhiều hình ảnh và những vật lưu niệm do những hoạt động của ông trong qua khứ. Văn phòng của Thiệu rộng hơn, và trên bức tường Thiệu treo bức tranh lớn, hình ảnh chiếc cầu do chính phủ vừa xây lại tại làng quê Trị Thủy, nơi ông sinh trưởng. Thiệu tỏ ra yêu thích bức tranh vẽ chiếc cầu này vì theo Thiệu, chiếc cầu đã nối liền mạch sống giữa dân làng, qua con sông để đến chợ búa.

Không có một nhân vật Hoa Kỳ nào tiếp xúc Thiệu hay Kỳ nếu Bunker không giới thiệu. Thế nhưng thông thường Bunker gọi những nhân viên trong Hội đồng Đặc nhiệm có mặt cùng ông trong các vấn đề cần thảo luận với các nhà lãnh đạo Việt Nam.

Vào cuối tháng 2-1968 Thiệu quyết định thay thế hai viên Tướng thân cận của Kỳ, một là Tư lệnh Vùng 4 Chiến thuật và người kia là Tư lệnh Vùng Cao nguyên với lý do thiếu trách nhiệm trong vụ Việt cộng tấn công Tết Mậu Thân.

Cùng thời gian ấy, Nghị sĩ Trần Văn Đôn đã yêu cầu Tòa Đại Sứ ngăn cản việc Thiệu định hình thành một tổ chức chính trị nhằm làm giảm những nỗ lực của Mặt trận Cứu quốc mà Đôn đã thành lập. Trái lại, Thiệu cho rằng, việc Đôn tạo ra một mặt trận chính trị là nhằm xin ngân khoản tài chánh của Tòa đại Sứ Mỹ để phục vụ mục tiêu chính trị của Đôn. Theo hiểu biết của Bunker thì hai nhóm chính trị mới sẽ xuất hiện. Một tổ chức do Kỳ và một tổ chức do Thiệu lãnh đạo. Bunker nghĩ rằng tuy là hai lực lượng chính trị riêng rẽ thế nhưng cùng có chung một mục tiêu là phục vụ dân chúng Miền Nam Việt Nam thì đó là điều đáng khuyến khích.

Vào cuối tháng 2, Thiệu tiến thêm một bước xa hơn trong mục đích chính trị của ông. Thiệu trực tiếp đảm nhận chức Chủ tịch Ủy ban cứu trợ và đưa ra quyết định giảm bớt quyền hành của các viên Tư lệnh Vùng Chiến thuật. Ông đặt các vị Tỉnh trưởng dưới quyền giám sát của Bộ Nội vụ.

Việc tái phân chia trách nhiệm mới này đã giúp cho các Tướng lãnh trong Quân đội rảnh tay và chỉ lo đối phó với các đơn vị chính quy của cộng quân. Chương trình Bình định và Phát triển Địa phương trước đó không đạt được hiệu quả khả quan, nay có nhiều triển vọng tiến bộ hơn. Chính quyền địa phương đã thoát được ra khỏi sự khống chế của giới Quân đội để thực thi vai trò chính trị. Guồng máy chính phủ, một

cách tổng quát, giới Quân đội không tán đồng, nay đã đóng giữ những vai trò chủ động.

Một người vẫn luôn luôn tìm mọi cách để chống lại Thiệu là Tướng Loan, Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia, Trung tâm Quyền lực số 2 trong nhóm của Kỳ. Vị Thủ tướng do Kỳ đề nghị và bổ nhiệm lại không muốn nằm trong quỹ đạo của Kỳ. Chẳng những thế, ông ta còn tìm cách chống lại sự liên kết giữa Kỳ và Loan. Do đó mà Loan trở thành tấm bia cho mọi phe nhằm đốn ngã.

Ngay sau vụ tổng công kích Tết, Thiệu đã yêu cầu Quốc hội dành cho chính phủ nhiều quyền đặc miễn nhưng những Dân biểu trong Quốc hội thân Kỳ không chấp nhận, Loan dùng những căn phòng tại khách sạn Bát Đạt để cho các vị dân cử thân Kỳ sử dụng bất cứ lúc nào. Ngày 27-2, nhóm Dân biểu thân Kỳ đã chính thức hình thành mà dân chúng thường gọi đó là Nhóm Bát Đạt. Qua đôi mắt của Loan, Bunker nhìn ông ta không mấy thiện cảm. Những lần Bunker mời đến tư thất, Loan không bao giờ đến đúng giờ, rồi ăn mặc thiếu lịch sự, giống như một lối tạo cho mọi người chú ý tới mình.

Sau lần bị bên lập pháp đánh bại, Thiệu bắt đầu mở những cuộc họp, tiếp xúc riêng rẽ với các vị lãnh đạo từng nhóm trong Quốc hội để tìm hậu thuẫn, trong khi Kỳ thì cố vận động phía Quân đội để làm áp lực đòi thay đổi chính phủ. Bunker đã nói với Kỳ: với tình trạng Miền Nam Việt Nam hiện nay, chính phủ Hoa Kỳ không ủng hộ cho bất cứ một cuộc đảo chánh nào, và đồng thời cũng xác định với Thiệu là Hoa Kỳ luôn hỗ trợ ông ta theo hiến pháp của Miền Nam Việt Nam.

Khi Kỳ nói với Bunker là ông ta muốn trực tiếp điều hành tổ chức Nhân dân Tự vệ, nhưng Thiệu chưa có quyết định dứt khoát để trao cho ông trách nhiệm đó, Bunker liền thảo luận và đề nghị Thiệu nên để cho Kỳ đóng giữ vai trò này vì chức năng ấy phù hợp với ông ta. Thế nhưng, là một TT, Thiệu cũng có lý do riêng của ông, là muốn ngăn chặn trước tình trạng có thể xảy đến là một chính phủ trong một chính phủ.

Vào cuối tháng 2-1968 Bunker đã đưa ra nhận định với Tổng thống Jonhson về tình hình Việt Nam:

Thứ nhất, mặc dù cộng quân đã bị tổn thất hơn 40.000 người, phân nửa số quân tung vào trận Mậu Thân, cộng quân vẫn đang chờ sự bổ sung từ miền Bắc, để có thể tiếp tục các cuộc tấn công khác, và hiện họ đang chuẩn bị chiến thuật mới của họ.

Thứ hai, sự duyệt xét về mặt chiến lược đối với Hà Nội là điều cần thiết nhằm để củng cố tinh thần binh sĩ các cấp vốn đã bị mất niềm tin vì thất bại trong trận tổng công kích vừa qua, trận tổng công kích mà Hà Nội đã tuyên truyền trong hàng ngũ Quân đội của họ đó là trận thắng cuối cùng.

Thứ ba, cộng quân đã ước tính sai lầm nghiêm trọng khi cho rằng quần chúng tại nông thôn sẽ nổi dậy lật đổ chính quyền. Nhận định ấy có thể đúng vào một thời điểm đã khá xa trước khi có Thiệu, bởi vì từ khi Thiệu cầm quyền, chính phủ của ông ta đã tạo được sự đoàn kết, hướng dẫn và tập trung dư luận quần chúng vào mục tiêu chung là chống cộng.

Thứ tư, về phía cộng quân, Hà Nội vẫn có khả năng duy trì sự thâm nhập quân đội của họ, và đã tái trang bị cho các đơn vị chiến đấu những vũ khí tối tân hơn là những vũ khí mà Hoa Kỳ đã trang bị cho Quân đội Miền Nam Việt Nam. Quân đội của họ chấp nhận hy sinh, kỷ luật và chủ động.

Thứ năm, những thiệt hại to lớn về mặt vật chất trong cuộc tổng công kích vừa qua là một gánh nặng đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa cộng thêm guồng máy chính phủ cần được tăng cường thêm nhân viên.

Thứ sáu, Chương trình Bình định phải bị chậm lại bởi vì phân nửa Cán bộ Xây dựng Nông thôn đã phải rời khỏi những nơi đã được chỉ định để về công tác tại các Thành phố cũng như các lực lượng Địa Phương quân và Nghĩa quân, đặc biệt là tại các vùng Miền Đồng bằng Sông Cửu Long.

Bunker kết luận: cuộc chiến bây giờ đã trở thành một cuộc chạy đua tại nông thôn. Ai kiểm soát được nông thôn, phần thắng sẽ thuộc về bên đó. Vấn đề quan trọng đối với Ellsworth Bunker là các lực lượng Đồng Minh không đủ quân số để bảo vệ những Thành phố. Một khi chính phủ Miền Nam Việt Nam rút ra khỏi làng mạc thì quân của Việt cộng sẽ chiếm đóng các làng mạc ấy và từ đó họ sẽ thâm nhập vào nhiều vùng khác tại nông thôn.

Hà Nội cũng không đủ quân số để thực hiện tất cả những nhu cầu họ muốn. Đưa quân vào các Thành phố, Hà Nội cũng bắt buộc từ bỏ những vùng mà họ đã từng kiểm soát và ngưng những mục tiêu mà họ dự trù chiếm cứ. Thế nhưng Quân đội của chính phủ rơi vào tình huống phòng thủ, thụ động (theo ước tính của nhiều Tướng lãnh Miền Nam) thì rồi ra cộng quân sẽ tuyển mộ thêm nhiều người vào Giải phóng quân miền Nam, có cơ hội để dự trữ lương thực và sẽ làm đổ sụp sự hiện diện chính quyền địa phương tại Miền Nam Việt Nam hiện đang kiểm soát ở nông thôn.

Thiệu ước tính, cộng quân sẽ không trở lại cuộc chiến du kích với những đơn vị lẻ tẻ tại nông thôn. Ông ta nghĩ Hà Nội sẽ cố gắng tối đa để tung vào cuộc chiến nhằm buộc chính phủ Miền Nam VN lo bảo vệ các Thành phố, trong khi đó, cộng quân tái thiết lập sự kiểm soát nông thôn để đưa vị trí của họ vào thế mạnh tại bàn thương thuyết. Thiệu tiên

liệu Hà Nội sẽ ngồi vào bàn hội nghị một cách nghiêm chỉnh vào cuối năm 1968 và đầu năm 1969. Điều Thiệu tiên đoán đã xảy ra đúng.

Hà Nội đã chuẩn bị và ước tính chu đáo để biến đổi thành quả trong kế hoạch tổng tấn công hỗ trợ cho sự thắng lợi cuối cùng về mặt chính trị của họ. Trong tiểu luận phác họa những bước tiến trong tương lai dành cho những đảng viên cộng sản “Đại thắng lợi, đại thử thách” (The Big Victory, The Great Task) viết vào năm 1967, Võ nguyên Giáp đã báo trước và nhấn mạnh rằng cuộc đấu tranh quân sự sẽ chuyển sang giai đoạn đấu tranh bằng chính trị. Ông ta cho rằng, để tìm lấy sự chiến thắng, người cộng sản phải có tính sáng tạo, phải gây mâu thuẫn ở chủ nghĩa thực dân kiểu mới giữa Hoa Kỳ và dân chúng Việt Nam, từ đó tách rời và cô lập chính quyền Sài Gòn ra khỏi dân chúng.

Giáp lập luận: chính phủ Hoa Kỳ đã lạm dụng danh nghĩa dân chúng Miền Nam Việt Nam để phổ trương ưu thế quân sự của họ, cho nên “đây là một cơ hội để dân chúng Miền Nam tập hợp đấu tranh về mặt chính trị”. Nếu dân chúng Miền Nam bỏ rơi chính phủ Sài Gòn thì Hoa Kỳ rời ra cũng không thể đơn phương lao vào trận chiến, chừng ấy Hà Nội sẽ là kẻ thắng trận. Phần lớn những trận đánh quan trọng năm 1968, như Giáp đã viết, xảy ra tại các Thành phố, nơi mà những đổ vỡ do chiến tranh sẽ là động cơ thúc đẩy một sự thay đổi về mặt chính trị ngay trung tâm quyền lực của chính phủ Miền Nam.

Ngày 2-9-1967 Mặt trận Giải phóng miền nam lần đầu tiên kể từ khi được thành lập năm 1960, đã cho phổ biến bản cương lĩnh chính trị. Theo Giáp, bản cương lĩnh này là “nền tảng vững chắc để đạt đến sự chiến thắng vĩ đại trong công cuộc chống Mỹ cứu nước”.

Điểm đáng lưu ý trong cương lĩnh này là kêu gọi tập hợp mọi thành phần, lực lượng quốc gia và các tổ chức tranh đấu cho dân chủ tại Miền Nam Việt Nam. Vào khoảng cuối năm 1967, cả hai ông Thiệu và Bunker cùng nhận định, một cuộc đàm phán nghiêm chỉnh với những người cộng sản Hà Nội là một điều hão huyền khi Hà Nội cảm nhận họ không thể tìm sự chiến thắng tại Miền Nam Việt Nam bằng võ lực và đưa cuộc chiến tranh vào một bước ngoặt mới.

Tướng Westmoreland nhận được những báo cáo cho biết cộng quân đã thất bại trong việc tuyển mộ binh sĩ tại các vùng nông thôn ở Miền Nam Việt Nam nên họ bắt buộc phải chuyển quân từ Bắc vào qua các ngã đường mòn Hồ Chí Minh. Hà Nội không thể thắng bất cứ trận nào trước hỏa lực mạnh mẽ của lực lượng Đồng Minh hiện có. Cộng quân đã hoàn toàn thất vọng trong ảo tưởng chiến thắng bằng quân sự của họ khi đối diện với lực lượng Hoa Kỳ. Miền Nam Việt Nam đã được bảo vệ chắc chắn và đó cũng đủ để gọi là chúng ta đã chiến thắng.

Mặt khác, Tướng Westmoreland cũng không đủ quân số để đánh bại cộng quân một cách nhanh chóng. Một khi đường mòn Hồ Chí Minh vẫn còn bỏ ngõ, Lào và Cam Bốt vẫn là nơi ẩn trú an toàn của đối phương thì tướng Giáp vẫn còn có thể kéo dài trận chiến sang nhiều năm. Cuộc chiến sẽ trở thành ván bài không bao giờ chấm dứt như Bunker và Westmoreland đã từng nhận định và chỉ trích. Miền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ không ở thế chủ động để kết thúc chiến tranh một khi Giáp chưa ngừng tay.

Về phía Giáp, ngay từ giữa năm 1967, ông ta đã nhận ra rằng, dù có thể duy trì cuộc chiến trong nhiều năm, Giáp cũng không thể nào thắng được tại Miền Nam trừ phi phải thay đổi căn bản chiến lược để huy động toàn bộ sức mạnh về quân sự. Cuộc tổng công kích Mậu Thân, Giáp nhắm vào chiến lược đó. Giáp muốn qua trận tấn công này chứng tỏ ông ta vẫn còn ở thế chủ động, lực lượng ông ta không suy sụp như Tướng Westmoreland đã từng đưa ra tại Washington vào tháng 11-1967.

Vấn đề hệ trọng đặt ra cho chúng ta là ý nghĩa của những sự kiện xảy ra đã bị phóng đại, thổi phồng. Chính phủ đã đưa ra những nhận định đúng đắn và những nhà bình luận trong giới truyền thông, Quốc Hội, các Trường Đại Học và các Nhà Thờ đã dự phóng sai lầm. Chúng ta đã biết bao lần thống trách cho rằng giúp cho Miền Nam Việt Nam là một thất bại, rơi vào chỗ không lối thoát, những viên chức chính phủ đã diễn đạt sai lầm, một phán đoán lầm lỗi tệ... Giờ đây thời gian đã qua đi đủ để cho chúng ta duyệt xét lại một cách nghiêm chỉnh những sự kiện xác thực đã xảy ra trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân.

Trong tiểu luận viết vào tháng 9-1967, tướng Giáp của Hà Nội đã viết rằng một khi Sài Gòn còn trông cậy vào lực lượng của Mỹ để tồn tại thì Quân đội Miền Nam Việt Nam phải đóng giữ “vai trò chủ yếu song song với Hoa Kỳ trong chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân theo kiểu mới. Sài Gòn là công cụ chính trị của lực lượng Mỹ”. Vì thế mà Giáp chủ trương “cuộc tổng công kích nhằm mục tiêu chính trị, không phải là mục tiêu quân sự nằm sâu trong các Thành phố, Thị trấn, nơi mà người dân Miền Nam Việt Nam ủng hộ cuộc chiến tranh”. Điều đó có nghĩa là các chiến lược gia Hà Nội đã xác định rằng, họ không thể tìm cuộc chiến thắng bằng quân sự. Hà Nội không thể đánh bại Quân đội Hoa Kỳ trên chiến trường.

Nhưng Giáp đã thất bại. Qua cuộc tổng công kích Mậu Thân, Hà Nội cũng không đón ngã được Quân đội Miền Nam và chính phủ Sài Gòn. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn lớn mạnh và kiên cường. Dân chúng Miền Nam vẫn tiếp tục hỗ trợ cho chính phủ vừa mới được bầu lên. Chính quyền do họ dựng lên tại một số địa phương đã không được

dân chúng hưởng ứng. Những điều những người cộng sản tuyên truyền với dân chúng đã không thực hiện được. Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân là một trắc nghiệm cụ thể về niềm tin và nỗ lực mà Bunker đã đưa ra để giúp Miền Nam Việt Nam và ông đã thắng ở niềm tin ấy.

Nếu dân chúng Miền Nam Việt Nam đáp ứng những điều mà Giáp trông đợi thì cuộc chiến tranh đã chấm dứt, và Giáp được làm anh hùng thêm lần nữa. Thế nhưng điều đó đã không xảy ra, ngoại trừ chuyện dân Miền Nam Việt Nam lại có sự bất đầu tranh chấp giữa những người ủng hộ lực lượng Hoa Kỳ và những người cho rằng cần có nền tự quyết và độc lập về chính trị.

Vì thế, Bunker đã nói với Tổng thống Johnson: việc dân chúng Miền Nam Việt Nam không ủng hộ Hà Nội trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân tại Miền Nam đã chứng tỏ rằng nỗ lực của Hoa Kỳ hỗ trợ cho xứ sở này hoàn toàn khác xa với cuộc phiêu lưu tìm thuộc địa của Pháp. Người Pháp đã thiết lập một chính phủ, một nền hành chính và một quân đội ở Việt Nam là để phục vụ quyền lợi của nước Pháp. Trong trường hợp này, người Việt Nam phải dùng Pháp như một đồng minh để họ tiến đến một mục tiêu ở tương lai. Vì vậy mà khi Pháp bị đánh bại tại Điện Biên Phủ và từ bỏ quyền lực của Pháp tại Đông Dương thì quyền lực của những người ủng hộ Pháp tại Miền Bắc rơi vào tay cộng sản và tại Miền Nam, những người thân Pháp bị đẩy ra khỏi chính quyền của Ngô Đình Diệm.

Nhưng tháng 2-1968 vị trí của Việt Nam khác xa thời thuộc địa trong cuộc kháng chiến của Việt minh. Quân đội Miền Nam Việt Nam và chính quyền Miền Nam không phải là công cụ của Hoa Kỳ. Đúng hơn, Hoa Kỳ phụ thuộc vào Miền Nam. Không có một người Mỹ nào kể cả Bunker, có thể chỉ thị cho người Việt Nam thực hiện những điều theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ. Chúng ta không có lý do và cũng không có quyền lực gì để đòi hỏi điều đó. Chúng ta có mặt tại đó với một nhu cầu duy nhất: Sự hiện diện của một chính phủ với một nước bạn đồng hành. Họ không thể tồn tại nếu không có Hoa Kỳ giúp đỡ. Và đồng thời chúng ta cũng nói lên bản chất chính trị của cuộc chiến đấu, rằng sự can dự của Hoa Kỳ nhằm vào mục tiêu bảo đảm nguyện vọng mà dân chúng Miền Nam Việt Nam đang phấn đấu và lựa chọn. Sài Gòn và Washington mỗi bên đều có quyền độc lập và kiểm soát lẫn nhau.

Cũng giống như sự liên minh với chính phủ Churchill vào thời Đệ nhị Thế chiến để chống lại Đức quốc xã, chúng ta phải có mặt tại Việt Nam. Hình thức tuy giống nhau nhưng khả năng lại khác, người bạn Đồng minh Miền Nam Việt Nam chúng ta đã bắt đầu gục ngã. Trong Trận tổng công kích Tết Mậu Thân, Giáp muốn chặn đứng khả năng của chúng ta để Hà Nội thực hiện ước mơ của họ.

WESTMORELAND YÊU CẦU TĂNG QUÂN CHIẾN ĐẤU

Trong lãnh vực quân sự, sau Tết Mậu Thân, Westy không có nét thay đổi cơ bản nào ở kế hoạch đã chuẩn bị trước của ông, kể cả việc tập trung quân để tấn kích vào các đơn vị cộng quân đã bị lộ diện. Ưu tiên hàng đầu không nhằm để phản công mà là để bảo vệ các Thành phố và căn cứ Khe Sanh để giảm thiểu sự thâm nhập quân bắc việt xuyên qua vùng Phi Quân sự.

Tại Huế, cộng quân đã tung ra nhiều tiểu đoàn để tràn chiếm, do vậy, Westy dự đoán, cộng quân sẽ tiếp tục phát động những cuộc tấn công mới nhằm vào các Thành phố ở hai tỉnh nằm cực Bắc Trung phần Miền Nam Việt Nam. Cuộc tấn công vào các Thành phố cũng có thể nằm trong chiến thuật của Hà Nội nhằm phân tán các lực lượng Đồng Minh rộng khắp Miền Nam để cộng quân tập trung quân tấn công vào những mục tiêu khác mà họ lựa chọn.

Những tuần lễ sau Tết Mậu Thân, Tướng Westmoreland đã cố gắng tối đa trong khả năng tập trung quân để tiêu diệt các đơn vị địch quân. Thành phố Huế đã được giải tỏa và Căn cứ Thủy quân Lục chiến tại Khe Sanh đã được bảo vệ. Bộ Tư lệnh MACV đã được thành lập thêm gần Huế. Tướng Abrams đã được chỉ định làm Tư lệnh điều hợp giữa Thủy quân Lục chiến và các Sư đoàn Bộ binh Hoa Kỳ mở các cuộc lùng và diệt các lực lượng địch quân ở Vùng đồng bằng và rừng núi tại các tỉnh Trung phần Miền Nam Việt Nam.

Tướng Westmoreland đã chuẩn bị dùng Khe Sanh như một hậu cứ để sẵn sàng mở các cuộc tấn công sang Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh khi Washington đồng ý. Một vài e ngại cho rằng Khe Sanh sẽ trở thành Điện Biên Phủ thứ hai của Hoa Kỳ. Liền sau Tết, mặc dù một sự thất bại tại chiến trường như thế, nhưng Hà Nội đã làm cho Washington do dự trong việc tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh.

Thật vậy, 2 sư đoàn cộng quân bắc việt chung quanh căn cứ Khe Sanh đã bị Không quân oanh tạc tạo nên sự tổn thất nặng nề, do đó họ không còn khả năng để tiếp viện mặt trận của họ tại Huế. Thế nhưng các đơn vị nhỏ hơn của Bắc việt vẫn còn khả năng chuyển quân vào gần các Thành phố lớn gần vùng Phi Quân sự.

Ngày 13-2, qua điện đàm, Westy đã yêu cầu Tham Mưu trưởng Liên quân, Tướng Earle Wheeler tăng cường khẩn cấp cho ông đủ quân số 525.000 người như Bộ Tham mưu đã hứa trước đó. Westmoreland đề nghị một phần của Sư đoàn 82 Dù và một Trung đoàn Thủy quân Lục chiến cần đến Việt Nam ngay. Với các đơn vị mới tăng cường này, Westy dự tính, đủ để bảo vệ kiên cố căn cứ Khe Sanh, vùng Nam giới

tuyến và đường tiếp liệu đến các đơn vị Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa một cách an toàn tại vùng Phi Quân sự.

Wheeler bay đến Sài Gòn để nghiên cứu tại chỗ về những nhu cầu mà Westmoreland đòi hỏi. Khi trở lại Washington, ông ta tỏ ra bi quan. Wheeler cho rằng, trong đợt tấn công đầu tiên, cộng quân gần như đã thành công trong việc chiếm giữ hàng chục Thành phố, Thị trấn, điều đó có nghĩa là, hy vọng một cuộc chiến thắng bằng quân sự của phe Đồng Minh còn mong manh, xa vời.

Wheeler đã không hề nhìn thấy Quân đội Miền Nam Việt Nam đã chiến đấu kiên cường để bảo vệ phần lớn những căn cứ của họ mà lại đặt ra câu hỏi, làm thế nào Quân đội Miền Nam có thể tồn tại trước những đợt tấn công của cộng quân? (Trái lại, Bunker, một dân sự, nghĩ rằng Hà Nội không có khả năng tiếp liệu cho các đơn vị của họ để có thể duy trì một mức độ tấn công rộng lớn và lâu dài, đáng khác sự lộ diện của quân bắc việt là mục tiêu để phe Đồng Minh với hỏa lực hùng hậu, dễ dàng tiêu diệt).

Wheeler cũng được tường trình là vị Tư lệnh chiến trường của Hoa Kỳ cho rằng những cuộc hành quân hỗn hợp giữa Hoa Kỳ và Quân đội Miền Nam Việt Nam là một điều cần thiết. Mười Tiểu đoàn của Hoa Kỳ chuyển về chung quanh Sài Gòn và những Tiểu đoàn khác đang phối hợp với quân Miền Nam Việt Nam để tái chiếm Thành phố Huế. Cuối cùng, Wheeler đồng ý con số trên 525.000 quân sẽ được đưa sang Miền Nam Việt Nam và khuyến cáo Westmoreland đặt nặng kế hoạch phản công với quân số vừa được tăng cường đó.

Sau chuyến quan sát của Tư lệnh Wheeler tại Sài Gòn, vào tháng 2 với sự thỏa thuận của ông, Westy đã yêu cầu đưa thêm 206.000 quân vào trận chiến. Lời yêu cầu này nằm trong kế hoạch dự thảo với nỗ lực tối đa mà Westmoreland đã đệ trình cho Washington một năm trước đó, và rồi đã bị Tổng thống Johnson bác bỏ trong mùa Hè năm 1967, để chỉ đồng ý, tăng cường với mức quân số tối thiểu mà thôi.

Sau vụ Tết Mậu Thân, Washington đòi hỏi Bunker thay vì phải gửi thêm quân, Hoa Kỳ phải áp lực tối đa để chính phủ Miền Nam Việt Nam nhận lấy trọng trách nhiều hơn nữa, để Thiệu và Kỳ phải ngồi chung với nhau lo công việc, và để Hoa Kỳ giành quyền ưu tiên chấp nhận việc Thiệu-Kỳ bổ nhiệm những nhân vật trọng yếu.

Bunker đáp lại, ông ta tin tưởng chính phủ Miền Nam Việt Nam có thể làm tất cả những gì mà họ thấy là cần thiết cho đất nước của họ. Thế nhưng nếu chúng ta áp đặt thì chẳng bao giờ họ thực hiện những điều mà chúng ta muốn, và việc làm của họ chẳng bao giờ hoàn tất qua cách nhìn của báo chí, qua ác ý của một số dân cử tại Quốc Hội. Từ đó nảy sinh ra khuynh hướng chỉ trích, đã kích cho rằng chính phủ Miền

Nam Việt Nam đã không thi hành hết trách nhiệm của họ, một trách nhiệm mà ngay cả người Hoa Kỳ cũng không thể hoàn tất nổi.

Bunker sau đó tường trình: các nhà lãnh đạo Miền Nam đồng ý trên nguyên tắc về những mục tiêu mà Washington mong muốn. Thế nhưng, Bunker muốn chỉ thúc đẩy họ bằng ngôn từ và đồng thời loan báo những thành quả mà họ đã cố gắng đạt được. Ngay cả với Thiệu, Bunker cũng hứa rằng vai trò của Ellsworth Bunker là sát cánh để giúp Thiệu đạt được những mục tiêu có lợi cho đất nước của Thiệu.

Trong việc bổ sung thêm quân chiến đấu, Bunker nói với Washington: 7 Tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến và một phần Sư đoàn 82 Dù là một nhu cầu cần thiết để thay thế các vị trí xung quanh Sài Gòn do các đơn vị Hoa Kỳ trấn đóng vừa di chuyển ra vùng giới tuyến Phi Quân sự. Và 7 Tiểu đoàn này đủ khả năng chặn đứng đợt tấn công thứ hai của cộng quân dự tính sẽ xảy ra vào tháng 5 hay tháng 6 xung quanh Sài Gòn.

Bunker đưa ra nhận định này nhằm tăng cường nhận định của Westmoreland trong nhu cầu đòi hỏi Washington tăng quân khẩn cấp. Tuy nhiên, ngoài nhu cầu cần thiết trước mặt, việc tăng thêm quân chiến đấu sẽ được duyệt xét lại vào mùa Hè sắp tới. Về điểm này, Bunker lại không đồng ý tăng quân tối đa như Wheeler và Westmoreland đã ước tính. Theo Bunker, tăng quân mà không có phương thức sử dụng rõ ràng chỉ tạo nên cảm tưởng đây là cuộc chiến tranh của người Mỹ và đồng minh khác, đẩy chính quyền Miền Nam VN xa rời trách nhiệm của họ, để quay về điểm khởi đầu là Quân đội Miền Nam chỉ lo phần phòng thủ ở nông thôn chứ không phải là đạo quân để chiến đấu.

Dean Rusk từ Bộ Ngoại Giao đã thường gọi cho Ellsworth Bunker để thăm dò phản ứng của dân chúng Miền Nam ra sao khi Hoa Kỳ gửi thêm quân. Bunker nghĩ rằng có lẽ ông Bộ trưởng Ngoại giao cũng cảm thấy dường như có điều gì bất ổn khi sự có mặt của Quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam quá đông. Trao đổi với Rusk, Bunker lại trình bày với ông ta việc Hà Nội sử dụng lãnh thổ bất hợp pháp tại Lào và Cam Bốt là một trở ngại chính trong công cuộc mang lại chiến thắng cho Hoa Kỳ cũng như cho Miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến tranh này. Giải quyết bế tắc trên, bất kể là bằng cách nào, đó mới là điều quan trọng. Quan trọng hơn cả việc gửi thêm quân chiến đấu.

Bunker cũng trao đổi: đáp ứng với việc Hà Nội leo thang chiến tranh, ưu tiên hàng đầu là phải tái trang bị vũ khí tối tân cho Quân đội Đồng minh Miền Nam Việt Nam. Có thể thì Quân đội Miền Nam mới đủ khả năng đối đầu với quân Bắc Việt và đồng thời đáp ứng được chính sách mới của Thiệu là động viên toàn lực cho cuộc chiến.

Cuối cùng, Bunker giải thích dùng những vũ khí có sức tàn phá mạnh theo kiểu chiến tranh Hoa Kỳ với những đơn vị được trang bị kỹ thuật cao được đưa vào cuộc chiến, vô hình chung sẽ làm cho chính phủ Miền Nam Việt Nam mất đi mục tiêu cơ bản là tạo đoàn kết về mặt xã hội, không thích ứng với một nền kinh tế còn yếu kém vì đất nước trong thời kỳ chiến tranh.

Tổng thống Johnson đã hành động mạnh mẽ đúng lúc vào năm 1965 để cứu vãn tình hình Miền Nam VN, nhưng hành động ấy không còn là điều bức thiết để phải kéo dài đến ngày hôm nay. Bunker hoàn toàn ủng hộ quan điểm tăng thêm nhiều quân chiến đấu HK một khi kế hoạch tiến sang Lào và cắt đứt đường mòn HCM được thực hiện. Bởi vì, theo Bunker, nếu kế hoạch trên được thi hành thì HN không có đủ khả năng để mở ra những trận tấn công quy mô như dịp Tết vừa qua.

Bản văn yêu cầu tăng cường thêm quân chiến đấu của Westmoreland bị tiết lộ ra tờ báo New York Time vào giữa tháng 3-1968 do một nhân viên dân sự làm việc tại Bộ Quốc Phòng (Daniel Ellsberg đã nói với Robert Kennedy, trang 905). Thế là bao nhiêu báo chí và nhân vật tại Washington hô hoán lên rằng những điều họ nghi ngờ về cuộc chiến đang trên đà thành công là hoàn toàn có lý, rằng những dự phóng lạc quan đưa ra vào cuối năm 1967 là hoàn toàn giả tạo, và rằng trận Tết Mậu Thân là một thất bại nặng nề về phía Hoa Kỳ. Chẳng thế thì tại sao lại có vấn đề yêu cầu đòi tăng thêm quân chiến đấu?

Ngày 22-3, Tướng Westmoreland được thông báo chuẩn bị về Washington để nhận một chức vụ mới. Một cách nào đó, đây được xem là hình thức thưởng cho Westmoreland vì sự hy sinh của ông trong cuộc chiến VN. Nhưng với Bunker, đây là quả bom nổ bất thần khi qua hệ thống truyền thanh, Ellsworth Bunker nghe Tổng thống Johnson vừa bổ nhiệm Westy đảm nhiệm chức Tham mưu Liên quân. Nếu được Thượng Viện thông qua, Westy sẽ nhận chức vụ mới vào ngày 2-7. Tướng Wheeler đã gọi điện thoại và báo cho Westmoreland tin đó.

Đối với Westy thì phân vân: đó là một điều đáng vui hay đáng buồn? Ông cảm thấy không hài lòng khi phải rời bỏ nhiệm vụ đang dở dang trong cuộc chiến Việt Nam và cũng không cảm thấy ông sẽ thành công hơn như Đô đốc Sharp, Tư lệnh Hạm đội Thái Bình Dương đã nói khi ông đảm nhiệm chức vụ mới. Nhưng với Bunker, dù Westmoreland được đề cử chức vụ cao nhất trong Quân đội, nhưng đó là cách sắp xếp của Johnson, không muốn danh dự của Westy mất đi vì bị các phe phái chính trị chỉ trích, tấn công.

Tất nhiên Tướng Creighton Abrams là người kế vị Tướng Westmoreland. Khi Tổng thống Johnson gọi Abrams về Washington để ông cần

tham khảo, thì Bunker hiểu đó là cách kính trọng trước khi bổ nhiệm Abe vào chức vụ mới, Tư lệnh Lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Ellsworth Bunker thường gọi Westmoreland là Westy, nhưng cho dù với tên gọi ngắn gọn ấy, ai cũng hiểu được ông là vị Tướng 4 sao, con người lúc nào cũng đặt bổn phận và trách nhiệm lên hàng đầu. Westy là tên gọi triu mến và thân thương mà mọi người dành cho ông. Trái lại, người phụ tá của Westmoreland là Creighton Abrams lại không thích gọi ông một cách ngắn gọn như thế. Đến Việt Nam một năm trước khi Westy rời khỏi xứ này, ông là con người trầm lặng, suy nghĩ, và hợp tác thân mật với các Tướng lãnh Việt Nam. Ông luôn chú trọng đến việc huấn luyện binh sĩ dưới quyền.

Ellsworth Bunker không rõ hết những khả năng quân sự của ông ta, ngoại trừ biết một điều là McNamara rất kính phục Abrams và chuẩn bị cho ông làm người kế vị Tướng Westmoreland. Nếu Abe là Tư Lệnh, Bunker hy vọng Tướng Bruce Palmer sẽ là người phụ tá và theo phán đoán của Bunker, Bruce là một trong số các Tướng lãnh giỏi nhất mà ông được biết tại đây.

Westy và Abrams sau đó bay sang Manila để gặp Tướng Wheeler. Wheeler đến đó để trao đổi một số tin tức mà ông ta không muốn nói qua điện thoại và sau đó ông cùng Abrams bay về Washington để gặp Tổng thống, còn Westy thì trở lại Sài Gòn mang theo nỗi thất vọng. Tại Manila, Wheeler đã cho Westy biết, khi Bobby Kennedy bắt đầu chạy đua vào cuộc tranh cử Tổng thống thì cũng là lúc bắt đầu mở chiến dịch đã kích Washington dữ dội. Guồng máy của Kennedy đã bắt đầu thâm nhập vào các cơ quan cao cấp của chính phủ, đặc biệt là tại Ngũ Giác Đài. Nhóm của Kennedy đã tổ chức khá chu đáo và tất nhiên dồi dào tài chính để tung ra từng chiến dịch chống phá chính phủ.

Sau chuyến đi Washington gặp Tổng thống về lại Sài Gòn, Abrams cũng cho biết Tổng thống Johnson đang phải đối phó với sự cô lập chính quyền ngày càng lớn mạnh. Trong khi thực tiễn, tình hình Việt Nam đang có những tiến triển khả quan sau Tết Mậu Thân, thì trái lại, tại Washington, sự phân hóa lại đang xảy ra. Abe nói: Thủ đồ tràn ngập không khí ngờ vực, nghi kỵ. Người ta không biết thế nào mà những tài liệu trên đường từ Bộ Quốc Phòng tới Tòa Bạch Ốc lại bị tiết lộ ra ngoài, thậm chí người ta không còn biết ai là kẻ đáng tin cậy.

Tổng thống đã mời những con người có đầu óc thông minh nhất như Dean Acheson, Mc George Bundy, George Ball, Abe Fortes, các Tướng lãnh Bradley, Ridgeway, Talor... để họp với ông cùng Dean Rusk và Clark Clifford. Abrams cũng đã tham dự phiên họp ấy suốt ngày và kể lại cho Bunker rằng tất cả mọi người mặt đều khuyên TT thay đổi chính sách và rút ra khỏi VN, ngoại trừ 4 người. Thế nhưng Johnson

không có chỉ dấu nào chấp nhận một sự thay đổi lớn lao như thế. Trái lại, ông ta muốn tiếp tục duy trì chính sách hiện tại của ông tại VN.

TÁI LẬP AN NINH

Đầu tháng 3, Huế đã tái ổn định và sự đe dọa tại căn cứ Khe Sanh đã bị đẩy lùi. Với sự phối hợp giữa Pháo binh, B52 và máy bay chiến đấu, khoảng 5000 Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ và 1000 Binh sĩ Biệt động quân Miền Nam Việt Nam đã đánh tan 16.000 quân chính quy bắc việt, trái với những điều dự đoán mà ban hợp ca bao gồm đám phóng viên báo chí và truyền hình khen tặng đó là đạo quân vô địch.

Trận thất bại Điện Biên Phủ thời Pháp thứ hai không thể tái diễn. Tướng Abrams trở về Tổng hành dinh tại Sài Gòn. Tướng Westmoreland đã phối hợp với Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa để hoạch định những kế hoạch phản công, nhằm tổ chức chiến dịch hành quân đánh thẳng vào sào huyệt cộng quân để chặn đứng những mưu toan tấn công vào các Thành phố có thể tái diễn.

Ngày 15-3, 50.000 quân Đồng Minh bắt đầu hành quân tại các Tỉnh chung quanh Sài Gòn để truy kích khoảng từ 8.000 đến 10.000 địch quân mà theo nguồn tin tình báo, còn ẩn trốn trong khu vực trên. Lực lượng cộng quân vì thế phải phân tán mỏng. Quân đội Đồng Minh đã khám phá và tịch thu nhiều kho lương thực và vũ khí của địch.

Thoạt đầu, các nhà quân sự nghĩ rằng những kho lương thực và vũ khí ấy do địch rút chạy nên không mang theo kịp nhưng theo Thiệu nhận định, đó là những tiếp liệu mà cộng quân dành cho đợt tấn công quan trọng vào Sài Gòn lần thứ hai, có thể xảy ra trong những tháng vào mùa Hè.

Vào giữa tháng 3, Bob Komer đã hoàn tất kế hoạch về Chương trình Bình định. Tỷ lệ dân chúng sống trong vùng chính phủ kiểm soát giảm xuống còn 59,8 phần trăm. Những thành công về mặt an ninh trong Chương trình Bình định vào năm 1967 đã tiêu tan. Trước Tết Mậu Thân, 7.761 xã ấp có an ninh 100%, sau Tết xuống còn 4.472. Hai phần ba xã ấp đã mất quyền kiểm soát vì không có lực lượng Nghĩa quân, Địa phương quân hay các lực lượng khác bảo vệ.

Thế nhưng điều đó không có nghĩa là các lực lượng Địa phương quân và Nghĩa quân bị tan rã. Khoảng 85% đến 95% lực lượng ấy vẫn còn tồn tại. Lực lượng đó chỉ bị điều động để bảo vệ tại các nơi gần Quận lỵ và Tỉnh lỵ. Các đơn vị Địa phương quân mới đáp ứng được 59% cấp số Sĩ quan và 69% Hạ Sĩ quan và 61% đơn vị chưa có vô tuyến điện thoại liên lạc. Theo sát những thống kê này, Bunker đã đề nghị các nhà lãnh đạo Miền Nam hãy tập trung nỗ lực thỏa mãn nhu cầu hai lực lượng trên bởi vì lực lượng đó rất cần thiết đối với dân chúng.

Thiệu đã chứng tỏ là một nhà lãnh đạo có khả năng để phục vụ dân chúng của ông nhưng Kỳ thì bất mãn khi Thiệu thay thế hai vị Tỉnh trưởng Biên Hòa và Gia Định. Đương kim Tỉnh trưởng Gia Định là em vợ của Tướng Nguyễn Ngọc Loan còn Tỉnh trưởng Biên Hòa là của ông Tướng đang giữ chức Tổng Tham mưu trưởng. Vị Tỉnh trưởng này chẳng biết làm gì cho tỉnh ông ta đến nỗi Bob Komer phải cắt hết mọi phương tiện dành cho Tỉnh Biên Hòa và đồng thời đặt Tỉnh Biên Hòa ra ngoài vòng bảo vệ của Quân đội Hoa Kỳ.

Thiệu cũng cho Bunker biết là vị Thủ tướng vừa quyết định cắt chức Giám đốc Quan thuế và Tân cảng Sài Gòn vì hai người này đều là chân tay của Kỳ. Những quyết định của Thiệu chứng tỏ ông ta là người có bản lĩnh và thật sự muốn đặt chính phủ nắm giữ đúng với trọng trách của nó, Bunker nghĩ như vậy. Thế nhưng điều đáng tiếc là trước dân chúng, Thiệu lại không chứng tỏ nỗi ông ta là con người quả cảm, năng động để mọi người đều có thể tin ông.

Đầu tháng 3, Thiệu thay thế tới 8 Tỉnh trưởng kể cả Biên Hòa. Tạp chí Newsweek nhận xét rằng người mà Thiệu đưa lên làm Tỉnh trưởng Huế và Thừa Thiên không có khả năng. Nhưng một năm sau, sau khi vị Tỉnh trưởng này hoàn tất một số công tác cho Tỉnh ông, cũng tờ tạp chí ấy, khen ông ta là một con người khôn ngoan, lương thiện. “Người đã đưa Thành phố Huế thoát khỏi cảnh hoang tàn”.

Thiệu sau đó đã chỉ thị cho các đơn vị Quân đội Miền Nam Việt Nam quay trở lại bảo vệ nông thôn. Tổng nha Nhân dân Tự vệ đã được thành lập trực thuộc Bộ Nội vụ để điều hợp chương trình nhân dân võ trang. Vị Tân Tư lệnh Vùng 4 Chiến thuật, một con người năng nổ dưới mắt người Mỹ và cũng là bạn chiến đấu của Kỳ, đã tạo dựng niềm tin trong hàng ngũ Quân đội ở vùng đất trọng yếu của Miền Nam Việt Nam. Quân nhân thuộc các Tỉnh vùng này giờ đây đã trở lại truyền thống có 30 phút nghỉ ngơi trong giờ trưa. Quốc lộ 4 từ Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long về Sài Gòn đã hầu như hoàn toàn an ninh.

Bunker tham dự một buổi lễ tại Sân Vận động Tao Đàn ở phía sau Dinh Độc lập cùng Thiệu, để chủ tọa lớp mãn khóa huấn luyện quân sự dành cho sinh viên. Báo chí loan báo là có 13 ngàn sinh viên đã học qua khóa huấn luyện quân sự này. Trong buổi lễ hôm ấy Thiệu đã dành 15 phút để nói chuyện trước đám đông sinh viên đó. Bài nói chuyện không soạn sẵn vì không dự định sẽ có buổi nói chuyện trong chương trình. Thế nhưng chưa bao giờ Bunker thấy Thiệu nói chuyện hùng hồn và hấp dẫn như buổi hôm ấy đến nỗi Bunker không nghĩ người đang nói chuyện trước đám sinh viên kia là Thiệu.

Trong 15 phút, sinh viên đã vỗ tay hoan nghênh ông đến 9 lần, và khi chấm dứt, ba lần sinh viên đã đứng lên ngồi xuống liên tục hoan

nghe ông. Khi hai phần ba sinh viên diễu hành qua thì Thiệu, Hội đồng Nội các và Ngoại Giao đoàn ra về. Khi vị Đại sứ đi ngang qua sinh viên, vài người trong số ấy đã gọi “Bunker” và vỗ tay. Khi tiến gần đến chiếc xe thì ông đã bị đám đông sinh viên chặn lại, họ muốn ông đứng chụp hình chung với họ và chia tay bắt tay ông. Có SV đã lấy chiếc mũ của họ đội lên đầu Bunker và tất cả đều bày tỏ lòng nhiệt tình và thiện cảm. Bunker nghĩ, nỗi sợ hãi trong kỳ Tết vừa qua nay đã tan biến.

LYNDON JOHNSON HY SINH VÌ HÒA BÌNH

Vào cuối tháng 3, cuộc khủng hoảng chính trị do những đợt tấn công trong kỳ Tết Mậu Thân lại bộc phát dữ dội ngay tại Hoa Kỳ. Mặc dù được nhiều phiếu ủng hộ trong cuộc chạy đua vòng đầu tại New Hampshire cùng đối thủ của ông là Robert Kennedy của đảng Dân Chủ tranh ghế Tổng thống, thế nhưng Tổng thống Johnson lại lo báo giảm bớt một số mục tiêu ném bom tại Bắc Việt, kêu gọi cuộc thương thuyết để chấm dứt chiến tranh và tuyên bố không ra tranh cử lần thứ hai vào chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ. Ông là một nạn nhân thiệt thòi nhiều nhất trong vụ Tết Mậu Thân ở nhiệm kỳ làm Tổng thống của ông. Và việc tự hy sinh để không ra tranh cử Tổng thống đã làm giảm thiểu những thắng lợi về mặt chính trị mà ông đạt được, đó là tạo ngộ nhận trong quần chúng Hoa Kỳ nghĩ rằng Hà Nội đã thắng trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân nên ông không ra tranh cử.

Việc Johnson hạn chế oanh tạc và phủ nhận đề nghị tăng quân chiến đấu Hoa Kỳ thật ra không làm cho Bunker ngạc nhiên. Johnson đã đưa ra những quyết định cơ bản đó từ mùa Hè năm trước khi ông ta từ chối lời yêu cầu tăng quân tối đa của Westmoreland. Nhưng việc Johnson quyết định không ra tranh cử đó mới là điều Bunker không hiểu nổi. Sau này thì Bunker hồi nhớ lại những biến động chính trị trong dịp Tết Mậu Thân đã ảnh hưởng nặng nề đến Johnson. Ông ta đã thắng với kẻ thù ở hải ngoại nhưng thất bại với đồng bào mình ngay tại quê nhà.

Vào lúc 10g sáng ngày thứ hai 1-4-1968, tất cả thành viên trong Hội đồng Đặc nhiệm ngồi chung quanh chiếc bàn để lắng nghe bài nói chuyện của Tổng thống, bài nói chuyện mà một phần nội dung đã được thảo luận với Bunker trước đó hai ngày qua đường viễn liên tối mật, liên quan đến việc oanh tạc Bắc Việt. Khi bài diễn văn chấm dứt, mọi người đều sửng sờ, cả Bunker. Ellsworth Bunker và những cộng tác viên cao cấp của ông bắt đầu phân tích việc Johnson quyết định không tái tranh cử sẽ tạo một sự tranh luận về chính trị ngay tại Washington và những sự kiện đó ảnh hưởng đến mức độ nào về tình hình tại Việt Nam. Mặt khác, phía Miền Nam Việt Nam sẽ đối phó ra sao về quyết định này của Tổng thống Johnson.

Khi Tổng thống đọc bài diễn văn đó thì tôi đang đứng trong căn phòng gần trường Đại học George Washington và chăm chú lắng nghe. Tôi không cảm nghiệm nổi bản lãnh chính trị của con người như Johnson, khi có thể đưa ra quyết định không tái tranh cử, như biểu hiện sự hy sinh của chính ông trước sức ép do sự hướng dẫn sai lệch về sự thất bại trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân. Rõ ràng ông ta không đủ bản lãnh để đương đầu với những khó khăn xảy đến như tôi từng suy nghĩ nhiều năm về trước và cảm thấy dường như có một sự gì đó đã bị phản bội.

Sau cuộc nói chuyện của Johnson, Bunker liền gặp Thiệu. Khi hỏi tại sao Johnson quyết định không tái tranh cử, Bunker đáp lại Thiệu: theo suy nghĩ riêng của ông ta, có lẽ ảnh hưởng từ sự chống đối do việc không kiểm soát nổi tình hình trong dịp Tết Mậu Thân. Khi đưa ra quyết định không tái tranh cử, Johnson muốn đặt Việt Nam ra khỏi vùng tranh chấp tại Washington để ông hoàn toàn theo đuổi cuộc thương thuyết theo sách lược của ông ta. Với một sự hy sinh cá nhân như thế, Johnson nghĩ ông không còn là mục tiêu để mọi người chỉ trích.

Là những người Việt Quốc gia đầu tiên quan tâm và e ngại việc Johnson rút ra khỏi cuộc tranh cử và hủy bỏ cuộc oanh tạc Bắc Việt, thế nhưng Thiệu và Bộ Tham mưu của ông đồng thời cũng nhận ra được một chuyển đổi bức thiết đang xảy ra ở quan điểm về phía Hoa Kỳ và quan điểm ấy không hẳn đưa đến sự tiêu vong trong việc Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ Miền Nam Việt Nam.

Bắc Việt sau đó đã đáp ứng lời kêu gọi của Johnson về cuộc thương thuyết. Sau một tháng bàn cãi về địa điểm, cuộc hòa đàm bắt đầu tại Paris vào tháng 5, ngay sau cuộc tổng công kích đợt 2 mà Hà Nội vừa tung ra. Đối với Hà Nội, đàm phán chỉ có nghĩa là một ván bài bày ra cho họ rao bán, tuyên truyền. Thương thuyết không có nghĩa là từ bỏ những lợi điểm mà họ đạt được qua các cuộc bạo động có võ trang. Sự ngây ngô của phong trào đòi hỏi hòa bình ở Mỹ đã phóng đại những thành quả ở các cuộc thương thuyết, quả là điều không tưởng.

Sau khi Tổng thống Johnson đưa ra tuyên bố hạn chế việc oanh tạc Bắc Việt, vào ngày 3-4, Thiệu và Kỳ tổ chức một cuộc họp báo. Trong lời phát biểu của Thiệu đã thay đổi thái độ qua nhận định: “Quân đội của chúng ta đã phát triển mạnh mẽ qua kế hoạch tổng động viên, và nếu chính phủ Hoa Kỳ cảm thấy cần thiết, có thể bắt đầu rút một phần quân chiến đấu về nước vào cuối năm 1968”. Dưới thời Tổng thống Nixon, kế hoạch đó gọi là Chương trình VN hóa Chiến tranh.

Thiệu vẫn nói trước công chúng, giữa ông và Kỳ có nhiều điều dị biệt, nhưng Thiệu vẫn xác định trên bình diện quốc gia, những vấn đề hệ trọng, ông và Kỳ đều cùng thảo luận và cả hai người cùng đồng ý.

Thiệu trao cho Kỳ trách nhiệm đặc trách về lực lượng Nhân dân Tự vệ. Việc chính phủ Miền Nam Việt Nam đáp ứng nhanh chóng những yêu cầu của Johnson đưa ra hôm 31-3 đã làm tăng lên thể chủ động khi yêu cầu Hà Nội ngồi vào bàn thương thuyết. Thiệu chuẩn bị bài nói chuyện trước đồng bào ông về việc Hoa Kỳ rút quân về nước, về việc võ trang thành phần Nhân dân Tự vệ.

Sau những tuần lễ căng thẳng về tinh thần, Bunker trở về Washington để tham dự phiên họp với Tổng thống Johnson và những phụ tá của ông. Vừa đến phi trường Andrews Air Force, Bunker mới chợt biết Bộ Ngoại giao đã thay đổi khách sạn tạm trú mà ông đã giữ trước đó là Jefferson Hotel sang khách sạn Shoreham bởi vì, theo Bộ Ngoại Giao, nơi đây an toàn hơn.

Những kẻ nổi loạn đã tràn ngập Thủ đô sau vụ Martin Luther King bị ám sát. Sài Gòn không phải là nơi khó khăn duy nhất hiện nay mà chính phủ phải lo đối phó, mà là khắp các mặt. Việc Luther King bị ám sát làm Bunker cảm thấy đau đớn, Bunker viết cho vợ rằng ông không thể ngờ được điều ấy lại có thể xảy ra ngay tại Hoa Kỳ. Đối với Bunker, với niềm tin mãnh liệt và định mệnh lịch sử Hoa Kỳ, thừa kế những di sản của tiền nhân, vấn đề chủng tộc người Mỹ gốc Phi Châu dần dần sẽ được san bằng, thay thế vào đó là sự công bằng và sự bình đẳng. Cái chết của King đã làm cho Bunker giảm đi nhiều hy vọng.

Tôi nghe tin ông Luther King chết được loan báo qua radio trên chiếc xe thể thao. Khi ấy ba tôi và tôi vừa dừng lại ở một tiệm burger ở Washington, ngoại ô Virginia. Tôi vội vã quay về nhà và chìm trong hỗn mang những suy nghĩ tại sao người ta lại có thể hành động như thế. Cũng giống như vụ ám sát John Kennedy xảy ra 5 năm về trước, cái chết của King đã tạo nên một cuộc khủng hoảng về niềm tin tại Hoa Kỳ.

Khi Ellsworth Bunker so sánh, với Bộ trưởng Quốc phòng Clark Clifford và Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk trên máy bay trực thăng từ Camp Davis trở về Washington rằng hỗn loạn chẳng khác gì Sài Gòn thì Rusk mang câu chuyện ấy nói với Johnson. Johnson trả lời: "Ồ hay! Ai là người đã trượt ngã trên sự hỗn loạn ấy? Tôi đã nói với mọi người là hãy đưa Ellsworth Bunker vào Tòa Bạch Ốc". Bunker đáp lại: "Tôi nghĩ, ở đây không được an toàn".

Rồi Johnson đưa Ellsworth Bunker vào căn phòng khách, nơi mà Churchill đã là khách trú tại đó trong thời gian viếng thăm Bạch Ốc. Johnson nói với Ellsworth Bunker: Churchill đã thức dậy lúc 4 giờ sáng, gọi rượu và vào phòng đánh thức Tổng thống Eisenhower.

Sáng hôm sau, Johnson mời Bunker dùng điểm tâm tại phòng của ông. Tổng thống còn mặc đồ ngủ, vừa đùa với cháu, vừa mở máy nghe những gì mà khách, qua điện thoại, nhắn lại. Vừa lúc ấy thì chuông điện

thoại reo. Sau khi nghe, Tổng thống quay qua hỏi Bunker: “Họ nói với tôi, Hà Nội đề nghị cuộc đàm phán sẽ tổ chức ở Warsaw. Ông có đi Warsaw không?” Bunker đáp ngay: “Không, thưa Tổng thống, tôi không đi”. Johnson hỏi: “Tại sao?” Bunker phân tích: “Ba Lan là nước đã ủng hộ Hà Nội. Như thế Miền Nam VN sẽ chẳng bao giờ chịu đến thương thuyết ở một nước đã từng giúp cho Hà Nội đâu”. Johnson trở lại chiếc điện thoại đang chờ và ông trả lời với phía bên kia đầu giây: “Không, chúng ta không bao giờ đến Warsaw”. Rồi Tổng thống gác ống nghe.

Một ai đó xuất hiện và nhắc cho Tổng thống biết là ông sẽ có cuộc hẹn vào lúc 10 giờ. “Tôi nghĩ là tôi phải chuẩn bị thì vừa. Rất tiếc”. Tổng thống nói với Bunker như vậy.

Sau khi Johnson ra lệnh ngưng ném bom một phần tại Bắc Việt vào ngày 31-3-1968, Thiệu đã chuẩn bị phương án cải tổ những nhân vật cao cấp trong chính quyền của ông ta. Với nhu cầu trước mắt là chính quyền Miền Nam cần phải được củng cố và cần một thế mạnh để chuẩn bị cho các cuộc thương thuyết hội đàm sắp xảy đến, Thiệu có đủ lý do vững chắc để loại những nhân vật thân Kỳ. Kỳ cũng cảm thấy việc Thiệu quyết định thay đổi một số nhân sự là điều cần thiết và ông ta không nghĩ sự thay đổi đó là chỉ nhằm cho lợi ích của cá nhân Thiệu.

Hai Tướng lĩnh đang xem như bị lưu đầy khỏi nước đã được gọi về để giúp Thiệu. Người thứ nhất là Trần Thiện Khiêm, người Miền Nam, được xem như thành phần không nằm trong tổ chức lật đổ Diệm năm 1963. Khiêm còn là người đã cứu Diệm trong cuộc đảo chánh năm 1960, một đảng viên trung kiên của Đại Việt, được nhiều sĩ quan trong Quân đội Miền Nam ủng hộ. Ông ta đã từng chiến đấu chống lại Việt Minh từ năm 1946. Vị Tướng thứ hai được gọi về là Đỗ Cao Trí, một con người chỉ biết chiến đấu, cũng người Miền Nam và được so sánh ông như một George Patton. Khả năng chính trị của Khiêm và Trí đều ngang tầm. Trí không phải là đảng viên Đại Việt và gần gũi với quan điểm và thái độ của nhóm Công Giáo từng phục vụ trong chính quyền của ông Diệm.

Không bao lâu sau đó thì đến ngày Lễ Quốc Tổ Hùng Vương, người có công dựng nước Việt Nam đầu tiên. Thiệu tham dự ngày lễ long trọng đó. Hùng Vương mở Triều đại Hồng Bàng kéo dài từ 2879 đến 250 trước Công Nguyên. Tên nước được đặt là Văn Lang và chạy dài tận phía cực Nam ở Trung Hoa và ngày nay được gọi là Miền Trung Phần của Việt Nam.

Cũng trong ngày lễ này, một biểu ngữ đồ sộ khác cũng được treo lên để tưởng nhớ hai vị anh hùng khác của dân tộc Việt Nam và đã trở thành huyền thoại, đó là Lạc Long Quân và Âu Cơ. Theo truyền thuyết Việt sử, Lạc Long Quân và Âu Cơ đã sinh ra 100 người con, 50 người

lên núi sống và ngày nay trở thành những Bộ lạc người Cao Nguyên và 50 người khác đã đi xuống vùng biển và đã trở thành người Việt.

*Trích từ “Cuộc chiến thắng bị bỏ lỡ, chương 5”.
Nguyễn Vạn Hùng chuyển ngữ*

Vụ Tết Mậu Thân, bóng tối lịch sử đã sáng dần?

Nguyễn Đức Cung

Năm ngoái, tại buổi lễ tổ chức kỷ niệm 40 năm “Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968” tại Dinh Độc Lập cũ ngày 01-02-2008, có sự tham dự của Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam và nhiều quan chức CS cao cấp khác, Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị và là Bí thư Thành ủy Sài Gòn đã vẫn theo một luận điệu huênh hoang cũ rích khi cho rằng: “Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ lên một bước mới, tạo ra bước ngoặt lớn, làm lung lay tận gốc ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm rung động nước Mỹ và vang xa ra cả thế giới... Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân là một biểu tượng sáng ngời về ý chí cách mạng quật cường của quân và dân, biểu thị tinh thần độc lập, sáng tạo, tài trí, mưu lược trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng. Xuân Mậu Thân đã để lại cho các thế hệ mai sau nhiều bài học có ý nghĩa sâu sắc mang giá trị vĩnh cửu...” (1)

Trong chiến tranh Việt Nam (The Vietnam War), Biến cố Tết Mậu Thân (1968) mà sử sách của chế độ cộng sản Hà Nội gọi là Tổng công kích–Tổng khởi nghĩa (TCK-TKN), đã được các sử gia ngoại quốc xem là một bước ngoặt lớn trong chiến tranh Đông Dương lần thứ hai. Biến cố Mậu Thân đã để lại nhiều ấn tượng xen lẫn kỷ niệm tang thương, đau lòng trong rất nhiều đồng bào Việt Nam tại Huế–Thừa Thiên cũng như đồng bào Miền Nam vì cái chết của biết bao người thân trong gia đình, bạn hữu, quân dân chính các cấp, các tu sĩ tôn giáo, các giáo sư đại học ngoại quốc và dân lành vô tội.

Hơn bốn thập niên trôi qua, nhiều bí ẩn do biến cố Mậu Thân vẫn còn tồn đọng khiến cho giới nghiên cứu sử học cũng phần nào băn khoăn đúng như có người đã cho rằng: “Tết Mậu Thân vẫn là chủ đề gây nhiều tranh cãi. Từ một mức độ nào đó, có người sẽ nghĩ họ đã có cái nhìn toàn diện về Tết Mậu Thân, nhưng ở một góc độ khác, nhiều người sẽ vẫn không thể hiểu và giải thích sự kiện này.” (2)

Tuy vậy, ngày nay với sự lên tiếng của rất nhiều giới có liên quan tới biến cố Tết MT, ngay những người sống trong hàng ngũ Cộng Sản cho đến các thân nhân các nạn nhân còn sống ở hải ngoại, sự thật lịch sử đã được phơi bày ra ánh sáng và mặc dù chính quyền CS trong nước cố kéo níu cán cân lịch sử về phía mình, tập trung nỗ lực khai thác cái gọi là chiến thắng MT của họ, sự thật vẫn là sự thật và dĩ nhiên tội ác lịch sử do chính họ gây ra đối với đồng bào Huế nói riêng và nhân dân Miền Nam nói chung trong vụ thảm sát Tết MT cũng vẫn còn nằm trong bản cáo trạng nặng nề không thể nào xóa sạch vết nhơ được.

1- Tết Mậu Thân, điểm mốc nhìn về quá trình nỗ lực xây dựng Miền Nam và cuộc tranh chấp quyền bính trong đảng Cộng Sản Miền Bắc.

1-1. Nỗ lực xây dựng một Miền Nam trù phú và tự do.

Theo hiệp định Genève ký ngày 20-7-1954, nước Việt Nam phải chia làm hai tại vĩ tuyến 17 mà miền bắc thuộc về chế độ cộng sản và miền nam thuộc về chế độ quốc gia. Người Cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ cho rằng đáng lẽ ra họ phải được chia từ vĩ tuyến 11 hay 13 tức tại Nha Trang nhưng vì áp lực của phái đoàn Trung Quốc do Chu Ân Lai cầm đầu nên phải tạm thời chấp nhận đường ranh của sông Bến Hải tại Quảng Trị. Dĩ nhiên Việt Minh không thể dễ dàng chấp nhận phần thua thiệt cho mình. Họ đã gài cán bộ lại Miền Nam, chôn cất vũ khí, một số cán bộ CS được lệnh lập gia đình để lại vợ con với mục tiêu tính chuyện đảo hồi Miền Nam. Tám mươi ngàn cán binh CS tập kết ra Bắc năm 1954, sau hiệp định Genève, được hứa hẹn tạm thời ổn định cuộc sống tại Miền Bắc, cũng sẵn sàng để trở lại địa bàn hoạt động cũ.

Cũng theo hiệp định Genève, sau hai năm sẽ có hiệp thương tổng tuyển cử giữa hai miền nam bắc để thống nhất đất nước nhưng Tổng thống Ngô Đình Diệm đã bác bỏ đề nghị tổng tuyển cử của Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi ông cho rằng Việt Nam Cộng Hòa không ký vào bản hiệp định Genève nên không bị ràng buộc bởi văn kiện này. Đây là lý do để Miền Bắc nhất quyết nuôi tham vọng thống nhất đất nước bằng con đường vũ lực.

Trong cuộc chiến giữa hai miền nam và bắc Việt Nam, vai trò hệ tư tưởng là một khâu quan trọng và trong khi Miền Bắc sống trong ý thức hệ Cộng Sản thì tại Miền Nam, các nhà lãnh đạo thời Đệ I Cộng hòa đã đưa ra chủ thuyết Nhân vị (Personalism) làm đôn bầy cho các hoạt động xây dựng các cơ chế dân chủ, xã hội của mình, ngoài những thành công trong nỗ lực xóa bỏ tàn tích của chế độ Thực dân, định cư cho gần một triệu đồng bào từ Bắc vào.

Một sử gia ngoại quốc, Robert Scigliano, thuộc Viện Đại học Michigan đã nhận xét: “Chủ nghĩa Nhân vị nhấn mạnh đến sự điều hòa những ước vọng vật chất cũng như tinh thần của cá nhân với các nhu cầu xã hội của cộng đồng và các nhu cầu chính trị của quốc gia. Nó nhằm tìm kiếm một con đường trung dung giữa chủ nghĩa cá nhân tư bản và chủ nghĩa tập thể Mác xít.” (3)

Về phương diện tổ chức đời sống xã hội, nhất là ở nông thôn, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã cho xây dựng hàng chục ngàn khu trù mật và ấp chiến lược, mà như Tiến sĩ Lâm Thanh Liêm đã mô tả như sau: “Khu Trù mật là một cộng đồng nông nghiệp được chính quyền thành lập và gom dân vào đấy sinh sống từ những thôn xóm hẻo lánh, xa cách các trục giao thông mà chính phủ không thể kiểm soát được. Trước sự đe dọa của chiến tranh xâm lược Miền Bắc, Tổng thống Diệm quyết định tập trung thôn dân sinh sống rải rác vào Khu Trù mật để tiện bề kiểm soát họ, đồng thời cô lập họ với “Việt Cộng”, giống như cá thiếu nước không thể sống tồn tại được.” (4)

Sử gia Robert Scigliano cho biết Cộng Sản Hà Nội âm ỉ phản đối chính sách Khu Trù mật vì ngoài việc ngăn chặn Cộng Sản xâm nhập vào nông thôn, các Khu Trù mật được xây dựng tại những địa điểm chiến lược chẳng hạn dọc theo một trục giao thông chính hay một trục thủy lộ gây trở ngại rất nhiều cho việc chuyển quân của Cộng Sản.

Về quốc sách Ấp chiến lược, nữ ký giả Suzanne Labin đã ghi nhận: “Nông dân sống rải rác dọc theo các con kênh, được yêu cầu dời chuyển để qui tụ lại thành nhiều làng, tập trung theo kiểu Âu châu... Mỗi làng được rào vững chắc bằng hàng rào kẽm gai hoặc hàng rào tre vót nhọn đằng sau có tầng cường hệ thống hào rộng gài mìn để chặn đứng Việt Cộng mò vào ban đêm.” (5)

Chính sách Ấp chiến lược được thực hiện từ năm 1961 với sự cố vấn của Sir Robert Thompson, chuyên viên về chiến thuật phản nổi dậy người Anh cùng với hai người bạn là Desmond Palmer và Dennis Duncanson.

Nhận định tổng quát về chính sách Ấp chiến lược, tác giả Nguyễn Văn Châu khẳng định: “Quốc sách Ấp chiến lược sau hai năm đã thành công trong việc ngăn chặn làm cho VC không còn sống bám rút bòn nhân dân. Vấn đề an ninh làng ấp được vững vàng hơn, quân đội chính quy quốc gia trở thành lực lượng hành quân chủ lực gây cho du kích CS nhiều thất bại đáng kể, khiến cho các lực lượng du kích rơi vào thế bị động và mất thăng bằng sau khi đã mất hạ tầng cơ sở. Tinh thần quân đội quốc gia lên cao, dân chúng được bảo vệ an ninh và du kích Việt cộng càng ngày càng hồi chánh về đầu thú với chính quyền VNCH” (6).

Bà Suzanne Labin nhắc lại câu nói mang tính cách cô đọng về chính sách phân du kích của Tổng thống Ngô Đình Diệm rằng: "...để nghiền nát quân thù giữa CÁI BÚA của sức mạnh cơ động và HÒN ĐE của các áp chiến lược." (7)

Ngoài ra cũng phải kể đến nền kinh tế Miền Nam lên rất cao, dân chúng có cuộc sống sung túc, xã hội ổn cố, đạo đức được cổ xúy đề cao, tệ nạn xã hội biến mất dần. Thêm vào đó, cán bộ hoạt động trong ngành an ninh tình báo của quốc gia có lý tưởng, nhiệt tâm và kế hoạch nhờ đó tiêu diệt được hầu hết hạ tầng cơ sở của Việt Cộng. Các đợt tổ cộng, đặt CS ra ngoài vòng pháp luật với sắc luật 10/59 đã khiến CS miền Bắc âm ỉ phản đối.

Nhưng chỉ vài ngày sau cuộc đảo chính 1-11-1963 giết Tổng thống Ngô Đình Diệm và bào đệ Ngô Đình Nhu, Dương Văn Minh và nhóm tướng lãnh cầm quyền, những kẻ mà chính Tổng thống Hoa Kỳ Johnson đã gọi một cách khinh bỉ là "lũ côn đồ ác ôn đáng nguyện rửa (a goddamn bunch of thugs)", đã cho lệnh phá bỏ 16.000 ấp chiến lược, thả các cán bộ tình báo của CS, buông lỏng nông thôn cho VC mặc sức hoành hành, bỏ tổ chức nghĩa quân, dân vệ. Khi được tin ông Diệm bị lật đổ và bị giết, Hồ Chí Minh đã nói với ký giả thân Cộng Wilfred G. Burchett: "Tôi không ngờ tụi Mỹ ngu đến thế." (8). Sử gia Ellen J. cho biết: "Đài phát thanh Hà Nội đã trích dẫn báo Nhân Dân nói rằng do sự lật đổ N.Đ. Diệm và em ông là N.Đ. Nhu, tụi đế quốc Mỹ đã tự mình hủy diệt những cơ sở chính trị mà họ đã mất biết bao năm để xây dựng." (9)

1-2. Tranh chấp quyền bính ở Miền Bắc trong xã hội chuyên chính vô sản.

Năm 1956, tại Miền Bắc, quyền lực lẽ ra phải lọt vào tay Võ Nguyên Giáp thì lại chuyển về tay Lê Duẩn vốn là khuôn mặt rất bình thường, sau khi Trường Chinh vì thất bại trong Cải cách Ruộng đất đã mất chức Tổng Bí thư. Cả Hồ Chí Minh cũng như một số nhân vật lãnh đạo cao cấp chung quanh ông có thể rất ngại phải trao quyền lực cho Võ Nguyên Giáp vì với hào quang sáng chói của Điện Biên Phủ, Giáp sẽ trở thành người khó sai khiến. Từ năm 1956 đến 1960, Hồ Chí Minh là Chủ tịch đảng kiêm Tổng Bí thư. Đại Hội III vào tháng 09-1960 đã bầu Lê Duẩn vào thay chỗ Trường Chinh. Lê Đức Thọ với chức Trưởng ban Tổ chức Đảng là người trợ giúp đắc lực cho Lê Duẩn trong việc thu tóm quyền lực.

Với chủ trương "trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ", Đảng Lao Động VN đã thành công trong việc loại hết các chướng ngại vật trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc qua năm đợt Cải cách Ruộng đất, giết hại khoảng 172.008 người mà trong đó có 123.266 người bị chết oan (nghĩa là khoảng 71,66%). Một số văn nghệ sĩ trong

nhóm Nhân văn Giai phẩm như Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Văn Cao, Nguyễn Mạnh Tường v.v... chủ trương đòi tự do sáng tác cho văn nghệ đã bị thẳng tay đàn áp, đưa đi cải tạo ở nông thôn. Tôn giáo cũng bị cấm cản triệt để với việc tịch thu đất đai, các bất động sản, nơi thờ phượng của các tôn giáo.

Theo Tiến sĩ Liên Hằng T. Nguyễn, giáo sư khoa Sử trường đại học Kentucky: “Khi cuộc chiến thứ hai ở Đông Dương vừa bắt đầu, trong nội bộ Đảng nổi lên những phe chống đối nhau, có thể tạm chia thành hai phe đối lập nhưng không đồng nhất như sau: Phe thứ nhất gồm những người muốn tập trung xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và phe thứ hai gồm những người muốn tiến hành chiến tranh cách mạng ở miền Nam” (10). Với việc xuất hiện của Lê Duẩn trong vai trò Tổng Bí thư, các nỗ lực của phe chủ chiến nhằm vào việc thanh lý nội bộ, loại trừ các nhóm thuộc khuynh hướng chủ hòa. Một số các nhân vật miền Nam như Bùi Công Trừng, Ung Văn Khiêm hoặc bị coi là có tư tưởng thân Liên Xô như Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Trần Minh Việt, Đặng Kim Giang, Vũ Thư Hiên, Nguyễn Văn Doãn, Nguyễn Văn Vịnh v.v... đều đã bị bắt hoặc bỏ trốn sang Liên Xô.

Một chuyên gia nước ngoài như giáo sư Douglas Pike đã ghi nhận sự cạnh tranh và khác biệt trong tư tưởng quân sự giữa hai tướng Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Vịnh tức Nguyễn Chí Thanh. Trong một bài viết năm 1966, Võ Nguyên Giáp cho rằng cuộc xung đột ở Miền Nam là một cuộc chiến kéo dài và rằng chiến lược quân sự có thể mất nhiều năm để đạt thắng lợi. Tướng Giáp nói rằng ông không tin vào các trận đánh sử dụng đơn vị chính quy lớn vì điều này có lợi cho chiến lược của kẻ thù. Tướng Nguyễn Chí Thanh đã có phản ứng ngay lập tức. Trong một bài viết đăng trên tạp chí Học Tập, tướng Thanh cho rằng chiến lược tấn công ở miền Nam là con đường đúng đắn dẫn đến thắng lợi và nói thêm rằng lập luận của những người chỉ trích là không lô-gic. Lê Duẩn và Nguyễn Chí Thanh đã trở thành đồng minh gần gũi nhau là vì ngay từ đầu hai người cùng có quan điểm rằng con đường dẫn đến thắng lợi ở miền Nam phụ thuộc vào quân sự. (11). Nguyễn Chí Thanh được cử giữ chức vụ Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và được điều vào miền Nam làm Chỉ huy Trung ương cục Miền Nam. Theo lời của giáo sư Pierre Asselin của một đại học ở Honolulu, “bằng cách đề bạt và tạo điều kiện cho sự nghiệp của tướng Nguyễn Chí Thanh, ông Lê Duẩn thành công trong việc tạo nên một thần tượng mới trong quân đội.” (12)

Ngoài ra có một điểm quan trọng mà tác giả Liên Hằng T. Nguyễn không quên nhắc tới đó là: “Đến năm 1963, nhờ vào tình hình biến động ở Sài Gòn và Bắc Kinh, phe chủ chiến có cơ hội đẩy mạnh chiến tranh. Với mỗi rạn nứt ngày càng lớn trong thể giới Cộng sản, phe chủ chiến

nhân cơ hội đó tăng cường chiến tranh tại miền Nam đang ngày một nóng bỏng.” (13)

2- Các yếu tố tạo nên bước ngoặt trong vụ Tết Mậu Thân, các chiến thuật sử dụng trong chiến tranh.

Đưa một người có kinh nghiệm nhiều năm với Nam bộ và tương đối có thành tích ở tù lâu như Lê Duẩn lên làm TBT và Lê Duẩn đã tìm được một đồng minh mới trong quân đội là Nguyễn Chí Thanh, rõ ràng con đường đảng Lao Động Việt Nam lựa chọn chính là biện pháp lật đổ Miền Nam bằng quân sự.

2-1. Một phương án đã chọn và viện trợ quân sự của phe CS.

Giai đoạn những năm cuối cùng của chế độ Đệ nhất Cộng hòa, Miền Nam với sự hữu hiệu của hệ thống Ấp Chiến lược và các Khu Trù mật, an ninh nông thôn đã được bảo đảm, cuộc sống người dân no ấm, có tương lai rõ ràng cho nên các lực lượng Cộng sản không hoạt động kiến hiệu, nhất là các lực lượng du kích địa phương. An ninh của nông thôn Miền Nam chính là trở lực cản đường tiến Cộng quân và dĩ nhiên muốn tiến CS phải tìm cách vượt chướng ngại vật nghĩa là rẽ theo một hướng khác. May mắn cho Hà Nội khi chính Hoa Kỳ ra tay tháo gỡ khó khăn do chế độ của Cố TT Ngô Đình Diệm gây ra. Tháng 11-1963, sau cái chết của hai anh em ông Diệm và John F. Kennedy, Hà Nội có trước mắt hai giải pháp phải chọn lựa, đó là thương thuyết với chính quyền mới ở miền Nam và củng cố những thắng lợi vũ trang của quân nổi dậy ở nông thôn hoặc dốc toàn lực quân sự để giành chiến thắng cấp tốc trước khi Hoa Kỳ có thể can thiệp. Giáo sư Liên Hằng T. Nguyễn cho biết: “Trong phiên họp toàn thể lần thứ 9 của Ủy ban Trung ương bắt đầu ngày 22-11-1963, Hà Nội chọn phương án gia tăng chiến tranh. Nói cách khác, phe chủ chiến đạt được ủng hộ tuyệt đối năm 1963, điều mà họ từng mong muốn trong năm 1959: huy động cả miền Bắc tập trung vào cuộc chiến, gia tăng số lượng gửi quân và khí giới về hướng Nam của vĩ tuyến 17. Cũng trong phiên họp này đã xuất hiện những ý kiến chiến lược được coi là phôi thai cho cuộc tấn công TMT sau này. Áp dụng một số điểm trong học thuyết quân sự của Mao với những thay đổi cho phù hợp với nhu cầu của VN. Hà Nội tuyên bố rằng cuộc chiến ở miền Nam đòi hỏi một “Cuộc tổng tiến công và nổi dậy” mà không nhất thiết phải theo đúng ba bước mà chiến lược của Mao đề ra.” (14)

Don Oberdorfer trong tác phẩm “Tết, the turning point in the Vietnam War” cho biết chiến lược của Mao là: “Trong giai đoạn đầu, lực lượng cách mạng còn yếu nên phải rút về nông thôn để phát triển mạnh lên. Kẻ thù buộc phải phân tán mỏng lực lượng để truy kích thì cách mạng bắt đầu dùng du kích tiêu diệt để làm suy yếu địch. Cuối cùng là

giai đoạn Tổng Công kích cũng gọi là Tổng Phản công mà theo lý thuyết của Mao, giai đoạn này là một diễn tiến dài.” (15)

Trong tác phẩm “Việt Nam 1945-1995, chiến tranh, tị nạn, bài học lịch sử”, tập I, Giáo sư Lê Xuân Khoa viết rằng: “Từ năm 1965 đến cuối 1967, Quân đội Giải phóng Miền Nam (QĐGPVN) gồm cả bộ đội chủ lực từ miền Bắc đã không thể đương đầu với hỏa lực và tính di động của quân đội Mỹ và có nguy cơ thất bại nếu kéo dài tình trạng cầm cự bằng chiến tranh tiêu hao. Vì vậy Bộ Chính trị ở Hà Nội thấy cần phải sớm chấm dứt cuộc chiến bằng một trận đánh quyết định như trận Điện Biên Phủ năm 1954. Theo cựu đại tá Bùi Tín, “đến cuối năm 1967, quân đội Sài Gòn và quân đội Mỹ hoạt động mạnh, mở nhiều chiến dịch tiến công, quân Bắc Việt thường ở thế đối phó, giữ lực lượng, rút ra xa và mất nhiều khu vực đồng dân. Vì thế, năm 1968 họ cần một đợt hoạt động mạnh để giành lại thế chủ động, cải tiến thế trận.” (16)

Yếu tố thứ hai tạo nên chướng ngại vật lần này không phải là cơ cấu tổ chức của nông thôn Miền Nam nhưng là sức mạnh chiến tranh của Hoa Kỳ. Trong bài “Từ Xuân Kỷ Sửu 2009 nhìn về: Những điều chưa giải mã trong trận Mậu Thân 1968” (web Thông Luận, ngày 13-01-2009), bình luận gia Trần Bình Nam có nhắc đến việc cuối năm 1965 khi tướng Giáp đưa các sư đoàn thiện chiến của Bắc Việt thử lửa với sư đoàn kỵ binh không vận của Hoa Kỳ (một sư đoàn di chuyển hoàn toàn bằng trực thăng) và cuối cùng đánh không lại phải chạy thoát thân qua bên kia biên giới Campuchia, ông biết quân đội Bắc Việt không thể đánh trực diện với quân đội Hoa Kỳ. Theo ông Giáp cuộc chiến đấu để chiếm miền Nam chỉ có thể thực hiện bằng chiến tranh hao mòn cho đến khi Hoa Kỳ mệt mỏi. Nhưng bộ ba Lê Duẩn, Trường Chinh và Nguyễn Chí Thanh (đại tướng ngang cấp với Võ Nguyên Giáp) cho rằng cần đánh mạnh đánh mau và đánh một cách liêu lĩnh mới hy vọng chuyển đổi thế cờ. Tháng 01-1967, Tướng Nguyễn Chí Thanh đề xuất chiến dịch TCK-TKN để thay thế chiến tranh tiêu hao của Bộ trưởng Quốc Phòng Võ Nguyên Giáp và đề xuất này đã được Bộ Chính Trị chấp thuận.

Nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng 10 LX, Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Duy Trinh đã lên đường qua Moscow vào cuối tháng 10-1967 để dự lễ. Phái đoàn này trên đường đi đã ghé qua Bắc Kinh để xin quân viện. Bắc Kinh đã hứa gửi 300.000 lính phòng không và công binh, cung cấp hỏa tiễn 107 và 240 ly, các thứ quân dụng, lương khô, thuốc men. (17). Tại LX, phái đoàn được hứa cấp thêm đại bác 130 ly, chiến xa, T, phân lực cơ Mig 21 và các loại vũ khí nặng khác.

Việc xây dựng đường Trường Sơn do Binh đoàn Trường Sơn 559 cũng gọi là đường mòn Hồ Chí Minh nằm trong nỗ lực tăng viện người và vũ khí cho các chiến trường Miền Nam. Theo John Prados trong tác

phẩm “The Blood Road, The Ho Chi Minh Trail and the Vietnam War”, ngay từ năm 1964, Tướng Nguyễn Chí Thanh cũng đã vào miền Nam qua con đường này. (18)

Một biến cố quan trọng xảy ra có liên quan rất mật thiết với cuộc TCK-TKN đó là cái chết đột ngột của Tướng Nguyễn Chí Thanh. Trong tác phẩm “Tet, the turning point in the Vietnam War”, Don Oberdorfer đưa ra thuyết thứ nhất dẫn nhiều nguồn tin của các giới chức quân sự Hoa Kỳ cho rằng Nguyễn Chí Thanh bị thương nặng tại miền Nam, được chuyển qua Căm-pu-chia và đưa về Bắc bằng máy bay, điều trị tại bệnh viện 108 và chết. Thuyết thứ hai của Judy Stowe thuộc đài phát thanh BBC cho biết tướng Nguyễn Chí Thanh dự cuộc họp của Bộ Chính Trị tại Hà Nội, và ngày 6-7-1967, trong buổi tiệc sau đó, Tướng Thanh bị ngộ độc chết (có nguồn tin nói ông bị hãm hại). Tướng Thanh chết lúc 53 tuổi.

Trong tác phẩm “The Tet offensive, Intelligence failure in war”, James J. Wirtz cho rằng mặc dù có nhiều ý kiến bất đồng về nguyên nhân và thời điểm liên hệ đến cái chết của Tướng Nguyễn Chí Thanh, nhưng rõ ràng là ông chết vào nửa đầu năm 1967 (19). Trong chú thích số 1, trang 51 sách đó, James J. Wirtz cho biết: “Trong chiến tranh, các viên chức cộng sản cho rằng Tướng Thanh chết vì bệnh tim. Tướng Westmoreland nói rằng Tướng Thanh chết sau khi được chuyển ra Hà Nội vì các vết thương ở ngực do một trận oanh kích của B-52 trên đất Căm-pu-chia vào tháng Bảy 1967. Dave Richard Palmes đồng ý với Westmoreland về thời điểm và nguyên nhân cái chết của Tướng Thanh. Robert Shaplen viết rằng Thanh chết thời gian đầu năm 1967 do bị thương vì B-52 tại tỉnh Tây Ninh (có lẽ Shaplen không biết những trận oanh kích B-52 trên Căm-pu-chia khi ông viết sách của ông). Trái lại, Stanley Karnow cho rằng Thanh chết vì ung thư tại một bệnh viện ở Hà Nội trong mùa hè 1967.”

2-2. Một nghị quyết chính trị mang đầy tính lừa đảo.

Tháng 1 năm 1968, Đảng CSVN đã đưa ra một nghị quyết gọi là Nghị Quyết 14 nhằm vẽ ra trước mắt dân và quân miền Bắc một viễn tượng chiến thắng hết sức lạc quan như sau mà thực chất chỉ là một xảo thuật nhằm đánh lừa nhân dân miền Bắc. Nhà báo Phạm Trần đã vạch rõ tính lừa đảo trong bản nghị quyết đó và cho rằng đây là bằng chứng hùng hồn nhất của sự đánh lừa dân và quân miền Bắc.

Về mặt chính trị, Nghị quyết đã chủ quan khi viết rằng: “Quần chúng nhân dân ở các thành thị và những vùng còn tạm bị địch chiếm ở miền Nam đã nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa với những hình thức khác nhau. Hàng triệu quân chúng đang sục sôi cách mạng và sẵn sàng vùng lên, sẵn sàng hy sinh tất cả để giành cho được độc lập, tự do, hòa bình,

cơ áo, ruộng đất. Nhân dân lao động miền Nam, nhất là công nhân ở Sài Gòn–Chợ Lớn, đang vùng dậy mạnh mẽ, mở ra một khí thế mới đấu tranh quyết liệt chống Mỹ và tay sai trong các thành thị.”

“...Cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường chính và sự nổi dậy của nhân dân ở các thành thị lớn là hai mũi tiến công chính kết hợp chặt chẽ với nhau, trợ lực lẫn nhau và thúc đẩy toàn bộ cuộc TCK-TKN nghĩa khắp cả ba vùng thành thị, nông thôn đồng bằng và rừng núi. Đặc biệt, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang và sự nổi dậy của quần chúng nhân dân ở các thành thị lớn là mũi nhọn thọc vào yết hầu của địch, có tầm quan trọng quyết định đối với toàn bộ chiến trường và toàn cuộc chiến tranh... Vì vậy, tất cả những cuộc công kích và khởi nghĩa ở các vùng khác trên chiến trường miền Nam đều có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với các thành thị và trợ lực đầy đủ cho các cuộc CK-KN và khởi nghĩa ở các thành thị lớn.”

Nhận định về mặt quân sự, Nghị quyết đã láo khoét cho rằng: “Về mặt quân sự, địch còn trên một triệu quân và một tiềm lực chiến tranh lớn, nhưng đội quân đó đã liên tiếp thất bại về chiến lược và chiến thuật, quân số tuy đông nhưng tinh thần bạc nhược và bắt đầu suy sụp; về mặt chính trị, địch đang lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng, chúng tỏ ra không thể thống trị nhân dân miền Nam được nữa và nhân dân miền Nam cũng không chịu sống dưới ách thống trị của chúng nữa.”

Bản nghị quyết của Ủy ban Trung ương còn nói tiếp: “Trong những điều kiện như vậy, về phương pháp, ta chủ trương không chỉ phát động tổng công kích, mà còn đồng thời phát động tổng khởi nghĩa, tức là dùng lực lượng vũ trang mạnh của ta đánh vào các binh đoàn chủ lực của địch, đánh mạnh vào “đô thành” và các thành phố khác, tạo điều kiện cho hàng triệu quần chúng ở thành thị và các vùng nông thôn còn tạm bị chiếm nổi dậy khởi nghĩa, phối hợp với lực lượng vũ trang của ta để tiêu diệt và làm tan rã quân địch, đánh đổ các cơ quan đầu não của ngụy quyền, làm rối loạn và tê liệt đến tận gốc bộ máy chiến tranh của Mỹ và ngụy, biến hậu phương và dự trữ chiến lược của địch thành hậu phương và dự trữ chiến lược của ta, vừa liên tục tiến công tiêu diệt địch, vừa không ngừng phát triển lực lượng ta về chính trị và quân sự, làm thay đổi mau chóng lực lượng so sánh một cách có lợi cho ta, không có lợi cho địch và giành thắng lợi quyết định về ta.” (20)

2-3. Chính sách của Hoa Kỳ và Chiến thuật “đánh lạc hướng” của Việt Cộng thời gian trước Tết Mậu Thân.

Trong bài “Những điều chưa giải mã trong trận Mậu Thân”, tác giả Trần Bình Nam đã viết rằng: “Theo Henry Kissinger (Diplomacy: ch. 26: “Vietnam on the Road to Despair”, Easton Press, 1994, trang 660) trên

nguyên tắc có hai chiến lược để thắng một cuộc chiến tranh du kích: Thứ nhất, bảo đảm an ninh cho dân chúng, không cho địch tổ chức nhân dân bằng tuyên truyền và khủng bố để thành lập một chính quyền. Thứ hai, là tấn công vào hậu phương và đường tiếp vận của địch, trong trường hợp Việt Nam có nghĩa là mở rộng chiến tranh qua Lào, Cam Bốt và nếu cần đánh ra Bắc Việt.” (21)

Nhận định của Henry Kissinger chắc chắn học lại những bài học lịch sử mà các nhà lãnh đạo Đệ nhất Cộng hòa đã giảng dạy qua quốc sách Ấp Chiến lược và quan điểm chiến lược của Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu trong vấn đề trung lập hóa Lào, vấn đề đã gây tranh cãi dữ dội giữa Cố vấn Ngô Đình Nhu và Thứ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Averell Harriman đến nỗi trở thành mối cừu hận khiến nhà ngoại giao Hoa Kỳ này phải ra tay thanh toán hai đối thủ chính trị và khiến cả một chế độ của Miền Nam Việt Nam phải sụp đổ.

Nguyên tắc thứ nhất mà Kissinger đã đưa ra trong tác phẩm nói trên đã được chiến lược gia Ngô Đình Nhu đưa ra hơn ba mươi năm về trước, được thực hiện hữu hiệu với hệ thống 8000 Ấp Chiến lược đã thành hình cộng thêm 4000 Ấp nữa sẽ được thực hiện trong toàn quốc cần thiết để bảo vệ cả nước. Chính Suzanne Labin, trong tác phẩm “Vietnam, an eye-witness account” đã cụ thể hóa phần vụ của các thành phần cư dân trong cơ cấu tổ chức này: “Người dân làng được đoàn ngũ hóa theo tuổi tác, giới tính, và tùy theo khả năng mà được giao cho một phần vụ đặc biệt. Lực lượng tự vệ và thanh niên cộng hòa là những đơn vị chiến đấu; những dân làng khỏe mạnh khác thì tham gia công tác phòng vệ, thanh thiếu niên thì vót chông. Người có nhiệm vụ chiến đấu được cấp vũ khí cá nhân luôn mang bên mình ngay cả khi ở nhà. Nhiều làng mạc được trang bị thêm xe thiết giáp hoặc súng liên thanh. Máy truyền tin được cung cấp giúp cho các người bảo vệ ấp chiến lược có thể gọi ngay lực lượng chính quy đến một khi bị tấn công. Nhiệm vụ chính của làng là cầm chân kẻ thù, vô hiệu hóa chúng ngoài vành đai của ấp, cố ngăn chúng không lui mất vào rừng trong khi lực lượng chính quy kéo tới. Bấy giờ, Việt Cộng thấy quá khó khăn khi xâm nhập một vùng dân cư có phòng thủ và ngay cả rút lui cũng thấy nhiều trở ngại.” (22). Chế độ Cộng Sản Bắc Việt đã phải lòng lộn, hàm hét, kêu gào đến tuyệt vọng trước sự hữu hiệu của hệ thống Ấp chiến lược. Trong bài báo nhan đề “40 năm ngày đảo chính chế độ Ngô Đình Diệm: Cái nhìn từ Hà Nội”, tác giả Bùi Tín, cựu Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam, Phó chủ nhiệm tờ Nhân dân Chủ nhật của chế độ CS đã phải xác nhận ưu thế của quốc sách Ấp Chiến lược từng gây cho lực lượng xâm lăng của Cộng sản nhiều khó khăn và thất bại trước đây, đã thẳng thắn bày tỏ rằng: “Cùng với thời gian và sự tìm hiểu những tư liệu lịch sử, tôi thấy

cần phải trả lại lễ công bằng cho nhân vật lịch sử này... Tôi cho rằng ông Diệm là một nhân vật chính trị đặc sắc, có lòng yêu nước sâu sắc, có tính cương trực thanh liêm, nếp sống đằm bặc giản dị.” (23)

Nguyên tắc thứ hai trong ý kiến của Kissinger là mở rộng chiến tranh qua Lào, Căm Bốt và nếu cần đánh ra Bắc Việt chính là điều làm bùng nổ bất bình giữa Averell Harriman và ông Ngô Đình Nhu. Chính Tổng thống Ngô Đình Diệm, cố vấn Ngô Đình Nhu và Tổng thống Hoa Kỳ Eisenhower đã thấy rõ sự quan trọng của Lào nên đã chống lại việc trung lập hóa Lào. Chính cựu Tổng thống Eisenhower trước khi rời Bạch Cung đã khuyến cáo ông tổng thống trẻ tuổi Kennedy là mở rộng cuộc chiến tranh tại Lào để ngăn chặn sự xâm nhập của Cộng sản Bắc Việt nhưng Kennedy vì mới thất bại trong vụ Vịnh Con Heo (Cuba) đã không dám tiến hành một bước liều lĩnh khác. (24)

Trong tác phẩm mới xuất bản có tên “Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc”, tác giả Minh Võ đã viết: “Harriman là người thù ông Diệm vì vụ trung lập hóa Ai Lao. Ông Diệm, cũng như cựu Tổng thống Dwight Eisenhower, đều coi Ai Lao như cửa ngõ để CS Bắc Việt xâm nhập miền Nam Việt Nam. Ông cực lực chống việc trung lập hóa Ai Lao vì biết chắc chắn Bắc Việt sẽ không bao giờ tôn trọng hiệp ước đã ký. Chúng sẽ để quân lại, đem thêm quân vào như chúng đã vi phạm thỏa ước Genève 1954. Còn các nước Tây phương thì vì lương tâm, vì tính lương thiện sẽ không dám vi phạm, không dám đem quân vào đuổi Cộng quân Bắc Việt đi. Như vậy coi như thế giới đem do mất Ai Lao cho Cộng Sản” (25). Cứ tưởng tượng Lào quốc như là nút chặn cổ một cái phễu, chặn ở đó hay gây trở ngại ở đó thì chất lỏng không chảy xuống được. Sử dụng các lực lượng quốc gia ở Lào để tấn công phe cánh tả (đa số là quân Cộng Sản Bắc Việt trá hình) chính là làm nút chặn ở một cái phễu không cho ngọn trào xâm lược của Cộng Sản đổ xuống. Vị tổng thống sắp mãn nhiệm kỳ của Mỹ, Eisenhower đã khẳng định rằng Lào chính là chìa khóa của toàn vùng (the key to the entire area) bởi vì các nhà chiến lược quân sự Hoa Kỳ đã khẳng quyết rằng Bắc Việt hay Trung Quốc hoặc cả hai nếu tung ra một cuộc tấn công, họ sẽ chuyển quân từ Lào xuống theo thung lũng sông Mêkong, vào Thái Lan và có thể cả Miền Điện từ đó Nam Việt Nam sẽ là đấu trường thứ hai để các sư đoàn Bắc Việt thọc dao vào cổ họng Sài Gòn (26).

Tuy nhiên, nếu ông Tổng thống Kennedy của đảng Dân Chủ đã vụng về nghe theo Thứ Trưởng Ngoại Giao Averell Harriman trung lập hóa Ai Lao vì cứ tin vào sự hứa hẹn can thiệp của Liên Xô đối với Bắc Việt, thì sau khi chế độ TT Ngô Đình Diệm bị lật đổ và Cộng Sản mặc sức bành trướng ở nông thôn Miền Nam, cũng lại một vị tổng thống của đảng Dân Chủ, Johnson đã có những tuyên bố làm an lòng các nhà

lãnh đạo Bắc Việt. Tổng thống Johnson trong diễn văn đọc trước American Alumni Council ngày 12-7-1966 đã đoan hứa rằng: “Chúng ta không có ý tiêu diệt Bắc Việt. Chúng ta không có ý thay đổi chính quyền tại đó. Chúng ta không có định thiết lập căn cứ quân sự vĩnh viễn tại miền Nam. Chúng ta đưa quân đến Nam Việt Nam cốt để thuyết phục Bắc Việt nên chấm dứt xâm lăng các nước lân bang, và chúng tỏ cho Hà Nội biết rằng chiến tranh du kích là do nước này gây ra chống nước kia sẽ không thể có kết quả. Chúng ta cần Bắc Việt biết giá xâm lăng của họ sẽ rất cao để họ chọn lựa giữa thương thuyết hay đơn phương chấm dứt cuộc xâm lăng.” (27)

Năm 1966, chiến cuộc Việt Nam leo thang với sự hiện diện quân Đồng Minh lên 280.000 người và quân đội miền Nam tăng lên 750.000 kể luôn địa phương quân và cảnh sát. Trong khi bộ đội cộng sản tại Miền Nam cuối năm 1966 gồm 270.000 gồm 45.000 quân chính quy Bắc Việt (điều trần của McNamara trước Thượng nghị viện ngày 23-1-67). An ninh của nông thôn Miền Nam trở lại sáng sủa hơn cùng với ổn định chính trị được tái lập kể từ năm 1963. Nói chung tình hình dân chúng Hoa Kỳ (khoảng 61%) vẫn còn muốn chiến đấu mặc dù đã manh nha nhiều hoạt động của các nhóm phản chiến.

Để đánh lừa Hoa Kỳ, Bộ Chính trị CS cho tổ chức các trận đánh ở biên giới từ giữa đến cuối năm 1967 tại Khe Sanh, Cồn Tiên, Lộc Ninh và Dak To làm như đó là các mặt trận gọi là điểm mục đích để dụ quân Đồng Minh và QLVNCH rút bớt quân phòng thủ các đô thị đông dân ra các vùng gần biên giới và khu giới tuyến quân sự. Ngày 20-01-1968, Võ Nguyên Giáp đem các sư đoàn 325C, 304 và 308 vào mặt trận Khe Sanh, tăng quân số Bắc Việt nơi này lên từ 20,000 đến 30,000 quân. Khe Sanh là một vị trí chiến lược nằm cách giới tuyến sông Bến Hải 24 km, cách biên giới Lào 10 km, được thành lập từ năm 1962 do Lục lượng Đặc biệt Mỹ trú đóng. Quân số Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ đến thay thế quân số đồn trú lên đến 6.000 người gồm 2 Trung đoàn Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ và 1 Tiểu đoàn Biệt Động quân Việt Nam. Không lực Hoa Kỳ đã dội bom vào các vị trí đóng quân của CSBV trên 5000 lần với hơn 100,000 tấn bom trút xuống trong khoảng chừa đầy 5 dặm vuông. Chiến lược của Hà Nội là muốn đánh lừa đề Hoa Kỳ tưởng rằng Khe Sanh có thể trở thành một Điện Biên Phủ thứ hai, để họ dồn tất cả binh lực vào đó mà để trống các thành phố, các thị xã ven biển của các tỉnh miền Trung.

Trước hết về kế hoạch “đánh lạc hướng” hay “điệu hổ ly sơn” nghĩa là dụ cho Hoa Kỳ và QLVNCH dồn tất cả lực lượng về phía các mặt trận biên giới và giới tuyến để CS có thể dễ dàng đưa quân vào chiếm các thành phố, thị xã, nhưng Bộ Chính trị CSVN đã không thành

công với kế hoạch này vì lực lượng cơ động của Hoa Kỳ đã di chuyển linh hoạt và mau chóng với phương tiện vận chuyển rất dồi dào. Tại mặt trận Khe Sanh, Cộng quân đã gánh chịu những tổn thất nặng nề với lực lượng phi pháo của Hoa Kỳ, và đã thất bại trong cố gắng biến Khe Sanh thành một Điện Biên Phủ thứ hai.

Ngoài ra khoảng tháng 7-1967, Hà Nội tung hỏa mù trong giới ngoại giao bằng cách triệu tập tất cả các đại sứ của họ về nước, ra lệnh sau khi đáo nhiệm trở lại họ phải thông báo cho các nước sở tại biết Hà Nội đang muốn thương thuyết với Hoa Kỳ để chấm dứt chiến tranh. Điều kiện thương thuyết là Hoa Kỳ phải ngưng dội bom Bắc Việt. Hà Nội dùng ông Raymond Aubrac, một người Pháp đã từng giúp Hồ Chí Minh nhiều từ năm 1946, lúc này đang tiếp xúc với Kissinger để chuyển giao thông điệp của Hà Nội. Hồ Chí Minh, qua Raymond Aubrac, nhấn rằng Hà Nội sẵn sàng thương thuyết nếu Hoa Kỳ ngưng dội bom Bắc Việt, và Hoa Kỳ có thể tiếp xúc với Mai Văn Bộ, đại diện ngoại giao của Hà Nội tại Paris. Mắc mưu Hồ Chí Minh, ngày 29-9 Tổng thống Johnson tuyên bố tại Houston, Texas rằng không quân Hoa Kỳ sẽ ngưng dội bom Bắc Việt nếu việc này dẫn tới một cuộc thương thuyết hữu ích. (28)

Tài liệu của giáo sư Lê Xuân Khoa cho biết: “Tình báo quân sự Mỹ được tin tức về những vụ chuyển quân của cộng sản và dự đoán sẽ có những cuộc tấn công trước hay sau Tết nhưng không lường được rằng đây là trận đánh quyết định ở mức độ toàn diện. Ngày 10 tháng Giêng, Tướng Frederick C. Weyand, Tư lệnh Lực lượng Chiến trường vùng II, được sự chấp thuận của Tổng tư lệnh Westmoreland, bắt đầu chuyển quân chiến đấu về vòng đai Sài Gòn, tăng cường lực lượng bảo vệ thủ đô từ 14 lên 27 tiểu đoàn. Theo đề nghị của Tướng Westmoreland, Tổng thống Thiệu và Đại tướng Cao Văn Viên giảm thời gian hưu chiến ngày Tết từ 48 tiếng xuống 36 tiếng và duy trì 50 phần trăm quân đội trong tình trạng báo động.” (29)

2-4. Từ việc đổi lịch đến quyết định dời ngày tấn công TMT và bài thơ giết người.

Trong cuốn sách “Án tích Cộng sản Việt Nam”, Trần Gia Phụng đã dựa trên ý kiến của Don Oberdorfer mà nhắc đến việc thay đổi âm lịch ở Bắc Việt theo quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH), và ông cho rằng có liên hệ đến cuộc TCK-TKN vào dịp Tết Mậu Thân 1968.

Căn cứ trên Lời giới thiệu của Nha Khí tượng trong cuốn Lịch thế kỷ XX (1901-2000), Trần Gia Phụng cho biết “theo âm lịch mới của VNDCCH (Bắc Việt), năm Đinh Mão không có ngày 30 tháng Chạp, mà chỉ đến 29 tháng Chạp, nghĩa là tháng Chạp thiếu. So sánh với dương lịch, năm Đinh Mão của Bắc Việt từ ngày thứ Năm 9-2-1967 đến ngày

Chủ nhật 28-1-1968. Trong khi đó theo âm lịch cũ, cũng là lịch Việt Nam Cộng Hòa (VNCH, Nam Việt) đang sử dụng, trong năm Đinh Mão, tháng Chạp đủ 30 ngày. So sánh với dương lịch, năm Đinh Mão của Nam Việt từ ngày thứ Năm 9-2-1967 đến ngày thứ Hai 29-1-1968. Như thế, theo âm lịch mới của Bắc Việt, ngày mồng một Tết Mậu Thân là ngày thứ Hai 29-1-1968, còn ở Nam Việt là ngày thứ Ba 30-1-1968. Điều này có nghĩa là Bắc Việt ăn Tết trước Nam Việt một ngày.” (30)

Tác giả Trần Gia Phụng cho rằng: “Giờ tấn công định vào giờ Giao thừa ở trong Nam. Nếu đã định vào giờ Giao thừa, mà đọc thơ chúc Tết sáng 30 tháng chạp thì sẽ bị chú ý ngay, vì đây là một hiện tượng bất thường chưa hề xảy ra về trước. Phải đọc thơ chúc Tết đúng đêm giao thừa và được lập lại nhiều lần sáng mồng Một ở Hà Nội bình thường như mọi năm, mới tránh được sự nghi ngờ mọi phía. Vậy chỉ có biện pháp duy nhất là sửa lịch thế nào cho miền Bắc là mồng Một mà miền Nam vẫn là Ba mươi, tức là miền Bắc trước miền Nam 24 giờ. Như thế ông Hồ đọc thơ chúc Tết đêm Giao thừa và lập lại sáng mồng Một ở Bắc Việt (trước Giao thừa Nam Việt 24 giờ) cũng là truyền lệnh tấn công theo đúng ý đồ đã định của cộng sản, hầu có thể khởi sự tổng công kích vào đêm Giao thừa tức đêm Ba mươi ở Nam Việt (sau đêm Giao thừa Bắc Việt 24 giờ).” (31)

Thật ra việc sửa lịch để áp dụng cho một mục tiêu quân sự cũng không phải là điều khó hiểu hay chưa từng được nước nào thực hiện (tôi nghĩ rằng đã có trường hợp như vậy, tuy nhiên tôi vẫn chưa có cứ liệu riêng để chứng minh). Nhưng, như trong trường hợp quân Tây Sơn trong việc kéo ra Bắc đánh quân Thanh năm 1789, đã được lệnh chủ tướng Quang Trung ăn Tết Kỷ Dậu trước 5 ngày cũng nằm trong kế hoạch quân sự. Nhưng nếu lập luận như tác giả Trần Gia Phụng nêu ra ở trên thì phải nghĩ làm sao khi chính Võ Nguyên Giáp đã đưa ra sáng kiến hoãn lại một ngày lệnh tấn công TMT để trong khi có 5 tỉnh ở Miền Trung tấn công trước tức vào đêm ba mươi Tết thì các tỉnh khác lại khai hỏa vào tối mồng Một Tết, và sự kiện này đã phá mất tính bất ngờ toàn bộ của TCK-TKN. Nếu Tướng Võ Nguyên Giáp đã có thể dễ dàng thay đổi thời điểm tấn công như vậy thì việc sửa lịch rõ ràng đâu cần thiết và đâu có nằm trong kế hoạch tấn công bất ngờ của Bộ Chính trị ĐCSVN qua biển cố TMT?

Sau đây là bài thơ chúc Tết của Hồ Chí Minh đọc trên đài phát thanh Hà Nội trong Tết Mậu Thân 1968 như sau:

*“Xuân nay hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp mọi nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.”* (32)

3- Tết Mậu Thân, vấn đề tình báo, tương quan tổn thất và các mặt trận chính.

Cuộc TCK-TKN của CSBV diễn ra từ khi khai hỏa đến lúc kết thúc khoảng 25 ngày tại Huế và trong khoảng thời gian ngắn, vài ngày hoặc vài giờ tại một số trên 40 tỉnh và thị xã toàn Miền Nam. Hai địa điểm mà CS lựa chọn để tiến hành cuộc TCK-TKN tức là tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng là đô thành Sài Gòn và thành phố Huế, cho nên ở đây chúng tôi sẽ nói rõ hơn về hai mặt trận Sài Gòn và Huế mà đề cập rất khái quát các nơi khác.

3-1. Vấn đề tin tức tình báo trong biến cố TMT.

Theo giáo sư Lê Xuân Khoa, tình báo quân sự Mỹ được tin tức về những vụ chuyển quân của Cộng sản và dự đoán sẽ có những cuộc tấn công trước hay sau Tết nhưng không lường định được rằng đây là trận đánh quyết định ở mức toàn diện (33). Như vậy, người Mỹ không có đủ dữ kiện để khẳng định rằng các cuộc chuyển quân đó là để tấn công vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân.

Trong một cuốn sách viết về Võ Nguyên Giáp có tên “Victory at any cost, The genius of Vietnam’s Gen. Vo Nguyen Giap”, tác giả Cecil B. Currey cho rằng cơ quan MACV đã ước tính sai lầm khi dự đoán rằng cuộc hưu chiến Tết Mậu Thân là dịp để Cộng quân chuyển vận các vật dụng hậu cần vào miền Nam hơn là tung ra các cuộc tấn công. (34).

Trong bài báo trên Tạp chí Thế Kỷ 21 có tên “Tóm lược về Tết Mậu Thân 1968”, tác giả Trọng Đạt cho biết: “Thiếu tá Cảnh sát Liên Thành, cựu Phó ty cảnh sát Thừa Thiên 1968, cho biết trước Tết ta đã nhận được nhiều dấu hiệu cho thấy VC sẽ tấn công, tiểu đoàn đặc công K1 của VC đã đột nhập Huế, ông bèn trình lên Tỉnh trưởng rồi cả ông và Tỉnh trưởng cùng đến Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 trình bày Tướng Trưởng nhưng tin tức không được chú ý. Tại Quân khu 1, sáng mùng 1 Tết (30-1), Đại tá Nguyễn Duy Hình, Xử lý thường vụ Tham mưu trưởng Quân đoàn 1 đã nhắc điện thoại báo cáo Trung tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Vùng 1 khi VC pháo kích gần tư thất ông nhưng Tướng Lãm không tin, cắt ngang cuộc điện đàm. Ngoài ra Trung tướng Stone Tư lệnh Sư đoàn 4 BB Mỹ ở Cao Nguyên thu được tài liệu của VC nói về kế hoạch tấn công Pleiku, ông vội thông báo cho Trung tướng Vĩnh Lộc, Tư lệnh Vùng 2 nhưng ông này không tin và bỏ về Sài Gòn ăn Tết.” (35)

Trong tác phẩm “Vietnam at war, the history 1946-1975”, sử gia Philip B. Davidson cho biết rằng: “Trong một luận văn viết năm 1978, một đại tá của miền Nam, ông Hoàng Ngọc Lung từng phục vụ nhiều năm ở cơ quan J-2 JGS đã nói rằng: ‘Một tuần lễ trước khi xảy ra cuộc tổng tiến công, quân lực VNCH bắt ngờ đã có được một tài liệu tình báo

từ trước đến nay chưa hề có trong người một tù nhân cấp cao. Ông ta tên Nam Đông, chính ủy của đơn vị MR-6 (MR-6 là Chủ Lực Miền 6 gồm cả Sài Gòn và vùng phụ cận) bị bắt trong một cuộc phục kích khi ông ta trên đường trở về sau một cuộc họp của Trung ương Cục miền Nam. Sau một cuộc thẩm vấn căng thẳng kéo dài trong vài tuần lễ, Nam Đông đã tiết lộ rằng Bắc Việt đã nhanh chóng chuyển chiến lược của họ từ cuộc chiến tranh trường kỳ sang tổng tiến công–tổng nổi dậy...” (36).

Tiết lộ của Hoàng Ngọc Lung cũng có đôi chỗ làm cho sử gia Philip B. Davidson băn khoăn khi ông muốn hỏi rằng Nam Đông nói cho những kẻ bắt ông về kế hoạch tiến công vào dịp Tết trước hay sau khi xảy ra các trận đánh. Chúng ta cũng thấy rằng Nam Đông bị bắt một tuần lễ trước Tết và nếu cuộc thẩm vấn kéo dài đến vài tuần lễ thì khi ông này tiết lộ thì sự việc tấn công đã xảy ra cả tuần lễ rồi.

Một số những điều Philip B. Davidson nhắc đến ở trên là do Hoàng Ngọc Lung, cựu Trưởng phòng 2 Bộ Tổng Tham mưu viết trong luận văn Tổng tấn công 1968-69; ông cũng xác định tình báo quân đội VNCH có bản “Nghị quyết 13 của bộ chính trị cộng sản Việt Nam” và ngày 25-10-1967 có thêm một tài liệu khác (“Tài liệu hướng dẫn để hiểu rõ tình hình mới và công tác mới của ta”) thu được ở Tây Ninh. Phe đồng minh ngày 03-11-1967 thu được tại Dakto tài liệu của chiến trường B-3 nhằm tấn công vào cao nguyên, ngày 04-01-1968, quân báo Mỹ lại bắt được tài liệu “Lệnh hành quân số 1”: Tấn công Pleiku trước Tết. Giữa tháng Giêng 1968, một tài liệu khác của Trung đoàn 273, Sư đoàn 9 cộng sản thu được ở vùng III chiến thuật: Kế hoạch tấn công Phú Cường, Bình Dương v.v... (Trần Giao Thủy, Web Đàn Chim Việt, ngày 16-03-2008).

Một tác giả Hoa Kỳ, James J. Wirtz, đã viết cuốn “The Tet offensive, Intelligence failure in war” gần 300 trang để chứng minh rằng các cơ quan tình báo Việt Mỹ đã thất bại trong việc tiên đoán khả năng tấn công của VC trong Tết Mậu Thân. Ở đầu chương 6 (Reacting to the Tet Offensive), ông này viết rằng: “Mặc dù nhiều người Mỹ tính trước chuyện CS tấn công vào đêm 30-31 tháng Giêng, nhưng rõ ràng họ đã không nhìn thấy trước cường độ, khuôn khổ và bản chất của cuộc tiến công.” (37). Trong một đoạn khác, tác giả Wirtz cũng khẳng định rằng: “Lịch sử cũng chứng tỏ rằng các tổ chức tình báo Hoa Kỳ đã thất bại trong việc ước đoán một cách chính xác và đúng lúc ý đồ và khả năng của kẻ thù trước khi xảy ra cuộc chiến.” (38)

Trong cuốn hồi ký “Công và tội”, tác giả Nguyễn Trân cho biết: “Tháng 11-1967, Tướng Abrams báo cáo bắt được tài liệu gần Dakto nói đến một nỗ lực tấn công phối hợp trên toàn cõi miền Nam, trong lúc Sư đoàn Dù 101 bắt được một tài liệu nói về một tấn công quy mô giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến...” (39). Cũng ở đoạn dưới ông Nguyễn

Trần ghi thêm: “Ngày 28-01, An ninh Quân đội lục soát một nhà gần Qui Nhơn bắt được 11 VC với máy ghi âm. Chúng thú nhận sẽ đánh Qui Nhơn và các thị trấn khác trong ngày Tết. Các băng ghi âm thúc giục dân chúng nổi dậy và kêu gọi quân đội theo “lực lượng nhân dân chiến đấu cho hòa bình và chủ quyền quốc gia để hạ phát-xít Thiệu Kỳ” (40).

Trong cuốn sách “Gọng kim lịch sử”, ông Bùi Diễm, cựu Đại sứ VNCH tại Hoa Kỳ đã cho biết: “Cũng vào thời gian ấy, tin tức tình báo cho biết rằng Bắc Việt đang chuyển quân trên đường mòn Hồ Chí Minh. Phối kiểm những tin đó với những trận đánh ở Lộc Ninh và Dakto, các chuyên viên phân tích tình hình quân sự ở Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn tiên đoán rằng Bắc Việt đang sửa soạn một cuộc tấn công đại quy mô và đưa ra nhiều dự đoán về kế hoạch của địch. Tướng Westmoreland thì cho rằng địch sẽ tấn công với số quân tập trung ở miền phi quân sự ngay trên vĩ tuyến 17 và xâm nhập trên đường mòn Hồ Chí Minh và thung lũng Khe Sanh, địch quân sẽ tấn công miền Trung. Để đề phòng, ông cho tăng cường lực lượng Hoa Kỳ đặc biệt ở Khe Sanh bằng những đơn vị thiện chiến của thủy quân lục chiến. Song cấp hũu trách quân sự Hoa Kỳ và Việt Nam hầu như không để ý gì đến một số tài liệu tịch thu được sau một cuộc hành quân ở miền Trung. Những tài liệu này cho thấy địch quân sửa soạn một cuộc tấn công hoàn toàn khác hẳn những tiên liệu của phía Việt Mỹ, một cuộc tấn công đại quy mô vào tất cả những đô thị trên khắp lãnh thổ miền Nam, phối hợp với một cuộc tổng khởi nghĩa của dân chúng miền Nam. Chiến lược đó đã được trừ hoạch táo bạo và liều lĩnh đến mức độ khó tin. Nhưng mãi đến tết Mậu Thân, các nhà chức trách quân sự Việt Mỹ mới nhận là địch quân đã hành động đúng như các tài liệu bắt được cho thấy rõ.” (41)

3-2. Tương quan tổn thất tổng quát và mặt trận Sài Gòn.

Trong cuộc TCK-TKN, Hà Nội điều động khoảng 100 tiểu đoàn chia ra như sau: 35 tiểu đoàn và 18 đại đội tại Vùng I, 28 tiểu đoàn tại Vùng II, 15 tiểu đoàn tại Vùng III, 19 tiểu đoàn tại Vùng IV, tổng cộng 84,000 người hầu hết thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Cuộc tổng tấn công TMT xảy ra trên phạm vi 44 tỉnh và thành phố Miền Nam, ở đâu cũng có sự tổn thất của địch và của ta với sự ghi nhận tổng quát của Bộ Tổng Tham Mưu QCVNCH. Trong tháng 2-1968, VC bị giết 41,180 người, tháng 3-68 bị bắn hạ 17,192 người tổng cộng 58,372 người, bị bắt làm tù binh toàn bộ 9,461 người. Trong số 84,000 cán binh được đưa vào trận Tổng công kích chỉ còn 16,168 tên chạy thoát, chưa tới 20%, vũ khí bị ta và Đồng minh tịch thu là 17,439 khẩu súng đủ các loại. Phía VNCH có 4,950 người tử trận, 926 người bị mất tích, 15,097 người bị thương. Phía Đồng minh có 4,120 người tử trận, 19,265 người bị thương, 600 người mất tích, về vũ khí ta mất hơn 2,000

khẩu súng, 63 máy bay bị tiêu hủy, 154 chiếc bị hư hại nặng, 99 chiếc bị hư hại nhẹ. Đồng minh có 60 máy bay bị tiêu hủy, 60 chiếc bị hư hại nặng, 116 chiếc hư hại nhẹ. Thường dân chết trên toàn quốc có tới 14,300 người, bị thương 24 ngàn, tị nạn 627 ngàn người (42).

Tại Sài Gòn, mặt trận nổ ra từ 2 giờ sáng ngày mùng 2 Tết tức 31-1-1968 và chấm dứt đầu tháng 2 Âm lịch 28-2-1968 gồm hai giai đoạn:

- Giai đoạn một: Từ mùng 2 đến 9 Tết (31/1--7/2) đặc công đánh dinh Độc Lập, Tòa Đại sứ Mỹ, Đài phát thanh, Bộ TTM, Phi trường Tân Sơn Nhất, các lực lượng chủ lực không kết hợp được với đặc công.

- Giai đoạn hai: từ 7-2 đến 28-2 VC đưa các đơn vị chủ lực vào trận chiến, nhưng lúc này ta đã chuẩn bị kỹ càng đánh trả ác liệt.

Lực lượng VC chỉ độ một nửa so với VNCH và Đồng minh, hỏa lực thua kém, chúng không có vũ khí nặng như xe tăng đại bác, tuy nhiên VC được trang bị vũ khí cá nhân tối tân như AK, B-40. Địch có ưu thế chủ động tấn công, mặt trận Sài Gòn là trọng điểm. Phạm Hùng bí thư Trung Ương Cục miền Nam chỉ định Nguyễn Văn Linh tức Mười Cúc làm bí thư toàn vùng, Võ Văn Kiệt phó bí thư. Các đơn vị CS tham gia gồm Công trường 9 có 3 Trung đoàn, Công trường 7, 3 Trung đoàn, Công trường 5 có 2 Trung đoàn.

Tại Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, 19 tên đặc công bắn thủng tường tràn vào, bị các quân cảnh Mỹ phản công hạ sát hết. Tại dinh Độc lập, 18 tên đặc công dùng B-40 đánh sập cổng tràn vào sân bị Cảnh sát, an ninh bắn hạ. Tại Bộ TL Hải quân, 16 đặc công tiến sát vào hàng rào nhưng bị binh sĩ hải quân tràn ra bắn hạ 10 tên, bắt sống 2 tên, 4 tên chạy thoát. Tại Bộ TTM, 27 đặc công tấn công bị đẩy lui, chúng lẩn vào chùa Long Hoa và bị tiêu diệt hết. Một tiểu đoàn VC tấn công Bộ TTM, chiếm trường Sinh ngữ Quân đội, bị Dù đánh bật ra khỏi trận địa. Hai tiểu đoàn địch tấn công Trung tâm Huấn luyện Quang Trung nhưng bị quân phòng vệ nay lui, giết 40 tên bỏ xác tại trận.

Tại Gò Vấp, Trung đoàn Quyết thắng CS tấn công trại Phù Đổng (thiết giáp), trại Cổ Loa (pháo binh), quân ta chỉ có 40 người bị chiếm dễ dàng. Tại mặt trận phía Đông, VC tấn công Trường Bộ binh Thủ Đức, Hàng Xanh. Tại mặt trận phía tây, phi trường Tân Sơn Nhất, 2 tiểu đoàn VC tới Bà Quẹo đặt bộ chỉ huy tại hãng dệt Vinatexco tràn qua bãi đất trống đầu phi đạo nhưng bị một đại đội Dù, một số sĩ quan Không quân dùng hai chiến xa M-48 chặn địch lại. Tại phía Nam, hai tiểu đoàn VC tiến vào ngoại vi quận 7, quận 8, dân chúng bỏ chạy lánh nạn ở ạt (43).

Sau đây là nhận định của Giáo sư Lê Xuân Khoa: "Trận công kích Sài Gòn bị thất bại mau chóng vì giới lãnh đạo Bắc Việt quá chủ quan, tin tưởng quân giải phóng sẽ chiếm giữ hay phá hủy được những cơ sở trọng yếu về hành chính và quân sự của VNCH và Hoa Kỳ, nhất là

chiếm được Dinh Độc lập và tòa Đại sứ Mỹ để gây tiếng vang quốc tế, trong khi dân chúng thủ đô sẽ ồ ạt xuống đường biểu tình ủng hộ cuộc cách mạng giải phóng chống nguy quyền và đế quốc Mỹ. Tất cả những mục tiêu của cuộc tấn công đều không đạt được, trừ việc đốt phá một phần kho đạn ở Long Bình, cách Sài Gòn khoảng 20 dặm. Quân giải phóng không lọt được vào Dinh Độc lập, toán tấn công Tòa Đại sứ Mỹ thì bị tiêu diệt khi mới lọt vào sân trước. Trung đoàn 101 chiếm được kho dự trữ Gò Vấp, nhưng các chiến xa ở đây đã được chuyển đi nơi khác. Mười hai cỗ súng đại bác 105 ly để lại không sử dụng được vì bộ phận khai hỏa đã bị quân VNCH tháo ra đem đi mất. Những toán quân đã lọt vào thành phố không liên lạc được với nhau và bị tiêu diệt hay phải rút lui vào Chợ Lớn. Một trung đội C-10 chiếm được Đài phát thanh, có chuyên viên đem theo cuộn băng thâu sẵn của Bộ chỉ huy chiến dịch TCK-TKN nhưng không phát thanh được vì tuyến truyền thanh đã bị chuyên viên kỹ thuật của đài vô hiệu hóa bằng tín hiệu từ xa. Tại Chợ Lớn, quân giải phóng chiếm được trường đua ngựa Phú Thọ làm trung tâm chỉ huy các cuộc chiến đấu với các lực lượng phòng vệ thủ đô, nhưng đến ngày 7 tháng Ba cũng phải bỏ chạy.” (44)

3-3. Mặt trận Huế và các cuộc thâm sát.

Chỉ đạo mặt trận Huế là Khu ủy Trị Thiên với hai trung đoàn chủ lực E6 và E9, 4 tiểu đoàn bộ binh của hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên, 4 tiểu đoàn đặc công và các lực lượng pháo binh, công binh. Lực lượng này còn quá yếu nên Trung đoàn 9 được tăng cường. Gần ngày Tết, Trung ương lại tăng cường thêm Trung đoàn 2 của Sư đoàn 324, Trung đoàn 8 của Sư đoàn 325, rồi thêm Trung đoàn 3/325 và Trung đoàn 1/325. Sau khi chiếm được Huế, Bộ cho tăng cường thêm Trung đoàn 141. Như vậy Trung ương đã tăng cường cho Huế 5 Trung đoàn với quân số khoảng 7,500 quân. 45

Tư lệnh Quân khu Trị Thiên-Huế là Thiếu tướng Trần Văn Quang, Phụ tá kiêm Trưởng ban An ninh là Đại tá Lê Minh, Phó Bí thư Khu ủy trị Thiên Huế được cử làm Chính ủy là Lê Chưông.

3.3.1. Diễn tiến mặt trận sơ khởi và các tổ chức chính trị – hành chính – an ninh.

Mặt trận Bắc Huế: Đặc công phá cửa Chính Tây cho một tiểu đoàn chính qui CS vào thành nội đêm mùng một Tết. Cộng quân tấn công vào đồn Mang Cá nơi đóng bản doanh Bộ Tư lệnh Sư đoàn I, sân bay Tây Lộc, khu cột cờ Đại Nội, khu Gia Hội, khu chợ Đông Ba. VC gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của lực lượng trú phòng Đồn Mang Cá nên không làm gì được. Mặt trận Thành nội do Đại Tá Lê Trọng Mậu chỉ huy.

Mặt trận Quận Nhì (tả ngạn sông Hương) do Chính Ủy Hoàng Lanh chỉ huy. Mặt trận Nam Huế: Do Tướng Thân Trọng Một chỉ huy

thuộc hữu ngạn sông Hương, Nguyễn Vạn làm chính ủy. Đơn vị này tiến chậm vì bị phi cơ thám thính Mỹ phát hiện và bị pháo kích.

Trong thời gian đầu bị tấn công bất ngờ, QLVNCH vẫn giữ được Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I, cơ sở MACV, Tiểu khu Thừa Thiên, Đài phát thanh Huế, Trường Kiểu Mẫu và cầu tàu Hải quân.

* Về tổ chức chính trị, ngày mùng 3 Tết (tức 1-2-1968) Hà Nội cho công bố thành lập Liên minh Dân chủ Dân tộc Hòa bình tại Huế do Tiến sĩ Lê Văn Hảo làm Chủ tịch với Phó chủ tịch là bà Tuần Chi (tên thật là Đào Thị Xuân Yến, chị vợ của Nguyễn Cao Thăng), Hiệu trưởng trường Nữ Trung học Đồng Khánh và Hòa thượng Thích Đôn Hậu, đương kim Chánh đại diện Phật Giáo miền Vạn Hạnh. Tổng thư ký của Liên minh là Hoàng Phủ Ngọc Tường. Thành phần cốt cán trong đó gồm có: Nguyễn Đóa (cựu giám thị Trường Quốc Học), Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Phan Duy Nhân, Phạm Thị Xuân Quế, Tôn Thất Dương Tiềm, Tôn Thất Dương Kỳ, Tôn Thất Dương Hanh... Liên minh của Lê Văn Hảo là một bộ phận nằm trong Liên minh Dân chủ Dân tộc Hòa bình của Trịnh Đình Thảo.

* Về guồng máy hành chính, Khu ủy Trị Thiên–Huế cho thành lập Ủy ban Nhân dân Cách mạng và giao cho Lê Văn Hảo làm Chủ tịch, bà Tuần Chi (tức Đào Thị Xuân Yến) và Hoàng Phương Thảo, Thường vụ Thành ủy, làm Phó Chủ tịch. Mọi quyền hành ở trong tay Hoàng Phương Thảo, còn các người kia chỉ là bù nhìn.

Ủy ban Nhân dân trong Thành Nội gồm hai quận: Quận 1 do Nguyễn Hữu Vấn (giáo sư âm nhạc) làm Chủ tịch, quận 2 do Nguyễn Thiết (sinh viên đại học luật khoa) làm Chủ tịch. Tại phía hữu ngạn, VC chỉ lo lòng bất giết các cán bộ, công chức của chính quyền VNCH nên chưa kịp tổ chức Ủy ban Nhân dân.

* Về hệ thống an ninh, gồm các đại đội đặc công, võ trang tuyên truyền và các toán an ninh dưới sự điều động của Đại tá Lê Minh, Phụ tá Bộ Tư lệnh Quân khu kiêm Trưởng ban An ninh Quân khu. Chỉ huy các toán an ninh là Tổng Hoàng Nguyên và Nguyễn Đình Bảy (tức là Bảy Khiêm) mà địa bàn tổng quát được chia ra 4 Khu:

Khu 1 tức Thành Nội (quận I); Khu 2 là quận 2 thuộc tả ngạn sông Hương (từ cầu Gia Hội kéo lên hướng tây, qua cầu Bạch Hổ, xuống An Vân; Khu 3 tức quận 3 thuộc hữu ngạn sông Hương gồm luôn giáo xứ Phủ Cam thuộc quận hương Thủy; Khu 4 từ cầu Gia Hội đến Cồn Hến. Tổng Hoàng Nguyên phụ trách Khu 1 và Khu 2, Nguyễn Đình Bảy phụ trách Khu 3 và Nguyễn Đắc Xuân phụ trách Khu 4.

Sau đây là một số nét tổng quát về nỗ lực phản công của QLVNCH và Đồng Minh.

Ngày mùng 3 Tết, đã bắt đầu diễn ra cuộc phản công của QLVNCH và Đồng Minh. Ngày mùng 5 Tết, binh chủng Nhảy dù tái chiếm cửa An Hòa, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ đổ bộ Bến tàu Hải quân. VC sợ cánh quân Hoa Kỳ kéo từ hữu ngạn sang tả ngạn nên ngày mùng 9 Tết đã đánh sập cầu Trường Tiền. Quân đội VNCH và Hoa Kỳ phản công mãnh liệt. Ngày 14-2 tình hình Hữu ngạn được ổn định, bộ chỉ huy của Thân Trọng Một lần tránh tại vùng lũng Tụ Đức cho đến ngày 25-2. Ngày 12-2 lực lượng Việt Mỹ đổ bộ lên bến Bao Vinh, trên bờ sông đào dọc đường Huỳnh Thúc Kháng gần đồn Mang Cá, mở chiến dịch Sóng Thần. Ngày 18-2, TQLC Hoa Kỳ chiếm được cửa Đông Ba. Ngày 8 Tết, cộng quân thấy rõ thất bại nên tính chuyện rút lui. Ngày mùng 8 Tết (6-2), cộng sản bắt đầu di chuyển thương binh, chiến lợi phẩm ra khỏi Huế. Ngày 15-2, Hà Nội gửi công điện cho Cộng Sản tại Thừa Thiên nội dung “Phải giữ Thành Nội, không được rút ra ngoài để phục vụ nhiệm vụ chính trị chung cả nước.” (46)

Ngày 22-2, hai tiểu đoàn BĐQ của QLVNCH giải tỏa khá trẻ khu vực Gia Hội nên CS có cơ hội tàn sát đồng bào nhiều nhất tại nơi đây.

3-3.2. Các cuộc thảm sát và số nạn nhân tại Huế.

Trong cuốn “Công và tội” ông Nguyễn Trần cho biết: “Về phía dân chúng, có 5.800 người chết, trong đó có 2.800 người bị Việt Cộng giết và chôn tập thể: 790 thành viên các Hội đồng tỉnh, thị xã và xã bị gán tội “cường hào ác bá”, 1892 nhân viên hành chánh, 38 cảnh sát, hàng trăm thanh niên tuổi quân dịch, một linh mục Việt (Bửu Đồng), hai linh mục Pháp, một bác sĩ Đức và vợ, và một số người Phi Luật Tân.” (47)

Trong Encyclopedia of the Vietnam War, David Zabecki cho biết số nạn nhân tìm được trong các hố chôn tập thể là 2.810 người và hàng ngàn người bị mất tích.

Trong cuốn The Vietcong Massacre at Hue (Vintage, New York, 1976), một nhân chứng có mặt tại Huế trong biến cố Tết Mậu Thân, Bác sĩ Elje Vannema cho biết tài liệu kiểm kê được qua 22 mỏ chôn tập thể, số nạn nhân bị Cộng quân giết là 2.326 người, chia ra như sau:

Trường Gia Hội: 203 người; Chùa Theravada [Gia Hội]: 43; Bãi Dâu [Gia Hội]: 26; Cồn Hén (Gia Hội): 101; Tiểu Chung Viện: 6; Quận Tả Ngạn: 21; Phía đông Huế: 25; Lũng Tụ Đức và Đồn Khánh: 203; Cầu An Ninh: 20; Lũng Gia Long: 200; Chùa Từ Quang: 4; Đồn Di: 110; Vinh Thái: 135; Phù Lương: 22; Phú Xuân: 587; Thượng Hòa: 11; Thủy Thanh – Vinh Hưng: 70; Khe Đá Mài: 428.

Trong cuốn Vietcong Strategy of Terror, Giáo sư Douglas Pike cho biết qua vụ Tết Mậu Thân ở Huế, có khoảng 7.600 nạn nhân của CS, trong đó 1.946 người bị mất tích. Tạp chí Time ngày 31-10-1969 trong số nạn nhân bị giết tại Khe Đá Mài có 390 người là giáo dân Phú Cam.

Tư liệu của hai linh mục Nguyễn Hữu Giải và Phan Văn Lợi cho thấy hành vi bạo tàn, độc ác của VC đối với người dân vô tội lọt vào tay chúng cũng không thua gì bọn Phát xít Đức đối với người Do Thái trong Thế chiến II. Khi kiểm soát được Huế, Cộng quân đã áp dụng nhiều hình thức để giết người, trước hết đó là trả thù cá nhân vì những chuyện ân oán ngày trước và muốn giết là giết liền không cần chứng cứ hoặc tòa án. Đa số các nạn nhân bị đánh bằng cán cuốc, bị đâm bằng lưỡi lê, nhất là bị chôn sống, rất ít người hưởng ân huệ được bắn vì theo lời tên Hồ Ty tức Sơn Lâm bị ta bắt đã nói rằng: “Các anh phải biết rằng, chúng tôi không có đạn, đạn phải để dành để đánh nhau với các anh chứ đạn đâu mà bắn tù, lệnh trên bảo dùng phương tiện cuốc sừng, dao búa để thanh toán.” (48).

Có trường hợp nạn nhân bị tùng xẻo như Thiếu tá Từ Tôn Kháng, Tỉnh Đoàn trưởng Tỉnh đoàn Xây dựng Nông thôn Thừa Thiên, đảng viên Đại Việt Cách Mạng trốn trên mái nhà nên vợ con ông bị đe dọa nếu ông không ra trình diện thì vợ con sẽ bị bắn ngay. Thiếu Tá Kháng bèn ra hàng. Ông bị cột vào một chiếc cọc đóng giữa sân nhà và bị Cộng Sản dùng dao cắt tai, xẻo mũi cho đến khi nạn nhân chết. (49) Trường hợp khác là ông Trần Ngọc Lộ, Bí thư Đại Việt Cách Mạng quận bộ Phú Thứ, võ sư Thất Sơn Thần Quyền, bị bắt và bị giết cùng toàn gia đình vợ con tại một xã ở quận này. Có khoảng 300 đảng viên Đại Việt Cách Mạng bị bắt giết tại Huế cùng với vài chục đảng viên của VNQDĐ.

Cũng có trường hợp một vài cá nhân được ra trước cái gọi là tòa án nhân dân nhưng cũng chỉ là hình thức trước khi nhận bản án tử hình cũng là một cách gọi là có ra trước tòa án. Tất cả các nạn nhân trước khi bị giết đã bị CS lừa một lần nữa bằng cách tự lột tất cả tư trang của họ như vàng bạc, đồng hồ, nhẫn cưới, dây chuyền “gởi cho Cách Mạng giữ dùm” theo tư liệu của hai linh mục Nguyễn Hữu Giải và Phan Văn Lợi ghi lại theo lời kể của một nhân chứng đã thoát chết.

Những tên nằm vùng CS như Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, v.v... vốn là những cán bộ CS núp trong hàng ngũ Phật Giáo trong cuộc biến động miền Trung năm 1964 và 1966. Sau khi bị chính quyền VNCH lùng bắt năm 1966, bọn chúng bỏ trốn lên núi theo VC và nay chúng bám chân bọn cán binh BV trở lại thành phố Huế nên đã có trong tay một số danh sách những người chúng biết là nhân vật trong chính quyền, đảng phái quốc gia hay cán bộ XDNT. Bên cạnh đó còn có những tên CS nằm vùng làm đủ mọi thứ nghề nghiệp nhưng đa số là nghề lao động tay chân, đã có thì giờ mai phục, len lỏi khắp các phường khóm trong thành phố như trường hợp tên Bé vô học có nghề thợ nề được đưa lên làm chủ tịch khu phố Gia Hội, hay tên Linh, người Quảng Ngãi làm nghề thầy bói.

Thực hiện chính sách thù giết lẫn hơn bỏ sót mà tên VC Hồ Ty đã nói thẳng với Phó Ty Cảnh Sát Liên Thành ở Huế, Cộng quân bắt giết ba linh mục VN là cha Nguyễn Phúc Bửu Đồng, cha Hoàng Ngọc Bang, cha Lê Văn Hộ, ba linh mục người Pháp là Guy, Urbain, Cressonnier, giết 3 sư huynh Dòng Thánh Tâm Huế là Mai Thịnh (Mathilde, thầy dạy của tác giả bài này khi còn ở Đồng Hới, Quảng Bình năm 1953 đến khi vào Huế năm 1954), Héc-man và Bá Long thuộc tu viện Phường Đúc, và một số thầy đại chủng sinh như Nguyễn Văn Thứ (bạn tu cùng lớp Tiểu Chủng Viện Huế năm 1955 với người viết bài này), Phạm Văn Vụ và Nguyễn Lương, hai sư huynh dòng Lasan là Agribert và Sylvestre.

Ngoài ra VC còn giết một số các giáo sư đại học người Đức mà chúng nghi là CIA như ông bà Bác sĩ Hort Gunther Krainick, Bác sĩ Raimund Discher, và Bác sĩ Alois Alterkoster.

Trong tác phẩm "Tet, the turning point in the Vietnam War", Don Oberdorfer đã ghi lại câu trả lời của Tướng Võ Nguyên Giáp lúc còn là bộ trưởng quốc phòng năm 1969, khi được hỏi về biến cố Tết Mậu Thân: "Chúng tôi không dính gì tới chuyện đó. Chuyện đó do Mặt Trận [Dân Tộc Giải Phóng] thực hiện." (We had nothing to do with it. The [National Liberation] put it on). (50)

Giải thích về hành động giết người tập thể của VC tại Huế, nhà báo Bùi Tín, nguyên Đại tá quân đội cộng sản BV, nguyên Phó tổng biên tập báo Nhân Dân Chủ Nhật trước năm 1990, đã viết rằng: "Cho nên những vụ tàn sát có tính chất tập thể có thể đã xảy ra ở các tiểu đoàn đang hành quân rút lui. Giữa cảnh hỗn loạn khi có lệnh rút lui... một số đơn vị nảy ra hành động thủ tiêu tù binh để bảo đảm không lộ bí mật, không bị nguy hiểm, "nhẹ gánh", "khỏi vướng chân", "sẽ chết cả nút"... Cuối cùng cũng còn một số ít tù binh giải về căn cứ, được dùng để đào ham hổ, khuôn vắc... một số về sau được thả về." (51)

Nói như vậy thì nhà báo Bùi Tín giải thích như thế nào về các hố chôn tập thể xảy ra khắp trong thành phố Huế (tại Gia Hội) và phía nam Nam Giao khi chưa có lệnh rút lui?

Trong cuộc phỏng vấn dành cho bà Thụy Khê, Hoàng Phủ Ngọc Tường "lên án" vụ thảm sát Mậu Thân tại Huế: "Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc, và nhìn trên quan điểm chiến tranh cách mạng. Nhưng tôi tin rằng đây là một sai lầm có tính cục bộ từ phía những người lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế, chứ không phải chính sách toàn cục của Cách mạng. Bởi vì tình trạng giết chóc bừa bãi như vậy đã không xảy ra ở địa phương khác trong Mậu Thân, ngay cả trên một địa bàn rộng lớn với tình trạng xen kẽ giữa những lực lượng đối địch rất phức tạp như ở Sài Gòn thời ấy."

(52). Xin lấy một vài ý kiến của ông Trần Gia Phụng để vạch trần luận điệu giải thích chạy tội của Hoàng Phủ Ngọc Tường:

Một là: cuộc chiến tranh do cộng sản gây ra không phải là “chiến tranh cách mạng” nhưng là cuộc chiến ý thức hệ do tham vọng quyền lực và bành trướng của cộng sản BV. Hai là: cách đổ lỗi cho cấp dưới để chạy tội cho cấp trên là thói thường trong xã hội cộng sản không thể chấp nhận được. Ba là: không nơi nào cộng sản chiếm lâu như Huế để có thể xảy ra như Huế. Cộng sản đã giết biết bao tín hữu Cao Đài ở Quảng Ngãi, chôn sống nhóm Đệ tứ Quốc tế ở vùng Lòng Sông tỉnh Bình Thuận, giết Cao Đài, Hòa Hảo ở trong Nam, giết người vô tội mà có tài để trừ hậu hoạn (mà CS gọi là “giết tiềm lực”). (53)

Trong một bài viết có tên “Bi kịch Hoàng Phủ Ngọc Tường” biện hộ cho nhân vật này, Ngô Minh cho rằng vì quá nổi tiếng ông bị họa do bị ghét từ nhiều phía, nhất là dư luận cộng đồng người Việt hải ngoại. Ngô Minh viết rằng: “Từ gần 20 năm nay, một số cây bút ở hải ngoại không biết do thù oán, hay do ganh tỵ tiếng tăm với Hoàng Phủ khi anh đã nổi tiếng ở trong nước, đã viết bài đổ tội cho Hoàng Phủ Ngọc Tường, Hoàng Phủ Ngọc Phan, Lê Văn Hảo, Nguyễn Đắc Xuân với những lời lẽ vô cùng đao búa như gọi là “đồ tể giết 2000 người Huế trong dịp Tết Mậu Thân, “thủ phạm chính của cuộc tàn sát”, “các hung thần can dự tới bữa tiệc máu.” (54)

Năm 1968, ông Ngô Minh tuổi tác bao nhiêu chúng tôi không biết nhưng có một điều chắc chắn chúng tôi biết là ở hải ngoại chẳng có ai dư thì giờ để “ganh tỵ tiếng tăm” với Hoàng Phủ Ngọc Tường. Trình độ của Tường thì cũng “thường thường bậc trung”, viết lách cũng “tàm tạm” nếu không nói là rất thiên lệch trong chiều hướng “tán cộng”. Rất nhiều ông thầy dạy Tường còn sống tại Âu châu, Mỹ và chắc chắn họ không phải là những kẻ ganh tỵ với Tường. Nhân chứng vụ MT còn sống rất nhiều ở trong nước, tại Huế và hải ngoại, đã chứng kiến tận mắt việc làm của những người mà Ngô Minh muốn làm thầy cãi dùm.

Bí thư Thừa Thiên–Huế, Lê Minh đã thú nhận việc giết tù binh và tàn sát thường dân ở Huế là có thật và ông tuyên bố nhận trách nhiệm nhưng chống chế rằng cộng quân “đã ở trong một hoàn cảnh quá khó khăn, đến không thể nào kiểm soát nổi những hành động thô bạo”. Chẳng cần phải có hoàn cảnh thô bạo thì cộng sản mới hành động thô bạo. Bản chất sản sinh, hoàn cảnh nuôi dưỡng, chính sách hướng dẫn cộng sản đều mang tính chất thô bạo nên cộng sản luôn luôn hành động thô bạo! Theo Trần Gia Phụng, năm 1988 Lê Minh có xuất bản cuốn hồi ký nói nhiều về Mậu Thân, sách bị thu hồi, bản thân ông bị thất sủng, cô lập.

4- Tổng công kích–tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân, các quan điểm nhận định về thành bại.

4-1. Nhận định của các viên chức trong chính quyền Hoa Kỳ.

Đối với các giới chức hành chính và quân sự Hoa Kỳ lúc đó như Tổng thống Johnson, Cố vấn An ninh Quốc gia Walt Whitman Rostow, Đại sứ Hoa Kỳ tại VNCH là Bunker, Thống tướng Westmoreland chẳng hạn, các vị này đều cho rằng qua biến cố Tết Mậu Thân, CS đã thất bại trong việc đạt tới sự bất ngờ mang tính chiến lược trong dịp Tết (strategic surprise) bởi vì một cuộc tấn công lớn của CS đã được dự đoán là có khả năng xảy ra vào dịp nghỉ Tết nên Hoa Kỳ và QLVNCH đã dự phòng phần nào. Tuy nhiên họ cũng cho rằng cuộc tấn công của Tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã đạt được sự bất ngờ mang tính chiến thuật (tactical surprise). Đối với Tướng Westmoreland, thắng lợi của Quân đội Hoa Kỳ và QLVNCH trong cuộc TCK-TKN là một sự kiện hiển nhiên.

Ngoài ra chiến thuật dương đông kích tây của Võ Nguyên Giáp đã không thành công tại Khe Sanh, nghĩa là không dụ được Hoa Kỳ và QLVNCH dồn về các mặt trận Cao nguyên, biên giới hay ở giới tuyến mà bỏ trống các đô thị.

Việc Võ Nguyên Giáp bắt thàn hoãn cuộc tấn công lại 24 tiếng đồng hồ đã làm mất tính bất ngờ, vì có một số tỉnh từ Quảng Nam trở vào và Cao nguyên đã bị tấn công đêm giao thừa TMT nên các tỉnh khác đã kịp chuẩn bị kháng cự.

Thất bại quan trọng nhất mà CSBV gặp phải đó là sự thờ ơ nếu không nói là kinh hãi của nhân dân Miền Nam đối với chế độ CS qua biến cố Tết Mậu Thân. Điều này là lẽ đương nhiên bởi vì chính nhân dân miền Nam, nhất là tại thủ đô Sài Gòn, làm sao có thể nghe theo lời CS nổi dậy đi biểu tình chống lại chính quyền VNCH được? Rất nhiều nơi dân chúng đã bỏ nhà cửa, tài sản chạy đi khi Cộng quân kéo đến. Nhiều người dân tình nguyện chỉ nơi ẩn trốn hoặc nơi có VC để quân đội VNCH hành quân tiêu diệt. Rõ ràng Nghị quyết 14 của CSVN chỉ là bản văn lừa bịp và thực tế đã vạch trần bản chất bịp bợm đó.

Trong sách “The genius of Vietnam’s Gen. Vo Nguyen Giap”, sử gia Cecil B. Currey cho rằng: “Thất bại lớn nhất của cuộc tổng tấn công Tết không phải là của Giáp mà rõ hơn là của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. Giáp đã chống đối dự án ngay từ khởi đầu nhưng các luận cứ của Thanh và Lê Duẩn đã thuyết phục được Hồ Chí Minh rằng cuộc tiến công phải được thực hiện. Sự việc cho biết Cộng quân đã phải chịu nhiều tổn thất lớn lao. Dân chúng miền Bắc đã quá mệt mỏi vì các trận mưa bom của Mỹ. HK có thể sẽ phải quyết định xâm lược miền Bắc. Một trận đánh mang đầy kịch tính ở miền Nam bộc lộ khả năng yếu kém

của chính quyền ở đây và bó buộc HK phải rút lui. Giáp đã phải miễn cưỡng tuân theo mọi quyết định. Kết quả đó đã không làm cho ông ta ngạc nhiên khi lực lượng quân sự Hoa Kỳ đã chứng tỏ rất đối thích hợp và có khả năng ứng biến hơn là Thanh và Lê Duẩn tiên đoán.” (55)

Trong cuốn hồi ký “Cuộc chiến dang dở”, trang 260, Tướng Trần Văn Nhật cho biết: “Tướng Westmoreland vào cuối năm 1965, trong buổi tiếp tân và phỏng vấn tại nhà tôi, có nói “ông đã biết trước các âm mưu của CSBV sẽ tấn công VNCH vào dịp Tết Mậu Thân 1968, nhưng ông không thể “bật mí” vì có ý định nhử Cộng quân tập trung vào các thành phố để tiêu diệt dễ hơn là tìm đánh chúng trong rừng núi”. Theo ông nhờ chiến thuật này nên sau Tết Mậu Thân, toàn bộ các đơn vị của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đều bị loại khỏi vòng chiến”. (56)

4-2. Quan điểm của các nhân vật lãnh đạo Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam.

Trước hết, Tướng Trần Văn Trà đã thú nhận: “Các mục tiêu quân sự trong dịp Tết vượt qua sức mạnh của chúng ta. Tất cả đều nằm trong ước muốn chủ quan của những người vạch ra kế hoạch. Vì vậy sự tổn thất của chúng ta đã rất lớn lao về vũ khí cũng như nhân sự. Và chúng ta không thể lấy lại được những gì chúng ta đã tạo ra. Vì vậy, chúng ta đã phải vượt qua biết bao nhiêu khó khăn trở ngại trong các năm 1969, 1970.” (57). Theo nữ bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, một thành viên lãnh đạo của MTDTGPMN, “Hà Nội đã có tội khi đưa ra những tính toán sai lầm làm tiêu phí hết sức mạnh của miền Nam.” (58)

Sau đây là ý kiến của Trần Độ, một vị tướng chỉ huy mặt trận Sài Gòn bên cạnh Trần Văn Trà: “Thành thật mà nói chúng ta đã không hoàn thành được mục tiêu chính của chúng ta. Việc gây nên một ảnh hưởng lớn đối với Hoa Kỳ thật ra không phải là ý định của chúng ta nhưng điều đó đã trở nên một kết quả do may mắn mà tới.” (59)

Trong cuốn hồi ký “Ở chiến trường Long An”, ông Huỳnh Công Thân tức Tư Thân, (Tinh đội trưởng Tinh đội Long An năm 1968, được phong quân hàm Thiếu tướng năm 1980 khi đang làm Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Long An, được trao tặng danh hiệu “Anh hùng các lực lượng vũ trang” năm 1998), đã có viết: “Tình hình quần chúng ở Sài Gòn và sinh viên, học sinh như thế nào mà lúc đó lại có nhận định: hàng triệu quần chúng đang sục sôi khí thế cách mạng sẵn sàng hy sinh tất cả vì độc lập tự do! Khi chúng tôi vào Sài Gòn, thực tế tình hình không phải như thế. Quần chúng chán ghét chế độ Mỹ–ngụy bóp nghẹt dân sinh, dân chủ nhưng chưa đến mức “sục sôi” và chưa “sẵn sàng hy sinh tất cả” để có thể xuống đường đối đầu với súng đạn địch để lật đổ ngụy quyền trung ương Sài Gòn, thiết lập chính quyền cách mạng” (60).

Nhận định của tác giả này chứng minh sự thất bại trong cái gọi là “tổng khởi nghĩa” qua biến cố Tết Mậu Thân.

Một bộ trưởng của Mặt Trận Giải Phóng nói cuộc Tổng công kích đã mang lại nhiều hậu quả tai hại không ngờ cho Mặt trận và CSBV. Hoàng Văn Hoan, cựu bộ trưởng công an BV trốn sang Tàu năm 1979 nói CS đã bị tổn thất nặng nề trong Tết Mậu Thân. Sir R. Thompson, một chuyên viên về du kích chiến cho rằng Hà Nội muốn “nướng” hết lực lượng của Mặt trận Giải phóng để BV có cơ đưa quân vào. Tướng Weyand phân tích cuộc Tổng công kích nói: “Việt Cộng dẫn đầu cuộc tấn công và bị tiêu diệt để bảo đảm thống nhất do BV thống trị”. Ngoài ra một Thượng tá VC cũng có nói: “Nó cho nướng sạch VC để sau này Bắc Kỳ vào thay thế hết”. (61)

Trong cuộc phỏng vấn dành cho phóng viên Nguyễn Hùng của đài BBC ngày 15-1-2008, nhà báo Bùi Tín hiện sống ở Paris đã trả lời một số câu hỏi (xin trích vài đoạn như sau):

Hỏi: - Tết Mậu Thân, ý định chiến lược của cuộc tiến công là gì?

Trả lời: - Các cuộc tiến công đồng loạt, bất ngờ vào các thành phố, thị trấn, căn cứ, sở chỉ huy Mỹ và VN Cộng hòa nhằm tiêu diệt sinh lực đối phương, với mục đích cuối cùng là sự nổi dậy rộng khắp của dân chúng, là cuộc Tổng khởi nghĩa toàn miền Nam kết thúc cuộc chiến.

Hỏi: - Mục đích ấy có đạt không thưa ông?

Trả lời: - Rõ ràng là không. Hoàn toàn không có nổi dậy, không có khởi nghĩa. Đó chỉ là ảo tưởng chủ quan. (62)

4-3. Luận điểm của truyền thông và giới sử học Hoa Kỳ.

Đối với biến cố Tết Mậu Thân, một số báo chí Hoa Kỳ và cơ quan truyền thông đã có luận điểm ngược lại khi cho rằng đó là sự thất bại của Hoa Kỳ và Đồng Minh mà đại diện cho khuynh hướng phê phán này là Walter Conkrite. Ông này cho rằng mấy tháng trước đây chính quyền Hoa Kỳ đã nhiều lần cho dân chúng biết là Hoa Kỳ đang trên đà thắng lợi tại VN nhưng đột nhiên lại có biến cố Tết Mậu Thân với sự xuất hiện của VC trên khắp nhiều thành phố tại Miền Nam, đặc biệt là VC đã lên vào được Tòa đại sứ Hoa Kỳ ở thủ đô Sài Gòn, như vậy là rõ ràng Hoa Kỳ đang thất bại (63). Dư luận Hoa Kỳ sôi nổi khiến cho Tổng thống Johnson đã nhanh chóng hủy bỏ ý định ra tranh cử Tổng thống, chịu mở ngay hội đàm Paris, từ chối tăng quân cho tướng Westmoreland, rồi Nixon sau đó quyết định rút hết quân, Việt Nam hóa chiến tranh... Nhà báo Bùi Tín cũng cho rằng “không ngờ báo chí, truyền hình Mỹ nhìn chung ngây thơ đến vậy, nhất là không ngờ Quốc hội Mỹ “quyết tâm” bỏ cuộc sớm đến thế.” (64)

Thêm vào đó, Gareth Porter trong bài “The 1968 Hue massacre” đăng trên “Indochina Chronicle”, số 33 ngày 24-6-1974 đã dựa trên tài

liệu của đảng CSVN để bác bỏ các con số sự thật về nạn nhân bị VC giết và dùng lời tường thuật của Elje Vennema, bác sĩ giám đốc bệnh viện trị lao phổi của Canada ở Quảng Ngãi cho đến tháng 8 năm 1968 để bênh vực cho luận điểm của mình. Porter cũng cho rằng việc phát hiện các mồ chôn tập thể đều là thành tích của sĩ quan chiến tranh tâm lý nghĩa là bịa đặt, hay thổi phồng! Đây là tiếng nói lạc điệu giữa rất nhiều tác giả, nhà báo công tâm khác viết về cuộc thảm sát Tết Mậu Thân như Stewart Harris của tờ Times London (bài đăng ở trang 4, New York Times, 28-3-1968), Stanley Karnow (Vietnam: A History, trang 530-531), Don Oberdoefer (“Executions, Extrajudicial”) hay Jack Shulimson (US Marines in Vietnam: 1968, The Defining Year)... (65).

Dĩ nhiên cũng phải có người thấy rõ được thái độ xuyên tạc sự thật của Gareth Porter và đã công khai điếm lại sách của Porter, đó là Stephen J. Morris, một chuyên viên nghiên cứu tại Viện Chính sách Ngoại giao tại Trường Nghiên cứu Quốc tế, Đại học John Hopkins; ông này viết như sau:

“Một trong những khuyết điểm cơ bản của những khảo cứu của Porter là dùng những tài liệu lịch sử của đảng Cộng sản Việt Nam làm bằng chứng đáng tin để lý giải về dự tính, động cơ và hành động thực sự của ban lãnh đạo Đảng CSVN. Porter không hiểu rằng họ viết những nguồn tài liệu đó chỉ để biện minh cho sự kiện đã xảy ra chứ không phải là những phân tích nhận định lượng thiện. Lỗi viết này của Porter mang dấu ấn bắt đầu từ hơn 30 năm trước, và dính chặt với khuynh hướng cùng đồng cảm chính trị của ông (với đảng CSVN – TGT) (66)

Tuy nhiên, chín năm sau Tết Mậu Thân, một tác phẩm có tên “The Big Story: How the American Press and Television Reported and Interpreted the Crisis of Tết in Vietnam and Washington”, được xuất bản năm 1977, do tác giả là Peter Braestrup (1929-1997), phóng viên tại Sài Gòn và sau này là Giám đốc Truyền thông của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ. Sách này được tái bản năm 1983, 1986 và ấn bản sau cùng, 632 trang, do Presidio Press phát hành năm 1994 được đánh giá là “góp phần không nhỏ làm sáng tỏ trang lịch sử Mậu Thân, lấy dữ kiện thay cho ấn tượng, thay lời phỏng đoán bằng những phân tích không thiên vị. Cuốn sách là một nghiên cứu đồ sộ về vai trò của giới truyền thông trong sự kiện quân sự quan trọng của Việt” (67). Trong cuộc phỏng vấn dành cho Ted Gittinger, tác giả The Big Story nói về kinh nghiệm của ông khi là phóng viên chiến trường của tờ Washington Post tại Việt Nam. Trước khi sang Việt Nam, Braestrup nhận chỉ thị từ chủ nhiệm Benjamin Bradlee rằng: “Tôi chỉ muốn một phóng viên viết thẳng và anh viết những gì anh thấy.”

Theo Peter Braestrup, “một trong những “vấn đề” của giới truyền thông Mỹ tại Việt Nam khi Cộng sản mở cuộc tấn công Mậu Thân là nhân sự. Số ký giả tại chiến trường quá ít, nhân sự không được như cuộc tấn công mùa hè 1972; do đó thông tin, phân tích, nhận định không phong phú như tin tức chiến trường hè 1972. Về biến cố Mậu Thân, tạp chí Time là cơ sở truyền thông có cố gắng lớn nhất, thực hiện những phân tích dựa theo thông tin từ chiến trường khắp miền Nam Việt Nam. Cả tháng trời sau ngày Việt Cộng mở cuộc tổng tấn công, ký giả Hoa Kỳ vẫn không có đủ dữ liệu về kết quả thực sự của chiến trường để xác định “Tổng tiến công, tổng nổi dậy” là thất bại lớn của quân cộng sản Việt Nam về mặt quân sự. Trong thời gian đó, người duy nhất cho rằng Việt Cộng đã thất bại quân sự là Đại sứ Bunker; ngay cả tướng Westmoreland cũng chỉ xác định quân cộng sản thua lớn (như Đức thua ở trận Ardennes, năm 1944) trong một cuộc trả lời phỏng vấn với AP vào 22-2-1968. Cùng lúc, đa số ký giả Mỹ, dù không đủ thông tin, đã đưa tin và nhận định về tình hình chiến sự Mậu Thân rất bi quan và bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và đồng minh.”

Một “vấn đề” khác của truyền thông Mỹ tại Sài Gòn, theo Braestrup, là giới truyền hình. Braestrup cho rằng trong nhóm truyền hình Mỹ tại Việt Nam chỉ có vài người đáng được gọi là ký giả. Giới truyền hình Mỹ, nói chung, chỉ muốn làm “phim chiến tranh” với giọng thuyết minh đầy kịch tính. Cuộc chiến Việt Nam trên màn hình TV Mỹ là sản phẩm như của Hollywood. Đồng lương to, studio mới, ngoại hình bắt mắt quan trọng hơn là sự thực ở chiến trường.”

Giới truyền thông Mỹ thất bại trong trách nhiệm thông tin về cuộc “Tổng tiến công, Tổng nổi dậy” vì cách sử dụng thông tin đã có, do thiếu thông tin cần phải có lúc đó, và do không có thông tin nhưng vẫn làm như đã có, v.v...” (68)

4-4. Trường hợp của Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan.

Nói đến biến cố Tết Mậu Thân mà không nhắc tới Cố Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan là một thiếu sót lớn nếu không nói là đắc tội với ông.

Vài ngày trước khi biến cố này xảy ra ở Sài Gòn vào đêm mùng 1 Tết, ông Loan đã ra lệnh cho Tổng Nha CS và các Ty, các Chi cảnh sát đào giao thông hào, sắp bao cát chuẩn bị, như thể nghĩa là ông nắm vững tin tình báo CS sẽ tấn công vào dịp Tết. Khi vụ Mậu Thân xảy ra ở Sài Gòn, TT Nguyễn Văn Thiệu về Mỹ Tho ăn Tết, nên Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ đã điều động cuộc chiến phản công tại thủ đô.

Một tên VC mặc đồ dân sự tên Nguyễn Văn Lém tự Bảy Lốp tại mặt trận Chợ Lớn đã giết rất nhiều thường dân và cả gia đình Trung tá Nguyễn Tuấn gồm cả mẹ già 80 tuổi. Chỉ có một bé trai 10 tuy bị thương nặng nhưng được cứu sống. Nguyễn Văn Lém bị bắt gần một hồ chôn

tập thể 34 thường dân bị giết. Lém khai rằng y rất tự hào là tác giả hồ chôn tập thể đám người này, vì đã hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao phó. Lúc bị bắt, Lém mặc quần xà lỏn, áo sơ mi cụt cánh, hai tay bị trói chặt về phía sau hông, nhưng trong người vẫn còn đeo khẩu súng lục. Tướng Nguyễn Ngọc Loan đã được báo cáo về những hành động giết người dã man của Nguyễn Văn Lém và chính ông đã hành quyết Nguyễn Văn Lém ngay tại phạm trường.

Tất cả diễn tiến vụ tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn tên đặc công VC Nguyễn Văn Lém tức Bảy Lốp đều được ghi vào ống kính của Eddie Adams. Cũng có một người VN, ông Võ Sửu của đài NBC quay được cảnh đó, nhưng chỉ có bức hình của Adams là được các báo trên thế giới đăng tải. Adams kể lại lúc Tướng Loan bắn Bảy Lốp như sau: “Lúc đầu, tôi tưởng Lém được dẫn đến để Tướng Loan thẩm vấn. Khi ông rút súng chĩa vào Lém, tôi cũng vẫn còn tưởng là ông chỉ dọa thôi. Hóa ra ông bắn thật.”

Sau khi bắn Bảy Lốp, Tướng Loan nói với Eddie Adams: “Tên Việt Cộng này đã giết nhiều người Hoa Kỳ và người của tôi.” Tướng Loan cũng nói với các ký giả: “Những tên này đã giết vô số dân chúng và tôi nghĩ rằng Đức Phật sẽ tha thứ cho tôi.”

Nhóm phản chiến tại Hoa Kỳ đã tận lực khai thác bức ảnh để làm phương tiện đòi chấm dứt ngay tức khắc cuộc chiến tranh VN. Bức ảnh này đã đem lại cho Eddie Adams hai giải thưởng cao quý Pulitzer và World Press Photo chỉ một năm sau, 1969. Phong trào phản chiến tiếp tục nổ ra khắp nơi khiến chính quyền Hoa Kỳ tìm mọi cách rút ra khỏi VN khiến cho VNCH chết tức tưởi vào ngày 30-4-1975.

Sự kiện bi đát của Miền Nam đã làm cho Eddie Adams hối hận. Ông thuật lại: “Tôi mặc bộ đồ dạ hội sang trọng để lãnh giải thưởng về bức hình đó tại Đại hội Nhiếp ảnh ở Hòa Lan. Khi ban nhạc thổi bài quốc ca HK, tôi bật khóc. Không phải tôi khóc vì sung sướng, mà khóc cho Tướng Loan. Cho tới giờ phút đó, tôi vẫn chưa ý thức được việc tôi đã làm. Khi chụp tấm hình đó, tôi đã hủy hoại đời ông Tướng, vì ông bị dân chúng ở cả nước ông lẫn HK lên án về tội giết tù binh chiến tranh. Trong bất cứ cuộc chiến nào, người ta cũng vẫn thường làm như vậy, nhưng hiếm có nhiếp ảnh viên nào chụp được mà thôi.”

Sau này, Eddie Adams thường nói: “Tướng Loan là một vị anh hùng của chính nghĩa. Bức hình tôi chụp đã lừa dối công luận. Ông chiến đấu cho cuộc chiến của chúng ta, không phải cuộc chiến của họ. Vậy mà mọi điều nhục nhã lại đổ trên đầu con người này.”

Ngày 5-5-1968, Tướng Loan bị trọng thương cả hai chân trên cầu Phan Thanh Giản khi CS mở cuộc tổng công kích lần thứ hai. Ông được đưa qua Úc chữa trị nhưng công luận Úc phản đối nên lại được đưa

qua Hoa Kỳ tại bệnh viện Walter Reed Army Medical Center ở Washington D.C.

Năm 1975, khi Miền Nam mất, Tướng Loan đến Hoa Kỳ. Nữ dân biểu New York Elizabeth Holtzman yêu cầu trục xuất ông với sự đồng ý của Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ. Nhưng Tổng thống Jimmy Carter đã lên tiếng can thiệp và cho ông định cư tại Hoa Kỳ. Ông và gia đình lập nghiệp tại thành phố Springfield, VA mở tiệm Pizza. Eddie Adams đã tìm tới tiệm này gặp thăm Tướng Loan và nhắc lại tấm hình oan nghiệt năm xưa nhưng Tướng Loan an ủi Eddie Adams: “Ông làm nhiệm vụ của ông, tôi làm nhiệm vụ của tôi. Chỉ có thể thôi.”

Tướng Nguyễn Ngọc Loan chết ngày 14-7-1998 vì bị bệnh ung thư, thọ 68 tuổi để lại vợ, bà Mai Chính, 5 người con và 9 cháu nội ngoại. Nhận được tin này, Eddie Adams đã viết bản điều văn đầy nước mắt đăng trên tạp chí TIME số phát ngày ngày 27-7-1998: “Tôi đoạt giải Pulitzer trong năm 1969 nhờ tấm ảnh chụp một người bắn vào một người khác. Trong tấm ảnh đó có đến hai người chết: Người nhận lãnh viên đạn và Tướng Nguyễn Ngọc Loan. Ông Tướng đã giết tên Việt Cộng, nhưng tôi giết ông Tướng bằng cái máy ảnh của tôi. Những tấm ảnh vốn là những thứ vũ khí kinh khủng trên thế giới. Người ta tin tưởng vào chúng, nhưng những tấm ảnh đó cũng có thể nói láo, thậm chí không cần phải ngụy tạo. Chúng chỉ nói lên được có phần nửa của sự thật. Những gì mà tấm ảnh này chưa nói lên được là: “Người ta sẽ hành động ra sao nếu họ ở vào vị trí của ông Tướng, vào cái thời điểm và nơi chốn của một ngày nóng bức, khi người ta vừa bắt được một tên gọi là ác ôn mà trước đó hắn đã bắn chết một, hai hay ba người lính Mỹ?”

“Tướng Loan là một mẫu người có thể được gọi là chiến binh đúng nghĩa và được thuộc cấp kính trọng. Tôi không nói rằng những gì ông Tướng đã làm là đúng, nhưng người ta phải tự đặt mình vào vị trí của ông. Tấm ảnh không hề diễn tả được rằng ông Tướng đã tận tụy dành nhiều thì giờ đến các bệnh viện để thăm hỏi những nạn nhân chiến cuộc. Tấm ảnh này đã thực sự làm đảo lộn cuộc đời ông. Ông chẳng hề phiến trách gì tôi. Ông nói với tôi rằng: Nếu tôi không chụp tấm ảnh, thì sẽ có người khác làm việc đó, nhưng tôi vẫn cảm thấy bức rứt xốn xang về ông và gia đình ông trong một thời gian dài. Tôi vẫn thường liên lạc với ông, lần cuối cùng mà chúng tôi nói chuyện với nhau đã xảy ra hồi sáu tháng trước, vào lúc ông đã bị bệnh rất nặng.”

Trong một đoạn khác, Eddie Adams tỏ ra rất ân hận về bức ảnh: “Trong đời tôi, bức hình này đã gây ra bao nhiêu lời chỉ trích. Bức hình đã làm tôi đau đớn. Tôi đã bắt đầu nghe được điều này ngay khi bức hình được tung ra. Như quý vị đã biết: Nó đã gây nên những cuộc biểu tình vào năm 1968 và đã tạo ra sự giận dữ và phẫn nộ tại Hoa Kỳ.” (69).

Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan sinh ngày 11-2-1930 tại Huế, tốt nghiệp Khóa 1 Trường Võ Khoa Thủ Đức, thụ huấn phi công tại Hoa Kỳ năm 1953. Năm 1964 ông vinh thăng Đại Tá, giữ chức Tư Lệnh Phó Không Quân VNCH. Trong chiến dịch Mũi tên lửa (Flamming Dart), ngày 11-2-1965, ông dẫn đầu những phi đoàn Bắc phạt A1 Skyraider vượt qua vĩ tuyến 17 bắn phá miền Bắc VN. Sau đó ông làm Tổng Giám đốc CSQG kiêm Giám đốc Nha An ninh Quân đội, phụ trách Đặc ủy Trung ương Tình báo. Ông có biệt danh Sáu Lèo. Lực lượng CSQG dưới thời ông có những thay đổi mới về khả năng và tinh thần phục vụ.

Một bài viết mới đây của Liên Thành có tên “Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan” (70) dựa trên bài viết của Tiến sĩ Trần An Bài để minh xác lại việc làm của Tướng Loan trong việc xử tử tên VC Nguyễn Văn Lém tức Bảy Lốp và cung cấp cho độc giả nhiều mẫu chuyện anh hùng, ái quốc qua con người ông Loan. Trong tác phẩm “Biến Động Miền Trung, Những bí mật chưa tiết lộ giai đoạn 1966-1968-1972” (dày 463 trang, xuất bản năm 2008), tác giả Liên Thành đã dành trên 100 trang sách để nói về biến cố Tết Mậu Thân cùng các sự kiện lịch sử khác ở Thừa Thiên-Huế. Thiết tưởng bạn đọc nên tìm đọc cuốn sách này để biết sự kiện nóng hổi từ một chứng nhân lịch sử.

Phần kết.

Tại cuộc Hội thảo Thế giới tổ chức ở Hà Nội từ 18-06 đến 27-07-2007 do Viện đại học Princeton tổ chức, khi bị sinh viên Zachary Ruchman chất vấn về việc VC giết đồng bào tại Huế Tết Mậu Thân, Tiến Sĩ Nguyễn Đình Lê đã chối quanh và nói rằng “Cuộc thám sát này do Mỹ ngụy tạo rồi đổ lỗi cho Việt Cộng đã giết người...” (71).

Năm ngoái, trong bài báo đăng trên tờ báo Tết “Thanh Niên, Xuân Mậu Tý”, Phan Duy Nhân (tức Phan Chánh Dinh, bí danh Nguyễn Chính, học sinh cùng lớp Đệ Tam C Trường Trung học Phan Chu Trinh, Đà Nẵng năm 1959 với tôi và Trần Vinh Anh, Lam Hồ, Luân Hoán), cán bộ CS nằm vùng hoạt động qua các phong trào biến động miền Trung 1964, 1966, bị tù Côn đảo, nguyên quyền Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, nghỉ hưu tại Sài Gòn, người Huế, đã trơ tráo khi cho rằng: “Từ sự kiện Mậu Thân, chúng ta đã thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc thành công nhất, ngoạn mục nhất.” (72)

Vụ thám sát Tết Mậu Thân trong đó già có, trẻ có, dân thường có, quân cán chính có, linh mục có, tu sĩ có, kể cả các giáo sư đại học người ngoại quốc phải chăng là phản ảnh chính sách đại đoàn kết dân tộc của cộng sản? Sự kiện Mậu Thân thành công nhất phải chăng là chính sách lừa bịp của CS được thực hiện rất nhiều lần đối với các nạn nhân của chúng: dân Huế được kêu tới phường, khóm kê khai tên tuổi

rồi cho về, ít ngày sau kêu lại và giữ luôn đưa đi thủ tiêu; trước khi đưa dân vô tội đi giết, cán bộ cộng sản còn đánh lừa một lần chót: “Chúng ta sắp đến trại học tập rồi. Vậy trong anh em ai có một là vàng, hai là tiền, ba là đồng hồ, bốn là bật lửa thì nộp lại để Cách mạng giữ cho, học xong ba ngày sẽ trả. Kéo vào trại, ăn cắp lẫn nhau rồi lại đổ lỗi cho Cách mạng, nói xấu cán bộ” (73). Sự kiện Mậu Thân được kể là ngoạn mục nhất, theo Phan Duy Nhân, phải chăng chính là hình ảnh hàng loạt người dân Huế đói khát, bơ phờ bị trói giật hai cánh tay đằng sau, xâu lại từng xâu bằng dây kẽm gai, rướn mình đi dưới mưa bụi và tiếng hò hét của cán binh cộng sản về một bia rừng, con suối ở Khe Đá Mài hay trên động cát ở Vinh Thái, trước những chiếc hố dài do họ tự đào lấy được phình là để làm chỗ núp bom đạn và dẫn nước cho dân cây cày để rồi nhận lấy những cán cuốc bỏ vào đầu, bị đâm chém bằng dao búa, hoặc bị chôn sống âm thầm mà tức tưởi khôn nguôi ?

Nhân nói về vụ Mậu Thân (1968) thiết tưởng cũng cần ghi lại ở đây những việc đồng bào Huế nhất là các chiến sĩ Xây dựng Nông thôn Thừa Thiên đã làm trong công tác truy tầm, khai quật, cải táng hàng nghìn bộ hài cốt nạn nhân Tết Mậu Thân để nói lên lòng biết ơn của chúng ta, một sự việc ít thấy ai nhắc nhở đến.

“Nước sông Hương chứng tích hờn căm, Gạch thành Huế dấu xưa phần nợ”. Đây là hai câu thơ mà anh Nguyễn Đức Viên (1920-2005), Bí thư Thành Ủy VNQĐĐ Huế một cán bộ lãnh đạo cao cấp của Việt Nam Quốc Dân Đảng (người đã từng bị Việt Minh bắt giam tại Trại Đưng, Hà Tĩnh, 1947-1954, bị chế độ Ngô Đình Diệm cầm tù từ 1957-1963 và sau 30-4-1975 bị CS tập trung cải tạo từ 1975-1988), người anh em kết nghĩa với tôi, đã đọc cho tôi nghe trong trại tù Nam Hà (Hà Nam Ninh) cùng kể lại những lần anh tổ chức tưởng niệm nạn nhân vụ Tết MT tại Huế trước năm 1975 với niềm cảm xúc lắng đọng. Đây là hai câu thơ được viết bằng chữ thật lớn sơn đen trên nền trắng dọc theo kỳ đài trước cửa Ngọ Môn nói về tội ác của CSBV trong biến cố bạo tàn này.

Trong Tết Mậu Thân, cán bộ VNQĐĐ bị CS giết có Giáo sư Phạm Đức Phác, ông Lê Ngọc Kỳ và tài liệu VC có ghi bắt được 50 đảng viên VQ, nhưng riêng Đại Việt Cách Mạng Đảng đã chịu nhiều thiệt hại về nhân sự (khoảng 300 đảng viên) như việc ông Từ Tôn Kháng, Tỉnh Đoàn trưởng XDNT Thừa Thiên bị VC sát hại chung với nhiều đồng bào trong các hố chôn tập thể, và các ông Trần Ngọc Lộ, cũng là một cán bộ của ĐVCM cùng vợ con bị VC thẳng tay giết chết tại xã Phú Lưu, hoặc Nguyễn Thiết bị đánh bằng bọng cuốc, hoặc như sinh viên Trần Mậu Tý (ĐVCM) bị nhóm Nguyễn Đắc Xuân trả thù hành hạ cho đến chết. Ngoài ra còn có các ông Hồ Đắc Cam, nhân viên nhà đèn, Kim Phát, anh Liên, sĩ quan cảnh sát, Võ Văn Tựu, Phó thẩm sát viên cảnh sát, cụ Trần

Điền, cựu tỉnh trưởng Quảng Trị, Thượng nghị sĩ VNCH, thân hữu của nhiều cán bộ cao cấp Đại Việt... cũng bị VC giết.

Việc ông Từ Tôn Kháng bị VC giết có nhiều tư liệu nói khác nhau như chúng tôi có đề cập ở phần trên. Sau khi ông Từ Tôn Kháng bị bắt, có dư luận cho rằng VC đã thiết lập một tòa án để xử ông vì không chịu ra trình diện, sau 5, 6 ngày trốn trên gác thượng (mà dân Miền Trung thường gọi là “cái tra”), nhưng dân chúng tham dự phiên tòa đều nhất loạt xin tha cho ông. Dĩ nhiên bọn VC đời nào chịu. Theo lời bà Nguyễn, vợ của ông Kháng kể lại thì trước đó ngày nào bọn du kích nằm vùng cũng tới lục soát trong nhà để tìm ông nhưng không tìm được. Có lúc bọn đó dọa bắt mấy đứa con gái của ông hãy còn nhỏ, lúc khác bọn chúng lại dọa đốt nhà, vì nhà của ông bà Từ Tôn Kháng là một cơ ngơi rộng rãi gồm ba, bốn nhà ngói ở chung trong một khu vườn lớn của tổ tiên để lại. Bị đe dọa riết, cuối cùng bà Nguyễn phải chỉ nơi ông Kháng trốn nên VC bắt ông dẫn đi, đi đâu thì chính bà Nguyễn cũng không biết. Sau này, anh em cán bộ XDNT tìm được chỗ VC giết ông Kháng là một cái hồ nông. Ông Kháng là người to con, bị trói tay chân ngồi sụp xuống hồ và VC chôn sống ông có lẽ cũng không sâu lắm. Trong người ông còn để lại giấy tờ tùy thân như thẻ căn cước bọc nhựa, Chứng minh thư Tỉnh Đoàn trưởng XDNT, bằng lái xe v.v...

Sau khi ông Từ Tôn Kháng chết, ông Nguyễn Ngọc Cự (cán bộ ĐVCM) vốn là Trưởng phòng 3 Tỉnh đoàn được đưa lên làm Tỉnh đoàn trưởng, cùng một số nhân viên như Mai Đức Th., Lê Hữu B., Phạm Văn Nghi, Lê Quang T., Lê Châu Nghĩa, Nguyễn Ngọc Di, Hoàng Xuân Khiết, Hồ Đức Hiệt, Phan V., Phan Xuân Hiếu v.v... là những người từng đóng góp nhiều công sức, cùng với các tổ chức khác, trong việc truy tầm các mồ chôn tập thể và tổ chức cải táng các nạn nhân trong vụ Tết Mậu Thân. Nhiệm vụ của cán bộ XDNT lúc bấy giờ ngoài việc hỗ trợ cho Quân đội VNCH và Đồng Minh tái chiếm lại Thành phố Huế còn là giúp dân chúng ổn định cuộc sống, làm các công tác dân vận như an ninh thôn ấp, sửa trường học, đào giếng, giúp dân sửa nhà cửa, thăm hỏi các gia đình nạn nhân CS, thống kê lại danh sách dân chúng trong thôn ấp, phường khóm xem ai còn, ai mất.

Ngày 9-4-1968, quân đội và cán bộ Xây dựng Nông thôn Thừa Thiên đã khám phá ra nhiều mồ chôn tập thể tại Lang Xá Cồn, cách An Cựu chừng 5 cây số thuộc quận Hương Thủy. Một người con nuôi trong gia đình nghị sĩ Trần Điền đã đi theo đoàn người đi tìm thân nhân, đến tại Lang Xá Cồn và nhận ra xác của nghị sĩ trong một mồ chôn tập thể. Ông bị chôn chung với một số người khác, áo quần còn nguyên vẹn, mặt ông nằm úp xuống, dính với lớp đất sét ướt. Vì là mùa đông, mưa lạnh, nên xác của nạn nhân vẫn còn nguyên vẹn, chưa bị thối rữa (74).

Vào khoảng tháng 3-1969, ông Phan Xuân Hiếu, Trung đội trưởng Nghĩa quân TTH/100 (sau làm Xã Trưởng xã Phú Xuân cho đến ngày mất nước) trong một cuộc hành quân phối hợp với quân đội Hoa Kỳ, khi qua vùng Núi Cát đã phát hiện một chiếc nạng gỗ lòi ra trên mặt đất nên toàn trung đội đã dừng lại và cùng với lực lượng Đồng Minh đào bới chỗ đó vốn thuộc phạm vi làng Đông Sơn, xã Phú Xuân, quận Phú Thứ, phát hiện được bảy hầm, mỗi hầm có khoảng 7, 8 xác người bị chôn sống, đầu bị đập vỡ sọ, tay chân bị trói, và hai giao thông hào gồm khoảng 50 xác chết cũng với tình trạng như trên. Đến đây tưởng cũng nên nhắc lại là trong vụ Tết MT, VC chiếm xã Phú Xuân, tập trung dân chúng trong xã lại tại nhà ông Phan Xuân Hiếu vì đây là một căn nhà ngói ở vùng quê có vườn rộng rãi. Trong số dân xã bị bắt có ông Lê Chinh (làng An Hạ, xã Phú Xuân) là Ấp trưởng, ông Phan Duy (làng An Hạ) và Lê Khâm (làng Xuân Hổ) là hai ấp phó an ninh, một người nữa là Phan Huệ, thường dân. Cũng may là ông Hiếu lúc bấy giờ đang dẫn đầu trung đội hành quân tại một địa điểm khác nên không bị VC bắt.

Sau mấy ngày giam giữ dân làng trong khu nhà đó, VC nói là đưa lên “xanh” (tức là vào trong núi) để đi học tập vài ngày rồi sẽ cho về lại yên tâm làm ăn. Trước khi dẫn đi, VC cho trói tất cả dân làng lại với nhau cứ chục người một toán bằng dây kẽm gai hoặc dây điện thoại, và cho tịch thu tất cả mọi giấy tờ tùy thân của những người bị bắt, nói là chuẩn bị để lòi qua sông sợ giấy tờ của đồng bào bị ướt. Ai cũng nghĩ rằng VC đang tính quỷ kế gì đây vì dân làng ở đây đã lâu năm đều biết rõ xung quanh đây làm gì có sông! Chỉ toàn là bãi cát, đồi đất mà thôi! Khi bị giải đi, các ông Lê Chinh, Phan Duy, Lê Khâm, Phan Huệ đã tìm cách cởi trói và thoát được vì biết đường đi tại địa phương. Số còn lại không dám mạo hiểm nên phải lãnh những cái chết rất thương tâm.

Sau khi Trung đội trưởng Phan Xuân Hiếu báo tin tìm được hầm chôn người, các ông Chinh, Duy, Khâm, Huệ đã là những người chỉ đường để lực lượng XDNT, Nhân dân Tự vệ trong xã Phú Xuân tiếp tục tìm được thêm các hầm khác cách xa xã Phú Xuân hơn một cây số. Ông Phan Xuân Hiếu liền báo cáo cho Chi khu Phú Thứ và Chi khu báo về Tiểu Khu. Ông Nguyễn Ngọc Cứ lập tức điều động anh em về Phú Thứ lo đào bới các vùng nghi ngờ có giấu chôn người, các toán khác lo nhận dạng hoặc liên lạc với thân nhân để thông báo tin tức. Ông Mai Đức Th., Trưởng phòng 5 Tỉnh đoàn tiếp nhận tin tức, viết bài tường thuật đưa lên Đài phát thanh, Truyền hình Huế để dân chúng theo dõi biết tin tức thân nhân bị bắt và thăm sát trong vụ Tết Mậu Thân. Cả một thành phố đau thương, tức tưởi với hàng chục ngàn người chạy đôn chạy đáo từ chỗ nọ sang chỗ kia dò hỏi tin tức. Sau đó các thi hài nạn nhân được đưa về tập trung tại trường trung học La San Phú Thứ, số

được thân nhân nhận diện sẽ theo họ về cải táng tại quê nhà, những ai được ghi nhận là Phật giáo hay Công giáo được để riêng ra hai bên. Sau đó anh em cán bộ XDNT đã đặt riêng từng thi hài cuộn lại trong vải nylon màu đen để trên từng chiếc võng và cứ hai người khiêng một võng đi bộ hàng chục cây số cùng với thân nhân và chính quyền, đoàn thể, đảng phái, tôn giáo tỉnh Thừa Thiên lên chôn ở núi Ba Tầng, Ba Đồn phía sau núi Ngự Bình. Tang tóc thực sự một lần nữa phủ lên thành phố Huế trước những hình ảnh đau thương đó.

Các địa điểm khai quật khác như Khe Đá Mài thuộc quận Nam Hòa, Vinh Thái, Phú Lương, Đông Di, Bãi Dâu, Gia Hội, Chợ Thông, chùa Tường Vân v.v... cũng là những chỗ ghi dấu hình ảnh người cán bộ XDNT tận tụy trong công tác tìm kiếm lại di hài các nạn nhân xấu số bị VC sát hại dã man trong biến cố Tết Mậu Thân. Sau ngày chiếm Huế, VC đã san bằng hai địa điểm Ba Tầng và Ba Đồn này để cố tẩy xóa dấu vết tội lỗi của chúng.

Xin tâm thành ghi ơn các anh em cán bộ XDNT, Nhân dân Tự vệ, bà con trong khắp thôn ấp, xóm phường Thừa Thiên–Huế đã hy sinh, chịu đựng hồi hám, không chỉ một vài giờ mà hàng tuần, hàng tháng, vất vả trong công tác từ thiện cải táng hàng ngàn đồng bào bị thảm sát dưới tay bọn VC đã mất hết nhân tính. Một đảng viên ĐVCM tên Trọng, khi ở trại tù Bình Điền thuộc tỉnh Thừa Thiên, bất ngờ đã gặp một tên cán bộ Cộng sản gốc người Nghệ An bị giam vì tội tham nhũng. Khi đã quen thân với ông Trọng, tên VC này thú nhận rằng chính hắn là kẻ đã từng nhúng tay vào máu nạn nhân vụ Tết Mậu Thân tại Huế. Ông Trọng hỏi tên này: “Thật sự anh đã giết bao nhiêu người?” Tên kia đáp: “Trên một trăm người, toàn dùng cuốc và báng súng thôi.” Ông Trọng hỏi: “Sao anh ác dữ vậy?” Hắn thản nhiên nói: “Đó là lệnh trên, vì để an toàn bí mật quân sự và cũng để tiết kiệm đạn.”

Trong bài “Huế hôm nay” viết sau Tết Mậu Thân 1968, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã có nhận xét về người xứ Huế lúc bấy giờ: “Nhìn vào Huế tháng Hai, tôi thấy một bộ mặt sụp đổ của thành phố cổ kính. Tôi nghe giọng buồn nhất ở khắp nơi trong địa ngục kéo dài suốt tháng này. Họ là những người còn sống sót trong những cuộc chém giết, dường như họ chỉ còn xác mà không hồn. Nỗi buồn trốn mất khi nỗi đau khổ quá lớn. Tất cả dân Huế cùng với nhau suốt khoảng thời gian nguy hiểm nhất, đều đã thở bầu không khí bần thiêu nhất của trại tị nạn. Tất cả đều đã biết được sự tận cùng của đau khổ... Máu đã chảy và thấm xuống đất thành phố... Những ngôi mộ ở chùa Áo Vàng, tại Bãi Dâu, tại Kim Long, tại Long Thọ là những dấu vết của một bạo lực hung ác không thể quên được trong tâm hồn những người còn sống” (75). Xin để lịch sử phán xét người nhạc sĩ tài hoa nhưng khá ngây thơ này của

xứ Huế, đã một đời “nổi dậy cho giặc”, tuy nhiên cũng xin dùng những lời trên đây làm kết từ cho bài viết này. Chính sách của Cộng Sản Việt Nam là gian trá kết hợp nhuần nhuyễn với bạo lực. Buồn thay, người nhạc sĩ tuy thấy được bộ mặt của bạo lực nhưng vẫn nhắm mắt đi theo gian trá để lại bao tiếng rên cho nhiều người.

New Jersey 20/03/2008 - 17/01/2009

CHÚ THÍCH

1- Tạp chí Thế Kỷ 21, số 227 tháng 3-2008, trang 88. **2-** Trích quan điểm của nhà nghiên cứu sử học Hồ Khang, Liên Hằng T. Nguyễn, Bộ Chính trị chiến tranh: Đường lối chính trị và ngoại giao của Bắc Việt trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968, bản Anh ngữ do Vy Huyền dịch, Talawas ngày 22-2-2007. **3-** Robert Scigliano, South Vietnam, Nation under Stress, under the editorship of Dayton D. McKean, University of Colorado, Houghton Mifflin Company, Boston, tr. 76. **4-** Lâm Thanh Liêm, Chính sách cải cách ruộng đất Việt Nam (1954-1994), Nxb Nam Á, Paris, 1995, tr. 55. **5-** Suzanne Labin, Révélation d'un témoin (bản tiếng Pháp), An Eye-Witness Account (bản tiếng Anh), Crestwood Book, Virginia, 1964, tr. 55. **6-** Nguyễn Văn Châu, Ngo Dinh Diem, en 1963: Une autre paix manquée, bản tiếng Việt: Ngô Đình Diệm và nỗ lực hòa bình dang dở, Nguyễn Vy Khanh dịch, Nxb. Xuân Thu, 1989, tr. 155. **7-** Suzanne Labin, Sđd, tr. 57. **8-** Ellen J. Hammer, A death in November, Ameriaca in Vietnam, 1963, Oxford University Press, New York, Oxford, 1987, tr. 310. **9-** Ellen J. Hammer, Sđd, tr. 310. **10-** Liên Hằng T. Nguyễn, Bài đã dẫn. **11-** Bản tin Việt ngữ đài BBC ngày 19 tháng 5 năm 2006. **12-** Bản tin BBC đã dẫn. **13-** Liên Hằng T. Nguyễn, Bđd. **14-** Liên-Hằng T. Nguyễn, Bđd. **15-** Don Oberdorfer, Tet, The turning point of the Vietnam War, A Da Capo Paperback, 1971, tr. 47. **16-** Lê Xuân Khoa, Việt Nam 1945-1995, Chiến tranh, Tị nạn, Bài học lịch sử, Tập I, Tiên Rồng 2004, tr. 293. **17-** Hoàng Lạc, Hà Mai Việt, Nam Việt Nam, 1954-1975, những sự thật chưa hề nhắc tới, Texas, 1990, tr. 77 (dẫn lại theo Trần Gia Phụng, Ấn tích Cộng sản Việt nam, bản in lần hai, Nxb. Non Nước, Toronto, Canada, 2001, tr. 327). **18-** John Prados, The Blood Road, The Ho Chi Minh Trail and the Vietnam War, John Wiley & Sons, Inc. 1999, tr. 86. **19-** James J. Wirtz, The Tet Offensive, Intelligence failure in war, Cornell University Press, Ithaca and London, 1991, tr. 51. **20-** Phạm Trần, Hà Nội làm to chuyện Mậu Thân để làm gì ? Web Thông Luận, ngày 11-01-2008. **21-** Trần Bình Nam, Từ Xuân Kỷ Sửu 2009 nhìn về: Những điều chưa giải mã trong trận Mậu Thân 1968, Báo điện tử Thông Luận ngày 13-01-2009). **22-** Suzanne Labin, Vietnam, Révélation d'un témoin (bản tiếng Pháp),

Vietnam, *An eye-witness account* (bản tiếng Anh) Crestwood Book, Virginia, 1964, tr. 55. **23-** Bùi Tín, 40 Năm ngày đảo chính chế độ Ngô Đình Diệm: cái nhìn từ Hà Nội, *Tạp chí Thông Luận* số 174, tháng 10-2003. **24-** Ellen Hammer, *A death in November, America in Vietnam* 1963, Oxford University Press, New York, Oxford, 1987, trang 28. **25-** Minh Võ, *Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc*, Nxb. Hồng Đức 2008, trang 88. **26-** Ellen Hammer, *Sđd*, trang 28. **27-** Trần Bình Nam, Bài đã dẫn. **28-** Johnson papers, 1968, Vol II, trang 879; Trần Bình Nam, *Từ Xuân Kỷ Sửu 2009 nhìn về: Những điều chưa giải mã trong trận Mậu Thân 1968*, *Báo điện tử Thông Luận* ngày 13-01-2009. Trong bài *Tàn sát Mậu Thân tại Huế*, đăng trên *Báo điện tử Đàn Chim Việt* ngày 04.03.2008, tác giả Trần Gia Phụng có cho biết: “Để làm lạc hướng dư luận và sự tính toán của giới lãnh đạo Hoa Kỳ cũng như VNCH, Cộng sản dúi giọng vào đầu năm 1968. Vào dịp Tết dương lịch 1968, bộ trưởng Ngoại giao Bắc Việt là Nguyễn Duy Trinh tuyên bố muốn mở các cuộc hòa đàm và tiếp xúc mật với Hoa Kỳ. Thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng (1906-2000) cũng ngỏ ý sẵn sàng hòa đàm nếu Mỹ ngưng ném bom, và ông Đồng còn nhờ một viên đại diện Romania làm trung gian dàn xếp giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt.” (Hoàng Lạc, *Hà Mai Việt, Nam Việt-Nam, 1954-1975, những sự thật chưa hề nhắc tới*, Texas, 1990, tr. 77-78. **29-** Lê Xuân Khoa, *Sđd*, tr. 295. **30-** Trần Gia Phụng, *Sđd*, tr. 271. **31-** Trần Gia Phụng, *Sđd*, tr. 278. **32-** Bài thơ theo nhiều nguồn tư liệu có đôi chỗ khác nhau, thí dụ câu hai “Thắng lợi tin vui khắp mọi nhà”. **33-** Lê Xuân Khoa, *Sđd*, tr. 295. **34-** Cecil B. Currey, *Victory at any cost, The genius of Vietnam's Gen. Vo Nguyen Giap*, Brassey's, Inc., Washington, London, 1997, tr. 267. **35-** Trọng Đạt, *Tóm lược về Tết Mậu Thân 1968*, *Thế Kỷ 21*, số 227, tháng 03-2008, trang 50. **36-** Phillip B. Davidson, *Vietnam at war, The history 1946-1975*, Oxford University Press, New York, Oxford, 1988, tr. 480. **37-** James J. Wirtz, *Sđd*, tr. 224. **38-** James J. Wirtz, *Sđd*, tr. 252. **39-** Nguyễn Trân, *Công Và Tội, Hồi ký lịch sử chính trị Miền Nam Việt Nam, 1945-1975*, Nxb. Xuân Thu, 1992, tr. 638. **40-** Nguyễn Trân, *Sđd*, tr. 639. **41-** Bùi Diễm, *Gọng Kim Lịch Sử, Hồi ký chính trị, Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai*, 2000, tr. 352. **42-** Trọng Đạt, *Bài đã dẫn*, tr. 60. **43-** Trọng Đạt, *Bài đã dẫn*, tr. 58. **44-** Lê Xuân Khoa, *Sđd*, tr. 295. **45-** Tú Gàn, *Về quyết định thảm sát*, *Webmail.aol*, ngày 5-2-2008. **46-** Chính Đạo, *Mậu Thân, 68: thắng hay bại?* Nxb. Văn Hóa, Houston, 1998, bản in lần hai, tr. 146; dẫn lại theo Trần Gia Phụng, *Tàn sát Mậu Thân tại Huế 1968*, *Báo điện tử Đàn Chim Việt*, 05-03-2008. **47-** Nguyễn Trân, *Sđd*, tr. 642. **48-** Linh mục Phêrô Nguyễn Hữu Giải và Linh mục Phêrô Phan Văn Lợi, *Hương về lễ kỷ niệm 40 năm Mậu Thân: Cuộc Thảm Sát tại Khe Đá Mài và Bài đã dẫn*

của Trọng Đạt, Thế Kỷ 21, số 227, tháng 03-2008, trang 69-75 và tr. 55. **49-** Phong trào Giáo dân Việt nam Hải ngoại sưu tập, Thảm Sát Mậu Thân ở Huế, The 1968 Massacre at Hue, bài Mậu Thân ở Huế của Nguyễn Lý Tường, bản in lần thứ ba tại Hoa Kỳ, 2008, trang 86. **50-** Don Oberdorfer, Sđd, tr. 45. **51-** Bùi Tín, dẫn theo Trần Gia Phụng, Tàn sát Tết Mậu Thân, Báo điện tử Đàn Chim Việt, ngày 07-03-2008. **52-** Trần Gia Phụng, Bài đã dẫn. **53-** Trần Gia Phụng, Bài đã dẫn. **54-** Ngô Minh, Báo điện tử Talawas, ngày 2-3-2008. **55-** Cecil B. Currey, Sđd, tr. 268. **56-** Trọng Đạt, Bài đã dẫn, tr. 61. **57-** Peter Macdonald, Giap, The victor in Vietnam, W.W. Norton & Company, New York, London, 1993, tr. 268. **58-** Peter Macdonald, Sđd, tr. 268. **59-** Peter Macdonald, Sđd, tr. 260. **60-** Thế Kỷ 21, số 227, bài “Lần đầu tiên một viên tướng Cộng Sản thú nhận, “Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân” là một thảm bại”, (quan điểm của Huỳnh Công Thân, trong hồi ký “Ở chiến trường Long An”, Nxb. Quân đội Nhân dân ấn hành 1994). **61-** Trọng Đạt, Bài đã dẫn, tr. 61. **62-** Thế kỷ 21, số 227, bài 40 năm Tết Mậu Thân BBC phỏng vấn nhà báo Bùi Tín, tr. 67. **63-** Philip B. Davidson, Sđd, tr. 486. **54-** Bùi Tín, Bài đã dẫn, tr. 67. **65-** Trần Giao Thủy, Tết Mậu Thân – 40 năm sau (1968-2008), Báo điện tử Đàn Chim Việt, ngày 16-03-2008. **66-** Trần Giao Thủy, Bài đã dẫn, ngày 16-03-2008. **67-** Trần Giao Thủy, Tết Mậu Thân – 40 năm sau (1968-2008), Báo điện tử Đàn Chim Việt, ngày 15-03-2008. **68-** Trần Giao Thủy, Bài đã dẫn. **69-** Những trích đoạn nói về Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan được dẫn từ bài viết của Tiến sĩ Trần An Bài, Tướng Nguyễn Ngọc Loan trong biến cố Tết Mậu Thân, Báo điện tử Vietcatholic, ngày 07-02-2008. **70-** Báo điện tử Đàn Chim Việt, ngày 11-01-2009. **71-** Trà Mi, Cuộc thảm sát (của Mỹ) ở Huế, 04-1968, Báo điện tử Đàn Chim Việt, ngày 03-03-2008. **72-** Báo Thanh Niên Xuân Mậu Tý, 2008, Hoàng Hải Vân, bài Chiến thắng Mậu Thân vẫn là thời sự, tr. 4. **73-** Linh mục Phêrô Nguyễn Hữu Giải và Phan Văn Lợi, Bài đã dẫn, tr. 73. **74-** Phong trào Giáo dân VN Hải ngoại, Sđd, bài Vài nét về cuộc đời cố nghị sĩ Trần Điền của Nguyễn Lý Tường, trang 163. **75-** Trịnh Công Sơn, Huế hôm nay, Báo điện tử Talawas, ngày 22-9-2004.

Đi nhận xác Thầy

Tôn Thất Sang

Lần giờ những trang trân trọng đầu tiên của cuốn luận án y khoa, nhìn tên, tước vị của các Giáo Sư người Đức, bỗng nhiên tôi thấy lòng bồi hồi dâng lên niềm đau xót vô vàn với những tiếc nuối

khôn nguôi, những thương yêu, kính mến, với biết bao kỷ niệm và lòng tri ân đối với các vị, đã vì thiện tâm, chấp nhận hy sinh, xa gia đình, xa bạn bè, xa tổ quốc thân yêu, để đem sở học và nguyện ước của mình đi truyền rao và khai hóa tận một xứ sở kém mở mang, xa xôi hẻo lánh, đầy rẫy hiểm nguy với chiến tranh tàn khốc, ở tận bên kia bờ Đại Dương. Ước nguyện thật dễ thương và hiền hòa, làm sao tạo dựng những bác sĩ y khoa tài năng, để phục vụ xứ sở họ, phục vụ tình thương, phục vụ con người....

Thế nhưng, những hy sinh cao quý từ những con người nhân ái đó, đã phải trả một giá quá đắt - bằng chính mạng sống của họ - bởi một chính quyền, gọi là phát xuất từ nhân dân, vì hạnh phúc của nhân dân - chính quyền Cộng Sản - đã lạnh lùng thủ tiêu họ, không chút tiếc thương, trong cái gọi là trận “Toàn dân nổi dậy tổng công kích” trong dịp Tết Mậu Thân, vào cố đô Huế?!!!

Trung tuần tháng 2 năm 1968. Khoảng gần một tháng, sau Tết Mậu Thân, cố đô Huế đã được quân lực VNCH tái chiếm. Huế, sau những ngày bị bọn quỷ đỏ tràn ngập, đã nhuộm màu máu đào và nước mắt! Không có phường nào, xã nào, không có xóm nào, không có gia đình nào là không có người thân ngã gục, cha xa con, vợ mất chồng hoặc bằng viên đạn, hoặc bằng con dao, hoặc bằng cán cuốc! Hoặc chôn sống hàng loạt, sau khi cột thành từng “chùm dây người”, nối kết lại bằng dây dừa, dây điện thoại.

- Nào Phú Thứ oán khí ngất trời, với tiếng khóc và màu tang phủ trắng cánh đồng! Nào trung học Gia Hội, với hàm chôn tập thể, nơi mà bọn “phản sư, diệt tổ” Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Đắc Xuân... đã triệt để vâng lời “Bác Hồ dạy”: “Trăm năm trồng người”, để biến học đường thành nghĩa địa! Nào Khe Đá Mài, nào Bãi Dâu, nào Tây Lộc..., mà mỗi địa danh là mỗi âm vang của loài quỷ đỏ!!!

Huế tang thương, lầy lội.

Huế rách như xơ mướp!

Huế tiêu điều với tường xiêu, mái đổ.

Huế với thép gai giăng mắc, mà kinh thành như kẻ bị đạu mùa!

Huế với B40, với AK, với CKC báng đỏ.

Huế đầy nước mắt với khăn tang,

Máu đỏ tanh hôi chảy ngập đàng,

Hoa cúc, mai vàng sao chẳng thấy?

Chỉ còn hoang lạnh với ly tan!

Trong cái cảnh hỗn mang ấy, tôi đi giữa thành phố tang thương, đổ vỡ, lạc lõng và bơ vơ. Tôi đi, mà lòng ngậm ngùi thương tiếc, như vừa đánh mất người yêu. Tôi đi, nhìn, như lạc trong ác mộng! Bỗng tiếng Vespa rít lên, đồng thời, với cái vỗ vai, làm tôi giật bắn người:

- Đã biết tin gì chưa?
Tôi nhìn lên, thấy Đặng Ngọc Hồ, vừa dừng xe, vừa hỏi.
- Tin gì? Tôi vội hỏi.
- Tìm thấy xác của các thầy Krainick, Discher, Altekoster và cả xác bà Krainick nữa!

- Trời ơi! có chắc không? ở đâu?
- Nghe đâu trên chùa Tường Vân, phía trên dốc Nam Giao!
Rồi Hồ nói luôn:
- Nghe dân nói, ban đầu họ tưởng Mỹ, họ báo với Tiểu Khu. Tiểu Khu và chính quyền check lại với Lãnh Sự Mỹ, thì biết Mỹ chết thì nhiều, nhưng không có mất tích, chỉ có một Đại tá Mỹ bị bắt mà thôi. Sau nghe Viện Đại Học mình và Lãnh Sự Đức loan báo có 4 người Đức mất tích, 3 ông, 1 bà. Bây giờ thì trùng khớp.

Tôi chưa kịp định thần, thì trong tiếng còi inh ỏi, đã trông thấy Bùi Hữu Út xuất hiện, lạng và thắt xe nhanh như chớp. Tôi và Hồ vội nói cho Út biết, thì đằng xa, lại thấy Lê Đình Thiêng chở Nguyễn Quang trở tới. Bọn tôi vội làm một cuộc họp “bỏ túi” trên lề đường Trần Hưng Đạo, gần Chi Thông Tin ở chân núi cầu Trường Tiền, giờ đây đã gây một nhíp - một vết ô nhục mà đoàn cán binh Bắc Việt để lại cho tâm hồn người dân Huế đô. Khi đó, vào khoảng 11 giờ sáng, nhưng cái lạnh của những ngày đầu xuân còn len lén như dao cắt vào da thịt và cái nắng quái của ngày xuân, sao mà khác thường, nó tuồng như bằng bạc mùi tử khí của một thành phố đang ung mủ, đang trải qua lăm đầu thương! Bọn tôi bàng hoàng xót xa, thương các thầy quá là thương!

Tôi đề nghị anh Hồ qua Tiểu Khu hỏi lại tình hình an ninh vùng đó đã ổn chưa, còn chúng tôi, chờ nhau, nhắm vùng Nam Giao trực chỉ. Một hồi sau, Tiểu Khu cho một xe Dodge, chở một tiểu đội, với vũ khí đầy đủ, lên mở đường vào hướng chùa Tường Vân và bảo bọn tôi chờ ở ngã rẽ đường Nam Giao, chờ họ báo tin. Khoảng nửa giờ sau, viên sĩ quan chỉ huy tiểu đội đến, tin cho biết tình hình khu vực an toàn, vừa ra không có mìn bẫy và hiện tiểu đội ông còn bám sát địa bàn. Ông lắc đầu, buồn bã tiếp theo:

- Quân tôi đang cùng một ít dân trong xóm, đang đào đất lên và đã thấy 4 đầu tóc nhô lên, tóc người ngoại quốc, trong đó có một mái tóc màu bạch kim.

Bọn tôi nhìn nhau thờ dài:

- Chắc thầy Discher rồi!

Mái tóc bạch kim hơi dợn sóng, đầy nghệ sĩ của thầy thân yêu không ngừng ám ảnh và làm tôi xót xa. Bọn tôi cảm ơn ông và tất cả vội vã lên xe, nhắm hướng chùa Tường Vân trực chỉ.

Chùa Tường Vân nằm về hướng Tây Nam núi Ngự Bình (hướng Nam Giao, đi từ phố lên), đi qua chùa Sư Nữ một khoảng xa, thì rẽ phải, vào một con đường mòn đất đỏ thoai thoải dốc, với nhiều ổ gà và nhiều bụi rậm. Ngôi chùa, với mái ngói rêu phong cổ kính, chung quanh mấy khóm trúc là đà với ngọn giả sơn ngự, tiều, canh, độc. Xa xa là hàng tre bao phủ, xanh ngắt một màu, chen lác đác mấy ngọn tre la ngà, màu vàng sọc xanh dịu dàng trước gió. Cảnh chùa tuy đẹp, nhưng bọn tôi không còn lòng dạ nào thưởng ngoạn. Bọn tôi vừa xuống xe tại sân chùa, đã thấy vài người lính và một số dân địa phương đang xúm xít tận hào tre, cách sân chùa khoảng 150 mét. Bọn tôi vội vàng chạy lại.

Tiếng một quân nhân:

- Tội quá, các anh ơi! 3 ông, 1 bà đều bị bắn một cách giống nhau! Tội Việt Cộng quá vô nhân đạo!

Tôi vội nhìn xuống chỗ tay anh quân nhân đang chỉ, thì thấy 3 quân nhân đang cùng vài người dân, tay cuốc, tay xẻng, đang nhẹ nhàng xúc đất và cát, lên từ một chiếc hầm đào vội, bề dài khoảng 2,5 m, bề ngang khoảng 0,7 m và chiều cao khoảng 0,9 m, trong đó có 4 người, đều bị trói thúc ké (hai tay quặt ra sau lưng), bằng dây điện thoại truyền tin, người này trói dính với người kia và tất cả đều ở tư thế quỳ thẳng đứng, ở thái dương trái là lỗ đạn vào và thái dương phải là lỗ đạn ra, to hơn và tàn phá hơn! Tôi vội dụi mắt - vì nước mắt đã lưng tròng - nhìn kỹ những khuôn mặt của quý Thầy thân yêu, giờ đây đã đổi dạng, mắt lồi hẳn ra ngoài thái dương và hàm toang hoác, vì đường đạn đi ngọt xót của kẻ thù vốn từng rêu rao chỉ lấy lượng khoan hồng và nhân đạo làm nền tảng!! Tôi không thể tưởng tượng được đám đồ tể của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng, lại đi "giải phóng" những người chỉ biết đem tình thương và lòng nhân ái ra cứu chữa cho nhân dân!

Sau đó, bọn tôi phụ giúp các anh em quân nhân và một ít dân chúng, chở xác các thầy bằng xe của Tiểu Khu về nhà xác bệnh viện Trung Ương Huế.

Cả bệnh viện xôn xao. Cả thành phố Huế xôn xao. Nhiều người đã khóc nức nở. Có nhiều tiếng nấc thảm lặng hơn từ các khu nội thương, khu truyền nhiễm, khu nhi đồng.

Ồi, còn đâu nữa, vị Bác Sĩ trưởng đoàn, lớn tuổi, thân yêu, đã luôn tận tụy trong bài giảng, trong chức nghiệp, suốt đêm ngày khám nghiệm ở khu nhi đồng, thân mật với sinh viên, xem sinh viên như con, mà chúng tôi âu yếm gọi là Bon Papa. (bỏ một đoạn)

Ồi, còn đâu nữa, những giây phút kỷ niệm êm đềm bên người Thầy yêu quý. Xin vĩnh biệt Thầy và cầu chúc Thầy cùng phu nhân thanh bình trong cõi vĩnh hằng, ở nơi không hận thù, ở nơi mà bọn quý

đồ phải lánh xa.

Ôi, còn đâu nữa Giáo sư Discher, người Thầy tận tâm, yêu mến học trò, người Thầy đầy nhân ái, nghiêm khắc nhưng độ lượng. Kính chúc Thầy mãi mãi bình yên ở cõi thiên đàng.

Ôi, còn đâu nữa Bác sĩ Altekoster, người bác sĩ trẻ tuổi, đẹp trai, vui tính và tận tâm ở khu truyền nhiễm, mà tương lai đang rực sáng, ngờ đâu lại đứt gánh giữa đường. Xin cầu chúc linh hồn bác sĩ được về với nước Chúa.

Tối hôm đó, chúng tôi, hầu như rất đông các bạn từ Đại Học xá Nam Giao, Trung tâm Xavier, các bạn ở mọi nơi trong thành phố, lần lượt biết tin, đến phòng trực bệnh viện Trung Ương, để phân công trực xác quý Thầy, đang để tạm ở nhà xác.

Sáng hôm sau, quan tài của quý Thầy được quàng tại Tòa Viện Trưởng. Chúng tôi, quần sẫm, áo trắng, cravatte đen, nghiêm trang đứng thành 2 hàng, vòng tay trực bên quan tài quý Thầy. Những tràng hoa phúng điếu của các Tòa Lãnh Sự, các Hội Đoàn, các Đoàn Thể, các Phân Khoa bạn.

Đức Tổng Giám Mục địa phận Huế - Nguyễn Kim Điền - chủ tế. Không khí lắng đọng cảm xúc và trang nghiêm. Mọi người rưng rưng, tiếng máy quay phim đều đều, buồn như lời nguyện cầu. Đột nhiên, có tiếng thốn thức ở cửa chính, mọi người xôn xao nhìn ra, nhiều ống kính hướng theo. Ánh sáng lập lòe, một thiếu nữ, trong bộ đồ đen tuyền, khăn tang trắng bịt ngang đầu, đang nức nở, lao đảo tiến vào, hai tay ôm vòng Couronne mortuaire kết cườm đen, băng tím, chữ trắng "To you with all my sacred and humble love..." Đức Tổng Giám Mục lặng lẽ nhìn, nét mặt Ngài dịu đi, mọi người xúc động, bàng hoàng. Ai đây? Người thiếu nữ đặt nhẹ vòng hoa trước linh cữu của BS Altekoster, phủ phục và ôm quan tài khóc sụt sướt.

Mắt tôi nhòe đi, cảm xúc đến lặng người. Tôi nhìn người thiếu nữ, không còn trẻ lắm, với nét mặt thùy mị, đoan trang và kín đáo, kín đáo như trong tình yêu thiêng liêng của chị, thắm thiết và buồn như màu tím của vành Couronne mortuaire và những giọt nước mắt, mà chị đang gởi theo cùng tâm hồn, cho người mình yêu, vừa ngã gục xuống, trên mảnh đất của quê hương, đã lấy máu đào làm thấm đượm quê hương mình!

Tình yêu của hai người kín đáo và thầm lặng như giòng Hương Giang, chỉ một số người rất thân với cả hai người, mới biết thôi. Ở đây, tôi xin phép chị Thảo - vâng, người ấy chính là chị - (Quản thủ Thư viện Y khoa thời gian đó) cho tôi viết ra điều này, phải chăng đó là những kỷ niệm cao quý nhất và thiêng liêng nhất của cả cuộc đời chị, mà tôi tin rằng, nếu mọi người biết được, cũng sẽ làm tâm hồn họ thăng hoa trong băng khuâng và xúc động, như khi họ khám phá ra được một góc trời kỳ

diệu mong manh nhưng dễ vỡ và họ sẽ trân trọng giữ gìn...

Sáng hôm sau, 2 chiếc máy bay màu trắng bạc "Air America" đưa 4 quan tài vào phi trường Tân Sơn Nhất, ở đó, đã có phái đoàn của sinh viên Đại Học Y Khoa Sài Gòn chờ đón, với vòng hoa phân ưu và biểu ngữ lên án bọn quỷ đỏ, đã thảm sát những người, suốt đời chỉ biết phụng sự khoa học, phục vụ nhân loại.

Sau đó, quan tài của quý vị đã được đưa về Tây Đức an táng.

Vĩnh biệt từ nay bóng dáng Thầy!

Tình sư, nghĩa phụ thoáng trời mây.

Thương người viễn xứ thân tan nát,

Lưu lại danh thơm với tháng ngày.

Cali, ngày 22 tháng 3 năm 1991

Từ Xuân Kỷ Sửu 2009 nhìn về: Những điều chưa giải mã trong trận Mậu Thân

Trần Bình Nam

Đến Xuân Kỷ Sửu (2009) này là 41 năm sau trận Mậu Thân 1968, trận đánh làm chuyển hướng cuộc chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên nhiều câu hỏi vẫn còn tồn tại đối với các nhà nghiên cứu. Cái kết quả kỳ lạ của nó là phía cộng sản Bắc Việt thua trên chiến trường nhưng đạt được kết quả chính trị và tâm lý ngoài dự liệu của họ. Tướng Võ Nguyên Giáp, người hoạch định và chỉ huy cuộc tổng tấn công không phải là người nguyên thủy chủ trương cần có cuộc tấn công.

Cuối năm 1965 khi Giáp đưa các sư đoàn thiện chiến của Bắc Việt thử lửa với sư đoàn Kỵ binh Không vận của Hoa Kỳ (một sư đoàn di chuyển hoàn toàn bằng trực thăng) và cuối cùng đánh không lại phải chạy thoát thân sang bên kia biên giới Cam bốt, ông biết quân đội Bắc Việt không thể đánh trực diện với quân đội Hoa Kỳ. Theo ông Giáp cuộc chiến đấu để chiếm miền Nam chỉ có thể thực hiện bằng chiến tranh hao mòn cho đến khi Hoa Kỳ mệt mỏi. Nhưng bộ ba Lê Duẩn, Trường Chinh và Nguyễn Chí Thanh (đại tướng ngang cấp với Võ Nguyên Giáp) cho rằng cần đánh mạnh đánh mau và đánh một cách liêu lĩnh mới hy vọng chuyển đổi thế cờ.

Để giải quyết sự bất đồng ý kiến giữa các đàn em thân tín, tháng Tư năm 1967 ông Hồ Chí Minh triệu tập hội nghị Trung ương đảng 13. Hội nghị cân nhắc hai ý kiến là đánh hao mòn của tướng Võ Nguyên Giáp hay đánh chớp nhoáng để chiếm thời cơ. Với sự ủng hộ của Lê

Duẩn, Trường Chinh và Nguyễn Chí Thanh, hội nghị thông qua nghị quyết 13 chuẩn bị đánh mạnh đánh mau để chiếm miền Nam kết thúc chiến tranh. Nghị quyết 13 là lệnh căn bản của trận Mậu Thân 1968 còn gọi là cuộc “Tổng Công Kích, Tổng Khởi Nghĩa”

Cho đến nay Hoa Kỳ cũng chưa nắm hết các sự kiện về Mậu Thân. Tháng 6 năm 1997, trong chuyến đi tìm sự thật “*Những cơ hội bỏ lỡ*” tại Hà Nội, phái đoàn McNamara đã ghi trong danh sách nhiều câu hỏi về cuộc chiến đó, nhưng không được trả lời thỏa đáng. Cũng có thể còn nhiều dữ kiện về Mậu Thân còn nằm trong văn khố mật của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ.

Nhưng tuy còn bí ẩn, giới nghiên cứu cuộc chiến Việt Nam đều đồng ý rằng trận Mậu Thân đã làm thay đổi hướng của cuộc chiến Việt Nam dẫn đến chiến thắng của Hà Nội năm 1975.

Trong cuộc chiến Việt Nam, dù được sự giúp đỡ của Nga Xô và Trung Quốc, Hà Nội không mạnh hơn Hoa Kỳ về mặt quân sự, nhưng có hai yếu tố làm thế của Hà Nội mạnh hơn. Thứ nhất Hoa Kỳ sợ Trung Quốc can thiệp như ở Triều Tiên (1950-53) nên năm 1965 khi buộc lòng phải đổ quân đến Việt Nam vì không muốn thấy miền Nam sụp đổ, Hoa Kỳ, qua các lời tuyên bố ngoại giao không úp mở, cho phía cộng sản biết Hoa Kỳ không muốn thấy Hà Nội chiếm miền Nam, và Hoa Kỳ không có ý định lật đổ chính quyền miền Bắc, nên đối với Hà Nội nếu tung mọi nỗ lực vào miền Nam họ chỉ thắng hay hoà.

Thứ hai, trong chiến lược bảo vệ miền Nam, Hoa Kỳ không có kế hoạch cắt đường tiếp vận của Hà Nội từ Bắc vào Nam qua đường Lào và Cam Bốt. Những cuộc tiến quân ngắn hạn qua Cam Bốt năm 1970 và Lào năm 1971 không nằm trong chiến lược ngăn chặn vĩnh viễn mà chỉ là những hành động ngắn hạn để giải quyết những vấn đề có tính cách chiến thuật. Cuộc hành quân phối hợp giữa quân lực Mỹ và quân đội miền Nam đánh qua Cam Bốt tháng 4 năm 1970 cốt phá hủy hậu cứ của quân đội Bắc Việt. Cuộc hành quân Lam Sơn 719 năm 1971 qua Lào để chặn đường mòn Hồ Chí Minh và để trải nghiệm chương trình Việt Nam hoá chiến tranh.

Không gì làm các nhà lãnh đạo cộng sản yên tâm hơn khi nghe tổng thống Johnson tuyên bố: “*Chúng ta không có ý tiêu diệt Bắc Việt. Chúng ta không có ý thay đổi chính quyền tại đó. Chúng ta không có định thiết lập căn cứ quân sự vĩnh viễn tại miền Nam. Chúng ta đưa quân đến Nam Việt Nam cốt để thuyết phục Bắc Việt nên chấm dứt xâm lăng các nước lân bang, và để chứng tỏ cho Hà Nội biết rằng chiến tranh du kích do nước này gây ra chống nước kia sẽ không thể có kết quả. Chúng ta cần cho Bắc Việt biết giá xâm lăng của họ sẽ rất cao để họ chọn lựa giữa thương thuyết hay đơn phương chấm dứt cuộc xâm*”

lãng.” (Diễn văn của tổng thống Johnson đọc trước American Alumni Council ngày 12-7-66).

Theo Henry Kissinger (*Diplomacy*: ch. 26: “Vietnam on the Road to Despair”. Easton Press, 1994, trang 660), trên nguyên tắc có hai chiến lược để thắng một cuộc chiến tranh du kích: Thứ nhất, bảo đảm an ninh cho dân chúng, không cho địch tổ chức nhân dân bằng tuyên truyền và khủng bố để thành lập một chính quyền. Thứ hai, là tấn công vào hậu phương và đường tiếp vận của địch, trong trường hợp VN có nghĩa mở rộng chiến tranh qua Lào, Cam Bốt và nếu cần đánh ra Bắc Việt.

Hoa Kỳ áp dụng chiến lược thứ hai nhưng chỉ áp dụng nửa vời bằng oanh tạc. Tổng thống Johnson không muốn Trung Quốc cảm thấy bị đe dọa, không muốn cuộc chiến Việt Nam làm quan hệ giữa Hoa Kỳ và Liên bang Xô viết căng thẳng và cũng không muốn chiến tranh làm hỏng chương trình Đại Xã Hội (Great Society) của ông trong nước. Hoa Kỳ giới hạn chiến tranh bằng bộ binh trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam trong khi Bắc Việt xem Đông Dương là một chiến trường toàn bộ.

Nhìn lại, cơ quan CIA và các chính trị gia Hoa Kỳ trong lãnh đạo chiến tranh Việt Nam đã không hiểu được Trung Quốc nghĩ gì. Do tranh chấp với Liên bang Xô viết, Trung Quốc không muốn thấy Bắc Việt toàn thắng tại Việt Nam nên Trung Quốc sẽ không can thiệp nếu Hoa Kỳ cùng với quân đội VNCH mở rộng chiến tranh bộ binh ra Bắc với bảo đảm không xâm phạm đất đai của Trung Quốc. Đối với Trung Quốc, nếu Bắc Việt thắng, cái gai Xô viết càng gần hơn. Ngoài ra lịch sử quan hệ Việt-Trung cho Trung Quốc thấy một nước Việt Nam thống nhất sẽ không phải là một người bạn dễ chơi. Mao Trạch Đông đã nhấn khéo Hoa Kỳ qua nhà báo Edgar Snow rằng Trung Quốc không có quân đội ở nước ngoài và không có ý gây chiến với ai ngoại trừ khi lãnh thổ Trung Quốc bị xâm lăng (“Interview with Mao”, *The New Republic*, 27-2-65).

Trong quyết định tung cuộc tấn công Mậu Thân, Hà Nội đánh một canh bạc nguy hiểm nhưng Hà Nội biết không “thua” vì đã nắm vững các yếu tố về phía Hoa Kỳ.

Vào cuối năm 1967 quân đội Hoa Kỳ không còn được dân chúng ủng hộ như trước trong vụ Maddox và tại Hoa Kỳ đã có những cuộc biểu tình chống chiến tranh. Nhưng nói chung dân chúng Hoa Kỳ chưa quyết liệt chống chiến tranh và quốc hội Hoa Kỳ vẫn còn thống nhất trong quyết định hơn thua với khối cộng và với Hà Nội. Vì vậy, theo Bernard C. Nalty viết trong cuốn *The Vietnam War* (trang 183), Hà Nội cần một trận Điện Biên Phủ thứ hai để chuyển hướng dư luận dân chúng Hoa Kỳ.

Không có gì chứng tỏ Hà Nội nắm chắc một trận đánh lớn vào các thành phố miền Nam sẽ làm cho dân nổi dậy lật đổ chính quyền, nhưng

Hà Nội tin rằng một trận đánh tạo ra sự rối loạn và gây ra nhiều tổn thất (nhất là cho quân nhân Hoa Kỳ) sẽ thổi bùng ngọn lửa chống chiến tranh tại Hoa Kỳ.

Hơn nữa lúc này Hà Nội có rất ít lựa chọn. Lợi dụng các xáo trộn chính trị tại Nam Việt Nam cuối năm 1963, Hà Nội kiểm soát gần phân nửa miền Nam vào cuối năm 1964 (John S. Bowman, *Vietnam War Day by Day*, trang 60). Mùa thu năm 1964, sau vụ Maddox tháng 8, Hồ Chí Minh quyết định tạo một chuyển biến cơ bản tại miền Nam trước khi Hoa Kỳ kịp can thiệp. Chính trị bộ đảng cộng sản Việt Nam gọi một sư đoàn quân chính qui Bắc Việt vào Cao nguyên miền Trung định cắt đôi Nam Việt Nam từ An Khê ra Qui Nhơn. Trước viễn ảnh miền Nam sụp đổ, hay ít nhất các tỉnh phía Bắc quốc lộ 19 bị cô lập, đầu năm 1965 một trung đoàn Thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ lên Việt Nam giữ an ninh căn cứ không quân Đà Nẵng để quân đội miền Nam rảnh tay chiến đấu. Nhưng tướng Westmoreland tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam nghĩ rằng đã quá trễ không còn thì giờ tăng quân số, huấn luyện và trang bị cho quân đội miền Nam để đánh nhau với quân đội Bắc Việt. Lãnh đạo quân sự yếu kém của miền Nam trong trận Ấp Bắc đầu năm 1963 lại tái diễn trong trận Đồng Xoài giữa tháng 6-65 gây thiệt hại nặng cho quân đội miền Nam. Để mua thời gian, tướng Westmoreland đề nghị lập một hàng rào phòng thủ phía Nam khu phi quân sự bằng 5 sư đoàn bộ binh Hoa Kỳ từ bờ biển phía Đông sang Tây cắt đôi nước Lào dọc tuyến sông Cửu Long, nhưng tổng thống Johnson bác bỏ. Giải pháp duy nhất còn lại đối với Westmoreland là đưa vào Việt Nam ít nhất một sư đoàn bộ binh Mỹ để chặn đứng kế hoạch cắt đôi Việt Nam Cộng Hoà của Bắc Việt, đồng thời tăng cường quân đội Mỹ bảo vệ các tỉnh phía Bắc, quan trọng nhất là cố đô Huế.

Trong khi đó đại sứ Maxwell Taylor không muốn thấy quân đội Hoa Kỳ trực tiếp chiến đấu. Ông đề nghị dùng quân đội Hoa Kỳ phòng thủ các vùng đông dân ở ven biển để quân đội VNCH lo việc chiến đấu và bình định.

Tổng thống Johnson do dự trước hai đề nghị. Tuy nhiên sau hội nghị Honolulu tháng 4-65 do McNamara chủ tọa với các tướng lãnh tại bộ Quốc phòng và cố vấn tại Bạch Ốc với sự tham dự của tướng Westmoreland và đại sứ Maxwell Taylor, tổng thống Johnson quyết định gọi 9 tiểu đoàn đến VN và cho phép tướng Westmoreland dùng lực lượng để diệt địch. Tuy nhiên trên mặt chính thức Hoa Kỳ tuyên bố không thay đổi nguyên tắc quân đội Hoa Kỳ chỉ làm nhiệm vụ phòng thủ (để làm vui lòng đại sứ Taylor?). Sự việc “nói một đằng làm một nẻo” này là nguyên nhân làm các phóng viên tại VN bắt đầu không tin những

gì bộ tư lệnh quân sự Mỹ tại VN phổ biến, và sau trận Mậu Thân không tin cả những gì do toà Bạch ốc hay bộ Quốc phòng Hoa Kỳ tuyên bố.

Trong khi Hoa Kỳ do dự, Hà Nội lần đầu tiên tung các đơn vị cấp tiểu đoàn đầy mạnh các cuộc đánh phá trên toàn miền Nam, đồng thời đưa các đơn vị chính quy cấp trung đoàn (trung đoàn 33, 34 & 66) chuẩn bị cho chiến trường cao nguyên. Nhiều quân lỵ bị tiêu diệt và nhiều trại lực lượng đặc biệt dọc biên giới bị tấn công. Hoa Kỳ trả đũa bằng các dùng máy bay B-52 bỏ bom các nơi nghi ngờ quân đội cộng sản trú đóng.

Nhưng tình hình càng ngày càng bất lợi, và Hoa Kỳ lại đứng trước một lựa chọn bắt buộc khác là gửi thêm quân đến Việt Nam theo đề nghị của tướng Westmoreland. Tháng 7-65 tổng thống Johnson quyết định gửi sư đoàn kỵ binh không vận vừa mới được thành lập cùng với nhiều đơn vị thuộc nhiều binh chủng khác nhau nâng quân số Hoa Kỳ từ 75.000 lên 125.000, và tuyên bố Hoa Kỳ sẽ gửi thêm quân đến Việt Nam nếu tình hình đòi hỏi.

Với phương tiện và nhân lực mới, tướng Westmoreland vạch một kế hoạch bình định 3 điểm: thứ nhất, xây dựng hạ tầng cơ sở như phi trường, bến tàu, và đường giao thông để chuẩn bị cho việc mở rộng chiến tranh và tạo cơ sở phát triển kinh tế miền Nam. Thứ hai, dùng quân đội Hoa Kỳ tấn công các đại đơn vị cộng sản ở cao nguyên. Thứ ba, cầm chân quân đội Bắc Việt còn lại trên toàn miền Nam để quân đội Việt Nam Cộng Hoà thực hiện giai đoạn chót của cuộc bình định.

Cuộc đụng độ với quân đội chính quy Bắc Việt trong thung lũng sông Ia Drang phía Tây Pleiku trong hai tháng 10 & 11-1965 giữa sư đoàn kỵ binh không vận Hoa Kỳ và các trung đoàn chính quy 33, 34 và 66 Bắc Việt là cuộc đụng độ lớn nhất giữa quân đội Bắc Việt và Hoa Kỳ. Tại Ia Drang, lần đầu tiên máy bay chiến lược B-52 được dùng yểm trợ chiến thuật cho các đơn vị Hoa Kỳ. Sau một tuần lễ giao tranh ác liệt từ 14 đến 19-11, quân đội Bắc Việt rút qua bên kia biên giới Cam Bốt. Hoa Kỳ không truy kích, chỉ oanh tạc đường mòn Hồ Chí Minh trong một chiến dịch không tập bí mật gọi là Operation Steel Tiger do toà đại sứ Hoa Kỳ tại Lào chịu trách nhiệm. Cuộc không tập bí mật "Steel Tiger" gồm 20.000 phi vụ phối hợp với chiến dịch không tập Bắc Việt công khai "Operation Rolling Thunder" gồm 55.000 phi vụ trong năm 1965 vẫn không cắt đứt nổi con đường tiếp vận của Bắc Việt. Chiến lược tưởng như chắc thắng của Westmoreland bắt đầu có vấn đề.

Năm 1966 cuộc chiến tiếp tục leo thang. Tại hội nghị thượng đỉnh Honolulu tháng 2-66 giữa tổng thống Johnson và hai tướng Nguyễn Văn Thiệu (Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia - như Quốc trưởng) và Nguyễn Cao Kỳ (Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương - như Thủ

tướng), hai tướng Thiệu và Kỳ hứa xây dựng một chính quyền dân sự hợp hiến để thu phục nhân tâm (Bùi Diễm, *In the Jaws of History*, trang 162). Trong khi đó tổng thống Johnson tăng thêm 100.000 quân, nâng tổng số lên 280.000 người, không kể 60.000 thủy thủ của hạm đội 7 yểm trợ cho cuộc không tập Bắc Việt và 35.000 quân đồn trú tại Thái Lan. Quân đội miền Nam tăng lên 750.000 người kể cả địa phương quân và cảnh sát. Bộ đội cộng sản tại miền Nam cuối năm 1966 gồm 275.000 quân gồm 45.000 quân chính qui Bắc Việt (điều trần của McNamara trước Thượng nghị viện ngày 23-1-67).

Chiến cuộc sôi động trong năm 1966 làm cán bộ hạ tầng của cộng sản bận rộn với chiến trường nên năm qua 1967 tình hình an ninh nông thôn miền Nam trở nên sáng sủa, nhất là sau khi tổng thống Johnson giao cả hai nhiệm vụ quân sự và dân sự cho tướng Westmoreland, và nhất là sau cuộc bầu cử tổng thống tại miền Nam theo tinh thần bản Hiến Pháp Đệ nhị Cộng hoà được một Quốc hội Lập hiến công bố trong tháng 4-67. Tháng 9-67 tướng Nguyễn Văn Thiệu đắc cử tổng thống cùng liên danh với tướng Nguyễn Cao kỳ đứng phó.

Nhưng vào lúc tình hình miền Nam có vẻ sáng sủa thì trận Mậu Thân xảy ra với hình ảnh chiến trường sôi động nhất là hình ảnh căn cứ Khe Sanh bị bao vây, toà đại sứ Mỹ tại Sài Gòn bị đột nhập, một số thành phố như Huế, Bến Tre bị đổ nát. Lần đầu tiên truyền hình mang kinh hoàng của chiến tranh đến tận từng gia đình người Mỹ và làm cho dân chúng Mỹ hoàn toàn mất tin tưởng vào một sự chiến thắng tại Nam Việt Nam như chính phủ từng tuyên bố. Tổng thống Johnson đang chuẩn bị tranh cử nhiệm kỳ 2 (tháng 11-68) và ông không đủ can đảm thấy một cuộc chiến dai dẳng trong ngày bầu cử và cá nhân ông bị thành phần chống chiến tranh bêu rếu “nướng thanh niên Mỹ” ngoài chiến trường. Ngoài ra sự tin tưởng chiến thắng của bộ tham mưu của tổng thống Johnson cũng bắt đầu lung lay, mặc dù cuối tháng 11-67 khi về Hoa Kỳ báo cáo tình hình với tổng thống, tướng Westmoreland lạc quan tuyên bố Hoa Kỳ đang thắng và quân đội Mỹ có thể bắt đầu rút về từ năm 1969. Các cố vấn của tổng thống gồm bộ trưởng quốc phòng McNamara, bộ trưởng ngoại giao Dean Rusk và cố vấn an ninh quốc gia Walt Rostow thấy thắng không phải là dễ và đang nghĩ cách xuống thang cuộc chiến.

Henry Kissinger cố vấn bình định cho đại sứ Cabot Lodge sau nhiều chuyến đi thăm nông thôn Việt Nam trong hai năm 1965 và 1966 về tận nông thôn cũng nghĩ Hoa Kỳ khó thắng (*Diplomacy*, trang 663). Trong khi đó Hà Nội lượng định rằng nếu tiếp tục các cuộc tấn công vào quân đội Hoa Kỳ phối hợp với sự phá hoại công trình bình định nông thôn để bao vây thành thị theo sách vở không chắc sẽ thành công vì

Hoa Kỳ có một khả năng vật chất to lớn. Hà Nội cần một trận thư hùng đánh thẳng vào tất cả các đô thị miền Nam để tạo điều kiện cho dân chúng miền Nam đồng loạt nổi dậy buộc quân đội Hoa Kỳ phải rút lui trước áp lực quốc tế; nếu không dư luận trong nước cũng làm sụp đổ ý chí chiến đấu của Hoa Kỳ. Quan niệm của một trận tấn công qui mô và đồng loạt vào các thành thị miền Nam nầy lắm. Và như đã nói ở trên, Nghị quyết 13 của Trung ương đảng cộng sản Việt Nam tháng 4 năm 1967 đã đưa trận TCK-TKN lên dàn phóng.

Bắt chước vua Quang Trung đánh quân Thanh bất kỳ xuất ý vào dịp Tết Kỷ Dậu năm 1789, Hà Nội vạch một kế hoạch đánh các đô thị miền Nam vào Tết Mậu Thân (30-1-68). Hằng năm vào dịp Tết Nguyên Đán có hươu chiến, quân nhân miền Nam nghỉ phép, pháo đốt gây tiếng vang là những điều kiện tốt cho một cuộc tấn công bất ngờ.

Hà Nội còn cần yếu tố bất ngờ chiến lược. Tháng 7-67 Hà Nội triệu tập các đại sứ về nước. Trước khi trở lại nhiệm sở, các đại sứ đều có nhiệm vụ làm cho các nước sở tại hiểu Hà Nội đang muốn thương thuyết với Hoa Kỳ. Điều kiện thương thuyết là Hoa Kỳ ngưng dội bom Bắc Việt. Hà Nội cần điều kiện tốt để chuyển người và vũ khí vào miền Nam. Mùa hè năm 1967, ông Raymond Aubrac, một người Pháp từng giúp đỡ Hồ Chí Minh khi ông ta đến Paris thương thuyết với Pháp năm 1946, lúc đó đang làm cho Cơ quan Y tế Liên Hiệp quốc, ngộ ý với Hoa Kỳ qua Kissinger (hai người gặp nhau trong một hội nghị của các nhà khoa học kêu gọi giải giới vũ khí nguyên tử giữa năm 1967) sẵn sàng đi Hà Nội thuyết phục Hồ Chí Minh thương thuyết với Hoa Kỳ chấm dứt cuộc chiến. Qua Kissinger, chính phủ Hoa Kỳ đồng ý, miễn là Raymond Aubrac không chính thức đại diện cho Hoa Kỳ. Hồ Chí Minh, qua Raymond Aubrac, nhấn rằng Hà Nội sẵn sàng thương thuyết nếu Hoa Kỳ ngưng dội bom Bắc Việt, và Hoa Kỳ có thể tiếp xúc với Mai Văn Bộ, đại diện ngoại giao của Hà Nội tại Paris. Mắc mưu Hồ Chí Minh, ngày 29-9 tổng thống Johnson tuyên bố tại Houston, Texas rằng không quân Hoa Kỳ sẽ ngưng dội bom Bắc Việt nếu việc này dẫn tới một cuộc thương thuyết hữu ích. (*Johnson papers*, 1968, Vol II, trang 879).

Hai bên ướm lời nhưng không có hành động cụ thể. Hoa Kỳ vẫn oanh tạc Bắc Việt và Hà Nội vẫn chuyển người và chiến cụ vào Nam. Nhưng Hà Nội biết Hoa Kỳ có phương tiện tình báo để biết nên cần một kế hoạch nghi binh khác để Hoa Kỳ không thể đoán được mưu đồ chính. Giữa tháng 10-67 Bắc Việt cho uy hiếp căn cứ Cồn Tiên ở địa đầu vùng giới tuyến bằng trọng pháo và đặc công, đồng thời cho quân bao vây căn cứ Khe Sanh, và cuối năm 1967 tung nhiều cuộc tấn công cấp trung đoàn và bán sư đoàn vào Lộc Ninh (29/10 - 3/11/67) và Dak To (3/11 - 22/11/67) nhằm dọc biên giới. Riêng Khe Sanh với 2 sư đoàn

(304 và 325C) gồm hơn 20.000 quân, Hà Nội tính rằng nếu diệt được Khe Sanh, cuộc tấn công vào các thành thị miền Nam dự tính vào dịp Tết sẽ dễ thành công hơn. Nếu không, cuộc tấn công sẽ giúp che giấu ý đồ của Mậu Thân.

Cứ điểm Khe Sanh, cách giới tuyến phân chia Nam Bắc Việt Nam 24 km, cách biên giới Lào 10 km, được lập từ năm 1962 do một lực lượng đặc biệt Hoa Kỳ trú đóng. Tháng 1-67 khi cuộc chiến lên cao độ, Thủy quân lục chiến đến thay thế đưa quân số đồn trú lên 6,000 người gồm 2 trung đoàn Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ và 1 tiểu đoàn Biệt Động quân VN. Ngày 20-1-68 cộng quân ồ ạt nã trọng pháo vào căn cứ Khe Sanh và hôm sau bộ binh Bắc Việt mở các cuộc xung phong vào các cứ điểm chung quanh mở màn trận đánh Khe Sanh kéo dài 77 ngày.

Trong lúc đó, nhân Tết Nguyên Đán, Hà Nội tuyên bố đơn phương ngưng bắn một tuần lễ từ ngày 27-1-68 đến 3-2-68. Tại miền Bắc Hà Nội cho dân chúng ăn Tết trước một ngày nói là để dân chúng hưởng hoàn toàn những ngày Hoa Kỳ ngưng dội bom, nhưng sự thật chỉ là một kế hoạch làm lạc hướng Hoa Kỳ, đồng thời để dân chúng chuẩn bị tinh thần cho những cuộc oanh tạc mạnh mẽ hơn sau khi cộng sản mở cuộc tấn công Mậu Thân.

Trong thời gian này Hoa Kỳ và Hà Nội chờ đợi lẫn nhau. Hoa Kỳ đợi Hà Nội ngưng xâm nhập để ngưng dội bom, Hà Nội chờ Hoa Kỳ ngưng dội bom để tăng cường xâm nhập.

Một nghi vấn chung quanh trận Mậu Thân là Hoa Kỳ biết ý định tổng tấn công của Hà Nội đến đâu và đã thông báo cho tổng thống Thiệu đến mức độ nào? Có lẽ Hoa Kỳ biết nhiều hơn những gì tướng Westmoreland thông báo cho tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Có thể Hoa Kỳ muốn trắc nghiệm khả năng tinh báo quân sự của VNCH và xem quân đội VNCH sẽ chống đỡ cuộc tấn công như thế nào. Có thể Hoa Kỳ muốn quân đội cộng sản xuất hiện để dùng hỏa lực tiêu diệt. Hoa Kỳ. Trong thời gian này các sĩ quan Hoa Kỳ phục vụ tại Việt Nam đều được cảnh giác một cuộc tấn công của cộng quân vào các thành phố miền Nam trong dịp Tết, nhất là một trận đánh quy mô chiếm thành phố Huế (1), trong khi đó quân đội miền Nam vẫn được nghỉ phép và nhất là ngày 27 Tết tổng thống Thiệu ban hành quyết định bãi bỏ giới nghiêm tại Sài Gòn trong 36 giờ ngưng bắn (John Bowman, *Vietnam War Day by Day*, trang 119), và thủ tướng Nguyễn Văn Lộc cho dân chúng tùy tình hình an ninh địa phương được đốt pháo trong 4 ngày từ 30 Tết đến hết ngày mùng 3 (*Cuộc TCK-TKN của Việt cộng - Mậu Thân 1968*, tài liệu Khối quân sự Phòng 5/TTM, trang 12). Ngày 30 Tết tổng thống Thiệu rời Sài Gòn về quê vợ ở Mỹ Tho ăn Tết (Bernard C. Nalty, *The Vietnam War*, trang 185).

Cũng có thể tướng Westmoreland không muốn cho báo chí Mỹ biết tình hình nghiêm trọng. Truyền thông Mỹ đang có khuynh hướng bi đát hoá tình hình tại Việt Nam. Trước đó hai tháng tại Washington, tướng Westmoreland, với sự khuyến khích của Bạch cung, đã tuyên bố Hoa Kỳ sắp kết thúc cuộc chiến trong thắng lợi.

Tuy nhiên tin tức tình báo vào những ngày gần Tết cho tướng Westmoreland thấy tình hình nghiêm trọng hơn đã tưởng nên ông yêu cầu tổng thống Thiệu duy trì ít nhất 50% quân số ở vị trí chiến đấu. Lệnh ngưng bắn được huỷ bỏ tại các tỉnh vùng I Chiến thuật và giảm từ 36 giờ xuống 24 giờ tại các nơi khác. Nhiều tư lệnh sư đoàn do khuyến cáo của sĩ quan cố vấn Hoa Kỳ thu hồi giấy nghỉ phép của sĩ quan và binh sĩ trực thuộc như hai sư đoàn chung quanh Sài Gòn, một sư đoàn tại Cao Nguyên và sư đoàn đóng tại Huế.

Trong đêm giao thừa Tết Mậu Thân (29-1 rạng ngày 30-1-68) cộng quân mở cuộc tấn công vào 8 thành phố và tỉnh lỵ thuộc vùng II và bộ tư lệnh vùng I tại Đà Nẵng, tất cả đều thuộc Quân khu 5 theo tổ chức vùng của cộng sản (Khối quân sự Phòng 5/TTM, *TCK-TKN*, trang 353). Dùng quân số cấp tiểu đoàn cộng sản đánh vào Nha Trang, Hội An, Ban Mê Thuộc, Qui Nhơn, Pleiku. Từ Mỹ Tho trở về Sài Gòn sáng mùng 1 Tết, tổng thống Thiệu bãi bỏ lệnh ngưng bắn trên toàn quốc và ra lệnh quân nhân nghỉ phép trở về đơn vị.

Đêm hôm sau, mùng 1 Tết cộng quân đánh vào 33 trên 42 thị trấn và thành phố khác của miền Nam, gồm Sài Gòn, Mỹ Tho, Cần Thơ và Bến Tre, bộ tư lệnh của tướng Westmoreland, dinh Độc Lập và toà đại sứ Mỹ. Tại dinh Độc Lập đặc công cộng sản trang phục giả quân đội miền Nam để tấn công nhưng bị đẩy lui.

Tại toà đại sứ Hoa Kỳ, 23 đặc công thuộc tiểu đoàn đặc công tinh nhuệ C-10 mặc thường phục tập trung tại một tiệm sửa xe hơi lãnh chất nổ, súng tự động và súng chống thiết giáp rồi dùng xe đến toà đại sứ Mỹ (*Eyewitness History of the Vietnam War 1961-1975*, The Associated Press, trang 101.) Toán đặc công bắn chết lính canh, dùng bộc phá đục một lỗ thủng ở vòng thành rồi chui vào bên trong. Toán Thủy quân lục chiến ở tầng cuối cùng khoá chặt cửa tử thủ. Sáng ngày, hai đại đội quân cảnh Hoa Kỳ phá tường lọt vào bên trong thanh toán từng ổ kháng cự của đặc công. Trong khi đó lính dù Hoa Kỳ từ trực thăng đổ xuống sân thượng tảo thanh từng tầng một từ trên xuống. Chín giờ sáng tiếng súng chấm dứt tại toà đại sứ, 23 đặc công bị giết, 6 chiến sĩ Hoa Kỳ tử thương (Khối quân sự Phòng 5/TTM, *TCK-TKN*, trang 99).

Việc đặc công chỉ lọt vào khuôn viên hay vào bên trong toà nhà của toà đại sứ không phải là một khác biệt quan trọng. Nhưng đối với dư luận Mỹ lại khác. Nếu Hoa Kỳ không giữ được an ninh cho toà đại

sứ của mình thì làm thế nào để giữ an ninh cho một xứ rộng hơn 160.000 cây số vuông như Westmoreland vừa báo cáo? Cuộc tấn công toàn quốc cho thấy những gì tướng Westmoreland và toà Bạch Cung tuyên bố mấy tháng trước là tình hình đang sáng sủa thật ra chẳng sáng sủa chút nào. Trước Mậu Thân giới truyền thông nghi ngờ chính quyền nhưng nói chung dân chúng vẫn còn tin quân đội Hoa Kỳ đang chiến thắng. Sau Mậu Thân niềm tin mong manh này cũng không còn.

Thật ra tướng Westmoreland không tô màu hồng cho bức tranh chiến cuộc Việt Nam khi cuối tháng 11-67 ông nói Hoa Kỳ đang chiến thắng và tiên đoán Hoa Kỳ có thể bắt đầu rút quân năm 1969. Ông miêu tả thực trạng của lực lượng đôi bên dựa theo lối lượng định sức mạnh quân sự cổ điển. Ông không thấy được khả năng huy động của người cộng sản trong một trận chiến tranh du kích có sự tham dự của nhân dân, mặc dù tham dự dưới áp lực của khủng bố.

Cộng sản đã dùng 84.000 quân gồm lính chính qui Bắc Việt và bộ đội tại chỗ (tại các tỉnh vùng I đã số lực lượng tấn công là quân chính qui) tấn công 36 trên 44 tỉnh lỵ, 5 trên 6 thành phố, 64 trên 242 quận lỵ, 50 trụ sở hội đồng xã, 23 căn cứ và phi trường. Cộng quân lọt vào được 13 trung tâm đông dân cư nhưng đều bị đẩy lui từ 2 đến 3 ngày ngoại trừ một vài ổ kháng cự kéo dài 6 ngày tại Sài Gòn, và Huế 25 ngày. Trong 25 ngày tác chiến, Bắc Việt thiệt 45.000 quân, bị bắt 6.991 người, miền Nam thiệt 2.788 người, 8.299 bị thương, Hoa Kỳ thiệt 1.536 quân, bị thương 7.764 (Bernard C. Nalty, *The Vietnam War*, trang 189). Quân đội miền Nam dù chỉ có nửa quân số dưới cờ đã chiến đấu một cách anh dũng và không một đơn vị nào bỏ súng theo đối phương, cũng không có vùng nào dân chúng nổi dậy phất cờ giống trống theo cộng sản. Tổ chức bí mật và nhân sự của Mặt trận Giải phóng miền Nam xuất hiện chuẩn bị nắm chính quyền đều bị lộ diện và bị vô hiệu hoá sau Mậu Thân. Sau cuộc tấn công dân chúng miền Nam ở thành thị hiểu cộng sản là gì, nhất là sau khi các mỏ chôn tập thể các nạn nhân bị cộng sản giết tại Huế được phanh phui. Lệnh tổng động viên của tổng thống Thiệu sau Mậu Thân được đáp ứng và ông ta bạo dạn trang bị vũ khí cho nhân dân tự vệ.

Tuy nhiên, phóng viên tại chỗ và báo chí thấy khác.

Trong đêm súng nổ tại toà đại sứ Hoa Kỳ, phóng viên từ hai khách sạn Caravelle và Majestic kéo tới làm tin và tranh nhau loan tin du kích cộng sản đã lọt vào toà đại sứ. Tin này làm xúc động dư luận tại Hoa Kỳ. Sáng hôm sau tướng Westmoreland đính chính rằng đặc công cộng sản chỉ vào được trong khuôn viên nhưng các phóng viên lờ đi vì họ có thói quen nghi ngờ các nguồn tin của chính quyền. Chiến trường Việt Nam là nơi lý tưởng để nổi danh nên nhiều phóng viên trẻ chưa có kinh

nghiệm chiến trường lẫn lý thuyết về chiến tranh đổ đến làm tin. Họ làm phóng sự nhanh vội nhảm chuyển về Hoa Kỳ tin tức nóng hổi và hình ảnh gây xúc động. Họ làm tin với mục đích chỉ cho dân thấy những gì toà Bạch Ốc và tướng Westmoreland tuyên bố về cuộc chiến đang thắng là một trò cười. Họ chuyển đoạn phim quay cảnh đổ nát của thành phố Bến Tre để bình luận “quân đội Hoa Kỳ phải phá nát thành phố này để cứu nó” mặc dù Bến Tre chỉ sụp đổ 25%, nhẹ hơn các thành phố Âu châu trong thế chiến thứ II. Họ loan tin kinh thành Huế sụp đổ hoàn toàn trong khi các bức thành của Cố đô vẫn còn đứng vững.

Tại Hoa Kỳ các nhà bình luận có uy tín thi nhau bình luận bất lợi cho Hoa Kỳ. Walter Lippman (*Newsweek* 11-3-68) tiên đoán Hoa Kỳ sẽ thất bại tại Việt Nam. Walter Cronkite (*CBS News* 27-2-68) nói nếu Hoa Kỳ leo thang chiến tranh, Hà Nội đủ khả năng đáp ứng và Hoa Kỳ sẽ đuối sức trước. *Wall Street Journal* vốn ủng hộ cuộc chiến Việt Nam, đổi lập trường, bình luận: “Nếu chưa chuẩn bị tư tưởng, dân chúng Hoa Kỳ cần chuẩn bị chấp nhận thực tế rằng chính sách của Hoa Kỳ đã thất bại tại Việt Nam” (“The Logic of the Battlefield”, 23-2-68). Đài truyền hình NBC trong một chương trình đặc biệt về Việt Nam ngày 10-3-68 kết luận: “Bỏ mọi chuyện khác ra ngoài, đã đến lúc chúng ta phải quyết định có cần phải phá huỷ Việt Nam để cứu Việt Nam không”. Tuần báo *Time* viết: “Năm 1968 cho chúng ta thấy một sự thật là, chiến thắng - hay ngay cả một cuộc thương thuyết thuận lợi - không ở trong tầm tay của quốc gia mạnh nhất thế giới.” (“The War!”, 15-3-68) (theo Henry Kissinger, *Diplomacy*, tr. 671 và 672)

Truyền thông, phụ họa với phong trào chống chiến tranh dâng cao đã lung lay tinh thần của tổng thống Johnson và đoàn cố vấn từng chủ chiến của tổng thống. Đêm 31-3-68 tổng thống Johnson tuyên bố đơn phương ngưng dội bom trên vĩ tuyến 20, không ra ứng cử tổng thống nữa và kêu gọi Hà Nội ngồi vào bàn hội nghị. Chưa đầy 72 giờ sau Hà Nội, vì cần củng cố lực lượng đang tan nát của họ tại miền Nam, tuyên bố sẵn sàng hoà đàm. Ngày 31-10, để yểm trợ cho ứng cử viên Hubert Humphrey, tổng thống Johnson ra lệnh ngưng dội bom toàn cõi Bắc Việt. Humphrey thất cử vì dân chúng Hoa Kỳ, tuy chẳng ủng hộ cuộc chiến tranh Việt Nam như năm 1964, vẫn không muốn thấy một chính quyền Dân chủ chạy trốn do Humphrey đại diện. Theo sử gia Arthur Schlesinger viết trong cuốn *Robert Kennedy and His Times* (1978), thăm dò dư luận lúc tổng thống Johnson đọc diễn văn cho thấy 61% dân chúng Hoa Kỳ vẫn còn muốn chiến đấu, và 70% nghĩ Hoa Kỳ chưa nên chấm dứt cuộc oanh tạc Bắc Việt.

Bản về ảnh hưởng quyết định của tổng thống Johnson đến kết quả của cuộc chiến Việt Nam, Henry Kissinger, thương thuyết gia của tổng

thống Nixon với Hà Nội tại Paris viết: “Đó là một quyết định có tính cách định mệnh của một tổng thống Hoa Kỳ sau thế giới đại chiến. Nếu ông Johnson không rút lui, ông ta vẫn có thể đương đầu với cuộc chiến và đắc cử một nhiệm kỳ nữa. Cho dù ông không muốn tiếp tục ứng cử vì lý do sức khỏe, ông vẫn có thể tăng áp lực đối với Hà Nội trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ để người kế nhiệm có thể mạnh mẽ thuyết phục với Hà Nội. Sau trận Mậu Thân thế quân sự của Hà Nội yếu nhiều, vì vậy nếu Hoa Kỳ tăng áp lực trong năm 1968 thế thuyết của Hoa Kỳ đã mạnh hơn. Vừa xuống thang chiến tranh, vừa tuyên bố không ra ứng cử tổng thống, đề nghị hoà đàm của Hoa Kỳ hoàn toàn bất lợi. Hai ứng cử viên tổng thống Richard Nixon và Hubert Humphrey tranh nhau hứa đem lại hoà bình trong danh dự nhưng chẳng có gì trong tay để bảo đảm lời hứa. Hà Nội đồng ý thuyết chỉ để được Hoa Kỳ ngưng dội bom để củng cố hạ tầng cơ sở chính trị miền nam bằng nhân sự Bắc Việt. Hà Nội đã không nhượng bộ tổng thống Johnson, và họ biết họ chẳng cần nhượng bộ người kế nhiệm.” (Henry Kissinger, *Diplomacy*, trang 672).

Hà Nội đã thắng qua Hiệp Định Paris 1973 và cuộc tấn công 55 ngày năm 1975. Hoa Kỳ rút được kinh nghiệm gì? Chưa thấy! Chỉ thấy Hoa Kỳ đã bỏ lỡ cơ hội thiết lập dân chủ tại Việt Nam khi khối cộng sản Nga sô sụp đổ. Và cho đến nay qua 6 đời tổng thống (Carter, Reagan, George Bush, Clinton, W. Bush, Obama) Hoa Kỳ vẫn còn lúng túng về một chính sách Việt Nam.

Chuyến thăm viếng của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tháng 6-2008 đánh dấu một bước thay đổi căn bản trong quan hệ Mỹ Việt.

Bản thông cáo chung kết thúc cuộc thăm viếng ghi nhận Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ “trao đổi việc mở rộng và tăng cường đối thoại giữa các quan chức cao cấp của hai nước... sẽ ủng hộ việc lập cơ chế đối thoại mới về chính trị-quốc phòng và chính sách nhằm tăng cường sự trao đổi thường xuyên và sâu hơn về các vấn đề chiến lược và an ninh”. Và sau cùng Hoa Kỳ “tái khẳng định sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ đối với chủ quyền quốc gia, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.”

Hoa Kỳ đang có cơ hội tạo một thế đứng tại Việt Nam và qua đó củng cố thế chiến lược của mình tại Tây Thái Bình Dương. Nhưng cơ hội còn chờ những bước đi của chính phủ Barack Obama. Ông Obama nhậm chức tổng thống Hoa Kỳ ngày 20-1-2009 nhất định sẽ mang lại một không khí mới trên chính trường Hoa Kỳ và thế giới, nhưng trước một khối công việc khác quan trọng hơn, nhất là sự chống đỡ tình trạng suy thoái kinh tế, không chắc ông ta có đủ thì giờ để tìm ra một chính sách đúng đối với Việt Nam trước áp lực của Trung Quốc. Sự việc tháng 7-2008 vừa qua hãng dầu ExxonMobil của Hoa Kỳ im lặng chằm

dứt giao kèo khai thác dầu mỏ và khí đốt với công ty PetroVietnam không phải là một dấu hiệu tốt. (2)

13-01-2009

(1) Cá nhân tôi có một bằng chứng rằng Hoa Kỳ biết khá rõ dự tính tấn công vào dịp Mậu Thân. Năm 1967 tôi đi tu nghiệp tại Trung tâm huấn luyện hải quân Hoa Kỳ tại San Diego. Cuối năm 1967 trước khi trở về Việt Nam, tôi đến tham dự một buổi tiếp tân ban đêm chào đón các sĩ quan Hoa Kỳ vừa trở về sau một năm phục vụ tại Việt Nam. Tôi chuyện trò với một đại úy hải quân (rất tiếc tôi không nhớ tên) và được biết ông ta là cố vấn cho căn cứ hải quân VNCH tại Thuận An, cửa sông Hương dẫn lên Huế. Nói chuyện Huế, chuyện Tết và tôi cho ông ta biết Tết sắp tới (tức Tết Mậu Thân) tôi có dự tính đưa các con về Huế ăn Tết và để các cháu thăm ông bà nội. Ông đại úy làm tôi ngạc nhiên vô cùng khi ông khuyên tôi Tết sắp tới nghĩ đâu thì nghĩ nhưng đừng có về Huế. Tôi hỏi tại sao thì ông ta lặng sang chuyện khác. Câu chuyện chứng tỏ bộ tư lệnh Hoa Kỳ tại Việt Nam biết rõ kế hoạch tấn công trong dịp Tết Mậu Thân của cộng sản Hà Nội và đã thông báo các cấp sĩ quan cố vấn. Tôi không quan tâm đến lời khuyên của ông đại úy Mỹ cho rằng chỉ là chuyện đùa vui. Tôi đã mang hai con trai về Huế ăn Tết và suýt bỏ mạng tại đó.

(2) Theo Roger Mitton trong tài liệu "China-Vietnam ties remain more sour than sweet" (Asia Sentinel Consulting 14 November 2008).

II- NHỮNG VẤN THƠ TƯỞNG NIỆM

Bốn mươi năm Mậu Thân

Ly Hương

Mậu Thân ơi làm sao ta quên được
Cảnh núi xương, sông máu tại quê nhà,
Khắp Kinh thành đầy dẫy bãi tha ma,
Chôn sống dân lành trẻ già khiếp đảm.

Làm sao quên bọn điên cuồng gian ác
Tắm máu người khi Xuân đến Mậu Thân,
"Giải khăn xô cho Huế" thật bất nhân
Khi Kinh thành phủ đầy màu tang trắng.

Niềm vui Xuân chết dần trong cay đắng !
Đau lòng thay số phận Huế mộng mơ !
Xác chết ngổn ngang không thấy nắm mồ !
Than khóc ngập trời ai gây nên tội ?
 Cộng quân về thấy ma khắp đường lối,
 Chúng hò reo trên xác chết dân lành
 Và thi nhau lặn ngụp uống máu tanh.
 Thù giặc Cộng vang rền trang sử Việt !
Bốn chục năm qua lòng chưa quên hết,
Bao căm hờn tủi nhục mãi vương lên.
Vớ lời thề mong sông núi hồn thiêng
Xin phù hộ dân Nam mau tiêu diệt
Giặc Cộng khắp nơi trên toàn nước Việt
Cứu vớt dân lành thoát mọi oan khiên...
Sáng tác nhân ngày kỷ niệm 40 năm MẬU THÂN

Mậu Thân, Anh nhớ gì không?

Ý Nga

Tím đen, xác rỉ nước vàng
Người tan nát mặt, họ hàng biết ai?
Chặt ngang cổ, bổ ngang tai
Đâm bàn tay thủng, kềm gai xâm vào*
Cọc tre xuyên đến đỉnh đầu
Cụm năm người chết, cụm xâu cả mười
Sinh tương bao xác đứng ngồi
Máu me rùng rợn, rã rời, trơ xương

Mưa rơi ray rứt đoạn trường
Con thơ khóc Mẹ, vợ thương khóc chồng
Mảnh nào nhận dạng bà, ông?
Mảnh nào rửa thối động lòng quật khai!

Cát Xuân, Diên Đại, Đá Mài,
Bãi Dâu, Hương Thủy, Phú Bài, Bao Vinh*
Trường Tiền, An Cựu bao tình
Đông Ba, Đại Nội: tử, sinh nào nùng
Đạn xuyên ót, sọ vỡ tung
Máu me kinh hãi buồn giòng sông Hương!

Huế nào khăn trắng tang thương
An Hòa, Thành Nội tai ương đã từng

*

Mưa thê thiết, xác trợn trừng
Đường nào cũng máu! Lệ từng con tim!
Đạn bay tứ hướng truyền... âm!
Cha con, chồng vợ gọi... thảm tên nhau
Truồi, Gia Hội, Phú Văn Lâu
Thủ tiêu, ám sát, chặt đầu, cuốc phang

*

Chết! Không ai thấp nén nhang!*
Chết oan vô tội hàng hàng thầy dân!
Chết! Không hòm gỗ che thân!
Chết! Không giọt lệ thân nhân sụt sùi!

*

Áo Vàng, chùa Huế, bao nơi...
Nơi nào không có máu sôi trong hồn?
Huế đau! Em nhớ Saigon!
Nhà em cũng cháy, chỉ còn tàn tro

*

Anh linh yên giấc ngàn thu!
Chúng tôi còn sống chẳng mù lương tri
Không chờ Tết mới nhớ về
Mỗi ngày mỗi nhớ! Trăm bề tâm đau!

9-2-2008 Mồng Ba Mậu Tý

- (1) Khe Đá Mài, quận Hương Thủy
(2) Bãi Cát Xuân Ổ, Diên Đại, quận Phú Vang
(3) Sau chùa Áo Vàng, quận 2 đường Chi Lăng
(4) Bãi Dâu, quận 2 phía Bao Vinh

Đưa em đi đào xác

Vô Danh

Đưa em đi đào xác
Chiều Gia Hội âm u
Trời mây đen vẫn vũ
Nước sông Hương lặng lẽ.
Đưa nhau hồn lạnh buốt
Em quần vành khăn tang
Xác chồng chưa tìm được

Lệ nhỏ thăm hoang mang.
Bên hồ chôn tập thể
Từng mảng người rung rung
Nhặt những xác vữa nát
Còn vương trói dây thừng.
Chiếc sọ nào nguyên vẹn
Sau nhát cuộc hải hùng
Những người dân vô tội
Chết sấp mặt phơi lưng.
Đưa em đi đào xác
Hai mươi mấy ngày trời
Thành phố Huế thoi thóp
Với đờn đau mặt người.
Ơi thịt xương từng nhúm
Gói ghém bọc ni lông
Nằm tổ cáo tội ác
Trong bốn tấm ván thông.
Những ngọn nến leo lắt
Như đóm mắt hồn ma
Nhìn hắt hiu chủ nghĩa
Qua nhang khói nhạt nhòa.
Đưa em buồn chất ngát
Mưa se sắt mặt mây
Em khoác tấm vải nhựa
Di ảnh chồng trong tay.

Tôi không tin

Hải Triều

Tôi không tin bộ đội VC có kỷ luật chắc chắn,
Tôi không tin VC nghiêm cấm đánh đập, đối xử xấu với tù binh,
Tôi không tin VC thăm sát hàng ngàn dân Huế là vô tình!
Vì sau cái gọi là "chiến thắng quang vinh"
Họ nhốt hàng trăm ngàn sĩ quan miền Nam
Họ hành xử như thú vật súc sinh
Đối với người thua trận
Tay không tắc sắt.
Cộng sản Việt Nam là một lũ ác
Nên chi năm Mậu Thân trong cơn hận thù
Họ đã thẳng tay tàn sát!

Tôi và bạn bè đã sống những ngày tan nát
Như những con vật trong các trại tù
Chôn anh em trong những sáng mây mù
Chôn anh em trong huyết mội âm u
Chúng tôi bị coi là kẻ thù nguy hiểm
Từng đêm, từng đêm...
Tôi đếm những giọt mưa
Tôi đếm những lợc lừa, những tội ác tày trời của người cộng sản!
Ôi! Đất trời mang mang
Quê hương Tổ Quốc
Đất vẫn lành sao vẫn toàn loài rắn độc
Bỏ trên ngài vàng từ Bắc vô Nam!
Tôi không làm
Không ai có thể làm!

Mộ Thân vết thương thế kỷ

Ngô Minh Hằng

Bốn mươi năm trước, một mùa xuân
Khấp nẻo thôn xa đến phố gần
Dân dã nôn nao mong hưởng Tết
Lính chờ hưu chiến, phút dừng quân
Hỡi ơi, Xuân ấy có đâu ngờ
Súng nổ điên cuồng, nát giấc mơ ...
Thành phố hoang tàn theo pháo giặc
Mùa xuân tẩm máu giữa giao thừa !!!
 Tại sao tàn nhẫn giết dân tôi ?
 Hưu chiến vì đâu máu đổ trời !
 Tập thể một mồi, ngàn xác chết
 Xác già, xác trẻ, xác nằm nôi !!
Mùa Xuân sao nở giết dân tôi ?
Cả triệu sinh linh chết ngậm ngùi
Từ trẻ đợi giờ khoe áo mới
Đến già đang ước bữa cơm vui ..
 Mùa Xuân, ai đã giết dân tôi ?
 Một nửa quê hương khói lửa vùi
 Ai pháo vào dân, vào bệnh xá
 Vào trường, vào chợ, viện mồ côi ?!
Ôi tang thương ấy bởi vì đâu
Sao chọn ngày xuân dựng thăm sầu ?!

Đề mãi Mậu Thân dòng uế sử
Cho đời nguyên rủa đến ngàn sau !
Xuân này là đã bốn mươi xuân
Nỗi hận niềm đau vẫn bội phần
Hằn dấu vết thương, đen thế kỷ
Mậu Thân, tội ác của vô thần !
Bao nhiêu oan khuất vẫn còn đây
Hận bốn mươi năm chữa lấp đầy
Chẳng lẽ cúi đầu than khóc mãi
Quê hương đang đợi cuộc vắn xoay ...
Hỡi nào toàn quốc đứng vùng lên
Nhân bản, yêu thương dựng lại nền
Dân chủ, công bình xin kiến tạo
Ngàn đời hiền hách giống Rồng Tiên
Đừng ngần ngại nữa, góp bàn tay
Cứu chính đời ta khỏi đọa đày
Và cứu dân lành trong đáy ngục
Bạo quyền lừa mị bấy lâu nay ...
Cứu quê cho hết vận mình đau
Và Mậu Thân xưa bớt hận sâu
Tiễn những hồn oan về cõi tịnh
Cờ Vàng công chính để muôn sau ...
2008

Hãy sám hối đi, hỡi người Cộng sản!

Chu Tất Tiến

Trong không khí của ngày Xuân vừa chớm
Nhớ lại những kinh hoàng của Tết Mậu Thân
Nhớ những sợi kẽm gai ghì xiết tay chân
Những nhát cuốc đập vào đầu ghê rợn.
Tiếng đạn réo bên tai nhồn nhợn
Máu đỏ loang ngay trước hiên nhà
Tiếng khóc mẹ già oà vỡ, vang xa
Không bảo vệ được con trai khỏi đạn.
Thiếu nữ gò má hồng tươi sáng
Mới vừa đây còn tươi nở như Xuân
Đã lặng im, phơi da bụng trắng ngần
Loang loáng máu, máu đỏ au trinh nữ.
Những nhóm sinh viên từng say mê con chữ

Chợt biến thành “nợ máu với nhân dân”
Để xếp hàng trước dãy hồ trước sân
Nhận viên đạn của lũ người-hồn-thú.
Từ vườn hoa đến đồng hoang, gió hú
Từ bờ sông, bãi sậy, đến thành đô
Thây người ngổn ngang, cây gãy, cọc xô
Máu cha, máu mẹ, máu chị, em loang mãi.
Tiếng rú, tiếng gào át tiếng AK kinh hãi
Ôi! Mùa Xuân hay Mùa Gặt Thây Ma?
Mùa của Vũ Trụ hay Mùa của Quỷ Ma?
Lũ quỷ đỏ sao vàng kia như ác thú!
Chúng nhân danh Chủ Nghĩa kia hung dữ
Giết người như bắn chó, giết heo
Những “nhà thơ” của chế độ cũng gào theo:
“Giết! Giết mãi, bàn tay không phút nghỉ
Cho ruộng đồng tươi tốt, lúa lên bông!” (1)
Giờ đây, chúng dùng bàn tay sắt bọc nhung
Để cai trị đám nhân dân cùng quần
Trong thinh lặng của nỗi đau uất hận
Chục triệu dân cùng muốn thét lên câu:
Hãy sám hối đi! Hãy quỳ gối, gục đầu!
- Xin lỗi Mẹ vì con vô lương, bất hiếu
Không cần biết đến sử xanh đàm tiếu
Chỉ mưu đồ cướp đất, giành dân
Giành đặc quyền cho chính bản thân
Rồi cai trị trên ngai vàng, hoang phí.
- Xin lỗi non sông, những kỳ hoa, thảo dị
Đã tan hoang, cây xói thảm thê
Gỗ quý, cây ngàn chặt vút ử ê
Rừng vàng, biển bạc đã bốc hơi, thành cát,
Sông ngòi xanh tươi đã trở thành bãi rác
Chất độc thấm quanh, cả thế kỷ không rời.
- Xin lỗi Tổ Tiên, ôi, nước mắt nghẹn lời
Từng tấc đất máu xương Tổ Tiên gìn giữ
Đã bị bán cho ngoại bang, kẻ thù hung dữ
Để con yên thân hưởng gái đẹp, rượu ngon
Nhà đất mệnh mông, hồ tắm, sân gôn
Tiền viện trợ, con đốt hoài không hết.
-Xin lỗi các Mẹ già, ngồi run run chờ Thần Chết
Đến rước đi một kiếp ngựa trâu
Ngồi bán củ khoai, nải chuối, buồng cau

Mong có đủ bữa cơm-khoai cho cháu.
Người vợ trẻ, mắt mờ to, đầy gân máu
Ngủ không yên bên lũ trẻ thiếu ăn
Bán sức người quần quật quanh năm
Thân cò lả, oặt ngang, như tấm giẻ
Vú sữa khô trên trái tim đầy lệ
Khắc khoải mong con một bữa no đầy.
- Xin lỗi các em, tuổi thơ, gió lay
Sống èo oặt như cỏ cây, như rác.
Vạn, triệu nhà mồ côi buồn, nghèo quay quắt
Chờ một nụ cười thiếu vắng trên môi
Tuổi thơ, ôi, tuổi thơ không có tình người
Không tiếng mẹ dỗ, cha đùa, chạy nhảy.
Chỉ có bờ rác với que khều, chất thải
Sống vật vờ tôm tép quanh ao
Bụng phình giun, chân lá sậy, xanh xao
Mờ to mắt nhìn những chiếc xe lộng lẫy
Những xa hoa của Thiên đường nào đấy
Những lầu cao hoa lệ, vũ trường
Nơi học sinh biến thành gái ăn sương
Bán trinh tiết để trả trang học phí..
- Ôi! Xin lỗi, xin lỗi những công nhân bình dị
Lấy sức người mong sôi đá thành cơm
Không hề mơ được ngửi nhánh hoa thơm
Bởi tôi tôi làm “vợ thuê” thiên hạ.
- Xin lỗi những cô gái quê tàn tạ
Muốn xa quê, làm nô lệ ngoại nhân
Đứng trần truồng cho một lũ vô luân
So lưới, nắn tay, cạy răng, nắn ngực
Cổ nghiêng răng dù lửa xông hừng hực,
Miễn sao đi xa, tìm kiếm chút tương lai
Dù biết rằng thân gái dậm dài
Có thể sẽ sa vào động dử.
- Xin lỗi các thanh niên, sống đời vô lự
Tìm rượu chè, bài bạc làm vui
Bởi tương lai, nếu không Đảng, không tươi
Sẽ chết rập với cuộc đời khốn khổ.
- Xin lỗi những vườn rau, núi cao, đất đỏ
Đã bị khai quang cho Tư Bản ăn chơi
Ruộng lúa, bờ ao thành biệt thự khơi khơi
Khách sạn, sân gôn, tầng tầng lớp lớp

Mặc cho Dân Oan đứng hàng hàng lớp lớp
Mỗi cổ kêu Trời, áo rách, mưa sa.
- Và, trên hết, xin lỗi Lịch Sử Bốn Ngàn năm đã qua
Chưa giai đoạn nào nhục nhân như hiện tại
Tham nhũng tràn lan, dân ta thảm hại
Lãnh tụ cậy quyền, ý thế hiếp dân
Nhà Nước một ổ tham ô, giàu nghèo cách phân
Cả thế giới nhìn nước ta như ổ điếm
Cầm thẻ ngoại giao đi xa, nước ngoài cười mỉm
Vi sợ lũ trộm ngày, ăn cắp như ranh
Ồi, xin lỗi, xin lỗi làm sao đoạt lại thanh danh?
Làm sao sửa lại khúc quanh lịch sử?
Làm sao cho Dân ta lại ngời ngời, rạng rỡ?
"Viên ngọc Viễn Đông" oai vĩ biển Đông?
Làm sao trong Mùa Xuân, hoa nở đỏ hồng
Như nụ cười trẻ thơ, như hồn xuân trinh nữ?
Hãy sám hối đi! Hãy bỏ hình quỷ dữ
Trở về với Tổ Tiên, tạ tội với Vua Hùng
Tám mươi triệu người đang vò võ ngóng trông
Một đất nước Tự Do, tươi sáng.
Lịch sử đang chờ,
Hỡi các người Cộng Sản!
Xuân Kỳ Sử.

